LƯƠNG Y HY LÃN - HOÀNG VĂN VINH

Chữa bệnh dạ dày BẰNG ĐÔNG Y



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

CHỮA BỆNH DẠ DÀY BẰNG ĐÔNG Y

LƯƠNG Y HY LÃN - HOÀNG VĂN VINH

CHỮA BỆNH DẠ DÀY

BẰNG ĐÔNG Y

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bệnh dạ dày là một trong những căn bệnh khá phổ biến, tỉ lệ người mắc bệnh cao. Đau dạ dày cũng được phân thành nhiều loại: đau do hư, do hàn, do thực, do thần kinh, do viêm loét...

Chữa trị bệnh dạ dày ngoài Tây y, người ta còn chữa trị bằng Đông y cũng rất hiệu quả, phù hợp với nhiều loại bệnh và dễ áp dụng. Để giúp bạn đọc có thêm kiến thức về chữa trị bệnh dạ dày bằng Đông y, Nhà xuất bản Hà Nội cho ra mắt bạn đọc cuốn sách "Chữa bệnh dạ dày bằng Đông y" *của tác giả Hy Lãn Hoàng Văn Vinh.*

Cuốn sách gồm các nội dung chính như sau:

- *Phần I. Kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lí dạ dày*
- *Phần II. Những kiến thức kinh điển về chữa trị bệnh dạ dày*
- *Phần III. Luận bàn về chữa bệnh dạ dày*
- *Phần IV. Các bài thuốc chữa trị bệnh dạ dày hiện đang áp dụng*

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách sẽ có ích cho độc giả, đặc biệt với những người quan tâm đến việc chữa trị bệnh dạ dày bằng Đông y.

Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của độc giả gần xa để cuốn sách được chỉnh lý hoàn thiện hơn ở những lần tái bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

PHẦN I

KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ GIẢI PHẪU SINH LÝ DẠ DÀY

1 - SƠ LƯỢC GIẢI PHẪU

- Là cơ quan rỗng trong hệ thống tiêu hóa nằm giữa thực quản và ruột.

- Trong ổ bụng nó nằm bên trái cột sống.

- Bên trái có lách, bên phải có gan.

2 - SINH LÝ

1) Chức năng tiết dịch

- Dịch vị có pepsinogen, HCl và một số men khác như lipaza, amilaza. Tiết ra yếu tố castle (yếu tố trong).

- Khi tiết ra HCl đồng thời tiết ra dịch nhầy bảo vệ niêm mạc.

- Sự tiết dịch vị chia làm ba giai đoạn:

+ Giai đoạn phản xạ: có điều kiện, không điều kiện.

+ Giai đoạn thần kinh hóa học có sự tác động của thức ăn lên dạ dày, giải phóng gastrin (là hoócmôn dạ dày) gây tiết dịch.

+ Giai đoạn ruột: Thức ăn xuống tới ruột, tiết một số chất đi vào máu, đến dạ dày kích thích dạ dày tiết dịch.

2) Chức năng vận động

- Dạ dày cấu tạo bởi lớp cơ đặc biệt để nghiền nát nhào trộn chuyển thức ăn xuống dưới.
- Trương lực dạ dày có thể tăng, giảm, mất.
- Vận động của dạ dày có thể bị ức chế, sau những kích thích đau đớn ngoại biên và trong giấc ngủ.
- Thức ăn từ dạ dày xuống tá tràng nhanh hay chậm phụ thuộc vào chất lượng thức ăn và sự tiêu hóa ở dạ dày.

3) Các chức năng khác

- Chức năng tiêu hoá: Pepsin + HCl tiêu đạm
  Renin hòa tan cazeine
- Chức năng tạo máu: Yếu tố trong (tức một loại men bình thường có ở dịch vị) có vai trò cấu tạo máu, chống thiếu máu Biermer.

3. SƠ LƯỢC NHỮNG TRIỆU CHỨNG CHÍNH VÀ CÁCH CHỮA TRỊ DẠ DÀY CỦA TÂY Y

1) Đối với bệnh viêm dạ dày cấp

Triệu chứng chính:

- Lợm nôn. Tức đau vùng thượng vỵ.
- Mửa ra thức ăn có cả mật, có vị chua hoặc đắng

Phương pháp điều trị:

- Nghỉ tại giường.
- Đắp nóng lên vùng dạ dày.

- Nhịn 24 giờ cho ăn nhẹ.

- Thuốc:

+ Chống co thắt: atropin sulfat (một lần cho người lớn 0,001g, ngày 3 lần).

+ Thuốc băng niêm mạc: Bítmuýt.

+ Các loại huyết thanh mặn, ngọt.

2) Đối với bệnh viêm dạ dày mạn tính

Triệu chứng chính:

- Lợm, nôn, tức đau vùng thượng vị

- Mửa ra thức ăn có cả mật, có vị chua hoặc đắng (như viêm dạ dày cấp ở trên)

- Ăn nhiều lên

- Đau sau bữa ăn

(Phải khám, X quang và soi để chẩn đoán)

Dùng thuốc thông thường theo Tây y:

- Chống co thắt: atropinulfat.

- Trung hòa vị toan: benbica-bicarbonat Na

- Băng niêm mạc dạ dày: Bitmuýt

3) Đối với bệnh loét dạ dày

Triệu chứng chính: Táo bón.

Vùng thượng vị thấy:

+ Đau lâm râm đến đau dữ dội.

+ Khi đói thì đau.

+ Đau cả về ban đêm.

+ Ăn rồi hoặc mửa xong thì hết đau.

+ Có thể có chu kỳ hàng năm về mùa lạnh.

+ Thời gian đau kéo dài.

+ Ấn vào thấy dễ chịu.

Chẩn đoán xác định:

- Tìm ổ loét bằng chụp X quang.
- Làm các xét nghiệm dịch vị, máu.

Điều trị:

Như viêm dạ dày mạn tính, hoặc phẫu thuật.

4) Đối với viêm cháy bỏng dạ dày

Triệu chứng:

Ngoài triệu chứng trên còn có cháy bỏng ở miệng.

Điều trị:

Thuốc trung hoà: bicarbonat Na (nếu bị axit), nước chanh loãng (nếu bị kiềm). Dùng sữa + lòng trắng trứng.

4 - SƠ ĐỒ KHÁM VÙNG BỤNG

Phía trước cơ thể chia ra làm 9 vùng:

Vùng 1: Hạ sườn phải đau do gan

Vùng 2: Đau do thượng vỵ.

Vùng 3: Hạ sườn trái đau do lách

Vùng 7: Hố chậu phải đau là đau ruột thừa

Vùng 9: Hố chậu trái đau là đau đại tràng

Bên phải rốn phía dưới đau là do ruột non (tiểu tràng)

Vùng 8: Là vùng hạ vỵ.

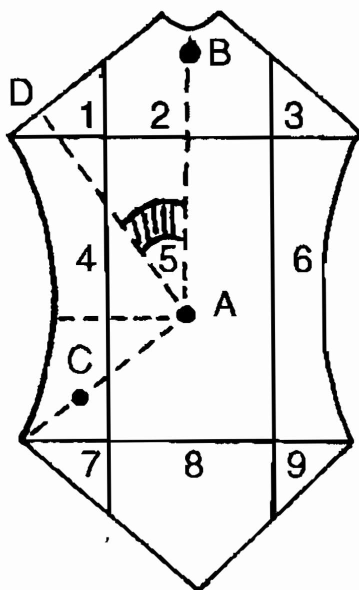
Vùng 5: Là vùng rốn.

A: Vùng đầu tuỵ ống mật

B: Điểm mũi ứ

C: Điểm Burney

D: Điểm túi mật



** Những điểm đau cần chú ý khi khám*

Điểm đau túi mật:

- Chỗ bờ ngoài cơ thẳng to phải gặp bờ sườn bên phải. Đau khi viêm túi mật. Đối với điểm túi mật ta còn làm nghiệm pháp Murphy: Ấn nhẹ ngón tay vào điểm túi mật, bảo người bệnh hít vào sâu, nếu đau người bệnh phải dừng thở lại đột ngột: nghiệm pháp dương tính gặp trong viêm túi mật - (Điểm D).

Điểm đau Mac Burney:

- Điểm chia 1/3 ngoài và 2/3 trong của đường giữa rốn và gai chậu trước trên bên phải. Đau khi viêm ruột thừa - (Điểm C).

Điểm cạnh mũi ức bên phải:

Đau trong bệnh giun chui ống mật - (Điểm B)

Vùng đầu tuỵ và ống dẫn mật chủ:

Ở trong góc một cạnh là đường giữa bụng, một cạnh là đường phân giác của góc đường giữa và đường ngang rốn bên phải. Vùng đau trong viêm tuỵ, sỏi mật - (Điểm A).

PHẦN II

NHỮNG KIẾN THỨC KINH ĐIỂN VỀ CHỮA TRỊ BỆNH DẠ DÀY

1 - TRỪ ĐÔNG TÊ NÓI:

"Phàm trị bệnh khí của vỵ (dạ dày) thực, nên dùng phép công, công đi thì bệnh dễ khỏi. Khí của vỵ hư mà dùng phép công thì bệnh không đi mà khí vỵ càng hư, ngược trở lại là không thể thông hành được sức thuốc nên bệnh vẫn như cũ vậy. Đó không phải là thuốc không trị bệnh mà chính cái khí của vỵ không đưa được lực thuốc vậy. Nếu công mạnh thì nguyên khí tổn thương mà bệnh càng nặng, nếu tiếp công nữa sẽ chết... Trị bệnh mà không xét tỳ vỵ hư thực thì không đủ tư cách làm thầy thuốc vậy".

Qua câu nói trên ta thấy chữa bệnh dạ dày phải nhận rõ bệnh thuộc hư hay thực, hàn hay nhiệt (như Tây y trong dạng nhiệt có chia ra viêm cấp, mạn, loét, cháy bỏng v.v...).

2 - TRƯƠNG CẢNH NHẠC (TRONG CẢNH NHẠC TOÀN THƯ) CÓ NÓI:

"Tỳ vỵ có bệnh thì nên chữa tỳ song tỳ là tạng thổ phân bổ đi các nơi cho nên trong 5 tạng đều có khí của tỳ,

mà trong tỳ vỵ đều có khí của 5 tạng, nó có quan hệ tương hỗ tương thành, không thể chữa riêng ra được. Cho nên người khéo trị tỳ vỵ có thể điều hòa 5 tạng tức là đã chữa tỳ vỵ vậy. Có thể chữa tỳ vỵ làm cho vỵ mạnh ăn tăng tức sẽ yên 5 tạng vậy. Người đời nay chỉ biết Sâm linh, Chỉ truật, Mạch nha, Thần khúc, Hậu phác là thuốc tỳ vỵ, mà không biết phong, hàn, thấp, nhiệt đều có thể phạm đến tỳ, ăn uống thất thường làm lụng nhọc mệt đều có thể tổn thương tỳ vỵ.

Ví dụ như:

- Tà phong mà thắng, nên làm cho tan thì các loại như Ma hoàng, Quế chi, Sài hồ, Can cát đều là thuốc đúng bệnh.

- Tà nhiệt mà thắng, nên dùng thuốc hàn lạnh thì Cầm, Liên, Tri, Bá, Tri tử, Thạch cao đều là thuốc đúng bệnh.

- Tà thấp mà thắng, nên làm cho táo (ráo khô) đi thì Xương truật, Bạch truật, Bán hạ, Trư linh đều chữa được cả.

- Ẩm thực (ăn uống) bị đình tích lại phải nên làm cho thông hành đi, các vị thuốc như Tam lăng, Nga truật, Đại hoàng, Mang tiêu đều đúng bệnh vậy.

- Trong người bị thương tổn vì quá nhọc mệt thì nên bổ, các vị Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Đỗ trọng đều là thuốc đúng bệnh. Tạng phủ tuy chia ra 11 song cùng có âm dương cùng khí huyết ấy, như kinh thái âm thường nhiều huyết ít khí, kinh dương minh thường nhiều huyết nhiều khí, giả thử hai kinh tỳ vỵ này mà có máu ứ thì bài thừa khí, để đương tất thảy đều là thuốc chữa tỳ vị. Giả thử hai kinh tỳ vỵ mà bị huyết hư thì thang Tứ vật, Ngũ vật, Lý âm tiễn, Ngô phúc thang lại cũng là thuốc chữa tỳ vỵ. Lại như tà của 5 tạng đều thông với tỳ vỵ, nếu tà can phạm tỳ mà can tỳ đều thực thì chỉ bình khí can là xong. Nhưng nếu can mạnh tỳ yếu thì có thể bổ can mà cứu tỳ

vậy. Tà tâm mà phạm tỳ. Tâm hỏa bốc thịnh chỉ làm mát hỏa là được rồi. Tâm hỏa mà không đủ thì bổ hỏa để sinh tỳ thì cũng được.

Tà phế mà phạm tỳ ấy, nếu khí của phế bị ủng tắc nên tiết phế để cứu tỳ khỏi trệ, khí phế không đủ thì phải bổ phế để phòng tỳ bị hư. Tà thận mà phạm tỳ thì tỳ hư sẽ bị thủy khắc ngược trở lại nên cứu tỳ là chủ yếu, nếu thận hư khó mà thực hiện được quyền mở đóng nên cần phải làm mạnh thận trước tiên. Vỵ giữ chức thu nhận, tỳ chủ việc vận hóa, nếu có thể thu nạp mà không hóa thì cái điểm tỳ hư dễ thấy, nếu đã không thể thu nhận lại không thể vận hóa thì cái khí của tỳ vỵ đều quá thiếu thốn, tất nhiên phải cấp tốc dùng loại thuốc như Thang thập toàn đại bổ, Lục vị hồi dương. Còn sợ không kịp mà dùng Sơn tra, Hoàng cầm, Chỉ thực, Bạch truật thì càng làm cho tỳ vỵ bị đình đốn. Cho nên mỗi khi tỳ vỵ bị tổn thương thì thuốc gì làm cho tỳ vỵ không bị tổn thương đó là thuốc của tỳ vỵ rồi, cho nên cần phải xem kỹ bệnh tình ứng biến phù hợp mới được. Cho nên càng không thể chấp nhận một hai phương có sẵn, rằng phương công tà, rằng phương mạnh vỵ v.v... mà chữa được đâu.

Qua lời bàn của họ Trương thì thấy:

- Có thể điều chỉnh âm dương khí huyết, tương khắc tương sinh của 5 tạng mà chữa được tỳ vỵ.

- Bất kỳ vị thuốc gì mà dùng đúng chức năng của nó đều là thuốc chữa tỳ vỵ.

- Cần phải biết rõ hư thực hàn nhiệt, tìm rõ nguyên nhân do phong, hàn, thử, thấp, do ăn uống, hay do thương tổn mệt nhọc v.v... rồi gia giảm với phương sẵn có, phù hợp chức năng Tỳ và Táo, Vỵ và Thấp mới chữa được.

3 - THEO HỒ QUANG TỪ BIÊN SOẠN TRONG "TẠP BỆNH CHỨNG TRỊ TÂN NGHĨA"

(Nhà xuất bản nhân dân Tú Xuyên Trung Quốc ấn hành năm 1958)

A - VIÊM DẠ DÀY CẤP

1) Nguyên nhân bệnh:

Vỵ (dạ dày) là khí quan đầu tiên để dung nạp thức ăn đồ uống, cho nên biến hóa thành viêm rất dễ. Khí giới tính, ôn độ tính, hóa học tính đều có thể dẫn đến bệnh này bởi những kích thích có hại.

Nguyên nhân lớn nhất của viêm dạ dày cấp là bạo ăn, uống bừa cuồng rượu, dầu mỡ cay chua quá đáng cũng có thể gây nên. Thứ hai là ăn những vật quá nóng lạnh, toan nhiều, kiềm lắm đều có thể gây nên viêm. Lại một bộ phận của viêm dạ dày cấp hay phát về mùa hè cùng vi trùng đường ruột có quan hệ, cụ thể nguyên nhân bệnh hiện nay còn chưa rõ.

2) Chứng hậu

- *Trương Cảnh Nhạc nói*: "Phàm ở vỵ có tà thực mà sinh ra nôn, tất có nguyên nhân, tất phải có chứng hiện ra.

+ Nếu nhân lạnh trệ phải đau đớn nhiều.

+ Nếu do thức ăn đình trệ hẳn phải có chướng đầy.

+ Nếu do khí nghịch lên tất phải đau chướng liền tới sườn.

+ Nếu do hỏa uất tất phải phiền nhiệt ráo khát, mạch hồng mà hoạt.

+ Nếu do ngoại cảm tất phải đầu mình phát sốt, mạch xác khẩn.

- *Trương Cảnh Minh nói*: "Ngẫu nhiên gặp gió lạnh bèn sinh nôn mửa, đầu trán nhức đau, mặt đỏ nóng đó là tà phong vào kinh dương minh, chứng của người đau dạ dày nôn mửa vậy", "nắng nóng thi hành lệnh đầu xây xẩm mặt tối, nôn mửa, mình nóng sợ lạnh, phiền khát đòi uống, răng khô môi ráo, tiểu tiện sắc đỏ hoặc vẩn đục sít ngắn, đó là chứng thủ nhiệt vậy". "Trước ngực đầy buồn bực, ợ hơi gây đau, đau thì nôn mửa, được ăn khỏi đau, ấn cũng đau, đó là chứng thức ăn tích đọng mà nôn mửa vậy".

- *Vương Khẳng Đường nói*: "Nôn do nhiệt ăn ít thì ra, thích lạnh sợ nóng, phiền táo đòi uống, mạch xác mà hồng... vy nhiệt mà mửa ra thì ngửi thấy hơi cơm bèn nôn, uống thuốc vào cũng nôn, hoặc thương hàn chưa giải, trong ngực có nhiệt, mạch quan hồng là đúng".

Tài liệu tham khảo:

Người đau dạ dày cấp tính phần nhiều sau khi ăn tổn thương hoặc do nguyên nhân khác, lập tức phát sinh chứng trạng tiêu hóa không tốt, vùng bụng có cảm giác áp bức chướng đầy, miệng thở ra mùi thối, lưỡi có rêu, trong miệng khô ráo, có mùi vị giống như hồ, dễ ợ hơi, chán ghét thực vật chỉ có thể giữ gìn sự sống bằng thực vật thực phẩm cay chua kiềm tính, có lúc nôn mửa kịch liệt, vùng bụng trên dần đau, chứng trạng toàn thân là bệnh tự giác thấy mỏi mệt không có sức, mạch đập dần tăng nhiều, 38 độ C trở xuống, sắc nước tiểu dần có mủ, thể ôn phổ thông dần tăng, có một số bệnh nhân nhiệt độ cao, đầu váng, xây xẩm, ý thức dần lẫn lộn tựa như thương hàn, đó là chứng viêm dạ dày tính cảm nhiễm. Trải qua thời gian dài ngắn không giống nhau, người nhẹ chỉ thấy chứng trạng tiêu hóa không tốt 1-2 ngày là khỏi. Người nặng có trạng thái trầm trọng toàn

thân, thế bệnh liên miên đến 1-2 tuần, chứng nôn mửa nhiều hay ít tùy theo thế bệnh nặng hay nhẹ.

3) Cách chữa

Chứng này nguồn gốc tại khí dạ dày không hòa, cho nên chữa lấy *hòa vỵ là chủ yếu*, song theo các nhà bàn bạc theo chứng hiện ra còn có phân biệt thuộc biểu hay lý. Cái do tà ở phần biểu mà phát bệnh ấy như gió lạnh, nắng nóng gây nên nôn mửa, chữa nên dùng phép thanh biểu điều vỵ.

Tà gió lạnh phạm dạ dày có thể giải biểu hòa vỵ dùng "Thang phòng cát nhị trần" mà chữa. Thử nhiệt phạm dạ dày nên thanh thử hòa vỵ dùng "gia giảm chính khí tán" mà chữa. Chứng bên trong thực như dạ dày nóng, ăn thì tích trệ, chữa nên dùng phép thanh lý điều vỵ, dùng "gia vị nhị trần thang" mà chữa.

Người thức ăn trệ đọng nên tiêu thức hòa vỵ dùng "gia bí tiêu trệ thang" mà chữa.

Người khí nghịch phải lý khí hòa vỵ nên dùng "thang tiểu bán hạ sài hồ sơ can tán phục phương" mà chữa.

4) Phương thang

a) Thang phòng cát nhị trần (Chứng nhận mạch trị phương)

Dược:

Phòng phong	*Trần bì*
Cát căn	*Phục linh*
Bán hạ	*Cam thảo*

Sắc nước uống, phong hàn thêm Gừng sống, phong nhiệt thêm Sơn chi, Hoàng liên, Trúc nhự.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc giải biểu hòa vỵ. Dùng Phòng ıhong, Cát căn để giải tà ở phần ngoài cơ thể (phần biểu). 'hang nhị trần để ráo thấp hòa vỵ, cho nên dùng trị tà gió ạnh phạm dạ dày gây nôn mửa, một phép tốt trong ngoài ùng trị. Nếu dùng cho người bị cảm mạo rồi sinh viêm dạ lày, trong phương này thêm Hoắc hương, Chỉ sác để :hoan khoái trung tiêu, Tử tô để hòa vỵ giải biểu thì thế rận càng thêm mạnh, có tác dụng ra mồ hôi giải nhiệt nạnh dạ dày chống nôn.

b) Thang gia giảm chính khí (Biên giả phương)

Dược:

Hoắc hương	*Hoàng cầm*
Chỉ sác	*Bạc hà*
Bán hạ	*Hậu phác*
Sơn chi	*Trần bì*
Lục nhất tán.	

Sắc nước uống, biểu thực không mồ hôi có thể thêm Iương nhu.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc làm mát nắng nóng hòa vị. Dùng Sơn chi, Hoàng cầm để làm mát nắng nóng, làm mát vỵ.

Hoắc hương, Bạc hà để tuyên hóa thử thấp. Bán hạ, Trần bì để hòa trung ngừng nôn. Chỉ sác sướng trung tiêu trừ đầy, cho nên làm phép tốt để chữa thanh hóa thử thấp ıgừng nôn. Nếu dùng chữa viêm dạ dày cấp tính cảm nhiễm có công hiệu giải nhiệt tiêu viêm, mạnh dạ dày, rấn trị nôn.

c) Thang Gia vị nhị trần (Chu Đan Khê phương)

Trị trong dạ dày có nóng, trên cách mô có đờm nên nôn mửa.

Dược:

Bán hạ chế	*Cam thảo*
Gừng sống	*Trần bì*
Chi tử (sao)	*Phục linh*
Hoàng liên	

Sắc uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc (thanh nhiệt) làm mát cái nóng hòa vị. Dùng Hoàng liên, Chi tử để mát cái nóng trong dạ dày. Thang Nhị trần để hóa cái đờm trong cách mô. Bán hạ hợp cùng Gừng tươi đó là thang Tiểu bán hạ của Trọng Cảnh có tác dụng ngừng nôn cho nên dùng làm phương thuốc tốt mát nóng ngừng nôn chữa nôn do nhiệt.

d) Thang gia bí tiêu trệ (Chứng nhân mạch trị phương)

Dược:

Xương truật	*Cam thảo*
Mạch nha	*Đại táo*
Hậu phác	*Chỉ thực*
La bặc tử	*Trần bì*
Sơn tra	*Sinh khương*

Sắc nước uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc tiêu ăn điều hòa dạ dày (vỵ). Dùng thang Bình vỵ để ráo thấp khoan trung hòa vỵ. La bặc, Sơn tra, Mạch nha để tiêu đờm hóa thức ăn, Gừng sống để ngừng

nôn, Đại táo để hòa trung tiêu, cho nên dùng làm phương thuốc tốt trị do thức ăn trệ đọng mà nôn mửa.

Nếu dùng chữa viêm dạ dày cấp tính dẫn đến tiêu hóa không tốt thì có tác dụng làm mạnh dạ dày giúp tiêu hóa trấn nôn.

đ) Tiểu bán hạ sài hồ sơ can tán phục phương (Biên giả phương)

Trị khí nghịch, đờm ngăn trở, nôn mửa.

Dược:

Bán hạ chế	*Sài hồ*
Thược dược	*Xích thảo*
Sinh khương	*Trần bì*
Chỉ sác	*Xuyên khung*
Hương phụ	

Sắc nước uống

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc sơ gan lý khí hòa vỵ ngừng nôn. Dùng thang Sài hồ sơ can để bình cái khí ngược lên, thang Tiểu bán hạ để trừ đờm ngừng nôn, cho nên có thể dùng làm phương thuốc tốt chữa khí nghịch đờm, ngăn trở nôn mửa. Nếu dùng vào việc chữa nôn mửa do thần kinh có tác dụng mạnh dạ dày chấn đau trị nôn.

* *Lời bàn:* Viêm dạ dày cấp phải hòa vỵ.

1) Ở phần lý

- Nếu vỵ nóng: Cần mát nóng điều vỵ như "thang Gia vị nhị trần"

- Nếu thức ăn đọng: Cần tiêu cơm hòa vỵ như "thang Gia bí tiêu trệ".

- Nếu khí nghịch: Cần lý khí hòa vỵ như "Tiểu bán hạ sài hồ sơ can tán phục phương".

2) Ở phần biểu

- Nếu phong hàn vào vỵ: Cần giải biểu hòa vỵ như "thang Phòng cát nhị trần".

- Nếu nóng nắng vào vỵ: Cần mát nắng hòa vỵ như "Gia giảm chính khí tán".

B - VIÊM DẠ DÀY MẠN TÍNH

1) Nguyên nhân bệnh

Giống như nguyên nhân viêm dạ dày cấp ở trên, lâu không chữa khỏi thành mạn tính.

2) Chứng hậu

- *Trương Cảnh Nhạc nói*: "Vỵ hư gây nôn mửa chứng trạng không giống nhau cần nên phân biệt:

+ Nếu vỵ oản không chướng không phải là tà thực.

+ Ngực, cách mô không đau không phải là khí nghịch.

+ Bên trong không táo hỏa thì không phải chứng hỏa.

+ Bên ngoài không có phong hàn thì không phải là có biểu tà. Không ăn không hỏa mà hốt nhiên nôn mửa là vỵ hư.

- *Tần Cảnh Minh nói*: "Sợ lạnh thích ấm, không thiết uống ăn, gặp lạnh thì nôn, tứ chi mát lạnh, đại tiểu tiện trong lợi, miệng không khát, môi không khô sém, ăn lâu chẳng hóa, nôn ra không hôi thối, đó là chứng vỵ lạnh nôn mửa vậy".

Cần chú ý chữa vỵ hư nôn mửa, nếu nôn mửa lâu ngày không khỏi, phát cơn lặp lại luôn, cái nôn ra ăn lâu rồi không tiêu hóa, vỵ quản tuy chướng đau mà không sợ ấn cùng

mọi phương diện hư nhược toàn thân mà quyết định là hư.

Tài liệu tham khảo:

Viêm dạ dày mạn tính và cấp tính nói chung về bệnh dạ dày đều có:

Mặt lưỡi có rêu, ăn uống không phấn chấn, chán ăn ợ hơi. Một số bệnh nhân có biểu hiện rõ hơn như ố tâm, thậm chí nôn mửa, luôn luôn thấy ở lúc sáng sớm bụng đói, cho nên gọi là chứng mửa sớm (Thần thổ).

Bệnh nhân sắc mặt xanh trắng, doanh dưỡng hơi có chút không tốt. Nói chung bệnh tình trải qua thời gian lâu khoảng vài năm, bệnh thế lúc tiến lúc lui mà cuối cùng không thể khỏi hoàn toàn được.

3) Cách chữa

"Chữa nôn do hư nên dùng ôn vị bổ tỳ làm chủ yếu" xét ra người dạ dày hư yếu thì nên ấm trung tiêu bổ (vỵ) dạ dày lấy thang Hương sa lục quân mà chữa. Người vỵ lạnh nên lý trung ấm vỵ dùng thang Lý trung mà chữa.

4) Phương thang

a) Thang hương sa lục quân (Cục phương)

Trị trung tiêu hư, ăn khó vận hóa, nôn dữ.

Dược:

Nhân sâm	*Cam thảo*
Mộc hương	*Bạch truật*
Bán hạ	*Sa nhân*
Phụ linh	*Trần bì*

Sắc uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc ấm trung tiêu bổ vỵ. Dùng thang

Tứ quân tử để bổ trung tiêu ích vỵ, Sa nhân, Trần bì, Mộc hương để ấm trung tiêu hóa khí, Bán hạ, Sinh khương để ngừng nôn mửa. Cho nên dùng làm phương thuốc tốt để ấm bổ vỵ hư sinh ra nôn mửa. Nếu dùng chữa viêm dạ dày mãn tính có tác dụng cường tráng mạnh dạ dày chẩn trị nôn.

b) Lý Trung Hoàn (Thương hàn luận phương)

Trị vị lạnh nôn mửa

Dược:

Nhân sâm	*Chích thảo*
Bạch truật	*Can khương*

Sắc nước uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc lý trung ôn ấm vỵ, dùng Nhân sâm, Bạch truật, Chích thảo để bổ trung ích vỵ, Can khương để lý trung ôn ấm tỳ, cho nên dùng làm phương thuốc tốt chữa tỳ vỵ hư hàn nôn mửa. Theo dược lý phân tích thì hai phương nầy đều là thuốc cường tráng mạnh dạ dày, để tăng tiến cơ năng dạ dày, để cải thiện mọi chứng trạng của dạ dày. Phương này dùng Can khương thì so với phương trên tác dụng hưng phấn rõ hơn.

4 - THEO SÁCH "TRUNG Y CHẨN LIỆU YẾU LÃM"

(Do Đường Chỉnh Hữu dịch. Nxb Nhân dân vệ sinh, Bắc Kinh - Trung Quốc ấn hành, 1955)

A - VIÊM DẠ DÀY CẤP

1) Nguyên nhân bệnh

Phần nhiều do ăn uống không điều độ mà sinh bệnh, ví dụ như bạo uống bạo ăn, quả chưa chín, cá ươn, thực vật

ṇuá nóng quá lạnh, kích thích niêm mạc dạ dày sinh ra. Ngoài ra hoặc tiếp tục phát ở bệnh truyền nhiễm hoặc do chua, thạch tín, xút v.v... mọi dược phẩm, cùng các loại cua cá độc mà sinh ra viêm dạ dày tính trúng độc.

2) Chứng trạng

Không thiết ăn, vùng dạ dày nhức đau, có cảm giác tức như ấn nặng lên, có cảm giác đầy, miệng khát, buồn nôn, nôn mửa, miệng hôi, lưỡi rêu.

Chứng nói chung là toàn thân mỏi mệt, thiếu thốn khí lực, đầu nặng, đầu nhức, có lúc phát sốt nhẹ, đại tiện phần nhiều bí kết, nếu kiêm có chứng viêm ruột tức thì có đau bụng đi tả.

3) Cách chữa

Nếu vùng dạ dày có thức ăn đình trệ, cảm giác không khoan khoái có thể dùng ngón tay kích thích cổ họng hoặc uống nhiều nước hơi ấm, hoặc uống nước muối cho nôn ra.

4) Phương thang

a. Nếu thấy vùng dạ dày đau nhức, có cảm giác như đè nặng, không muốn ăn uống, bụng đau, buồn nôn hay nôn mửa, miệng hôi, lưỡi có rêu thì dùng:

Thang Hoàng liên:

Hoàng liên	*3 đồng cân*
Nhân sâm	*3 đồng cân*
Bán hạ	*6 đồng cân*
Cam thảo	*3 đồng cân*
Quế chi	*3 đồng cân*
Can khương	*3 đồng cân*
Đại táo	*3 đồng cân*

Gia giảm: Nếu sờ vùng bụng thấy vách bụng căng thẳng khẩn trương, vùng dưới tâm đề kháng mạnh, lúc ấn lên thấy đau nhức, như vậy kiêng bí đại tiện thì gia thêm Đại hoàng, có hạ ly gia thêm Phục linh.

b) Nếu chứng giống như thang Hoàng liên kể trên, đặc biệt dưới vùng tâm sờ cứng rắn, bệnh nhân tự thấy vùng dưới tâm có cảm giác bĩ tắc, buồn nôn hoặc nôn mửa, nhưng miệng hôi lưỡi rêu bình thường không nhiều như thang Hoàng liên kể trên thì dùng:

Thang Bán hạ tả tâm:

Hoàng liên	*1 đồng cân*
Nhân sâm	*2,5 đồng cân*
Bán hạ	*5 đồng cân*
Cam thảo	*2,5 đồng cân*
Can khương	*2,5 đồng cân*
Đại táo	*2,5 đồng cân*
Hoàng cầm	*2,5 đồng cân*

Gia giảm: Nếu bệnh chứng như thang Bán hạ tả tâm, nhưng phát chua nhiều, ợ hơi, bụng reo, tiết tả thì dùng:

Thang Sinh khương tả tâm:

Giống như thang Bán hạ tả tâm nhưng bỏ bớt Can Khương 1 đồng cân, thêm Sinh khương 2 đồng cân.

c) Nếu chứng hậu đau dạ dày đầy đủ, có bụng đau, có hoặc không phát sốt cũng dùng, cơ bụng căng thẳng có sức thì dùng:

Thang Sài hồ quế chi:

Sài hồ	*5 đồng cân*
Bán hạ	*4 đồng cân*
Quế chi	*2,5 đồng cân*

Hoàng cầm	*2 đồng cân*
Nhân sâm	*2 đồng cân*
Thược dược	*2 đồng cân*
Sinh khương	*2 đồng cân*
Đại táo	*2 đồng cân*
Cam thảo	*1,5 đồng cân*

Gia giảm: Nếu miệng hội lưỡi rêu nhiều thêm Hoàng liên, nếu tiện bí thêm Đại hoàng.

d) Dưới vùng tâm có cảm giác khẩn trương đình trệ mạnh, buồn nôn nôn mửa, tiện bí. Ví dụ khi khám thấy vùng bụng trên khoan rộng vách bụng đầy cơ bụng khẩn trương rõ, cường độ đề kháng vùng dưới tâm sờ biết có cứng rắn căng thẳng thì dùng:

Thang Đại sài hồ:

Sài hồ	*6 đồng cân*
Bán hạ	*4 đồng cân*
Hoàng cầm	*3 đồng cân*
Sinh khương	*4 đồng cân*
Thược dược	*3 đồng cân*
Chỉ thực	*2 đồng cân*
Đại táo	*3 đồng cân*
Đại hoàng	*1 đến 2 đồng cân*

Gia giảm: Nếu thức ăn đình trệ trong ruột có độc tính, có cảm giác đầy ở vùng bụng, tiện bí, có thể dùng thuốc cho tả đi, lúc này nên chọn dùng thang Điều vỵ thừa khí, thang Tiểu thừa khí, thang Đại thừa khí...

Nếu có độc đình trệ thì dùng thang Quất bì đại hoàng phác tiêu.

e) Thường ngày vỵ tràng hư yếu, rất dễ trúng độc thức

ăn uống, do ăn uống quá mức dùng thực vật không tốt khiến vùng bụng có cảm giác không khoan khoái, buồn nôn hoặc nôn mửa, vách bụng nói chung mềm yếu không có sức, đầy bụng nhẹ, vùng dưới tâm không cứng rắn thì dùng phương:

Bất hoán kim chính khí tán:

Xương truật	*4 đồng cân*
Hậu phác	*3 đồng cân*
Đại táo	*3 đồng cân*
Trần bì	*3 đồng cân*
Sinh khương	*3 đồng cân*
Bán hạ	*6 đồng cân*
Cam thảo	*1,5 đồng cân*
Hoắc hương	*1 đồng cân*

g) Muốn khiến tính độc của thức ăn cấp tốc bài trừ ra thì dùng bài này. (Ở vùng bụng thì cho nôn ra, dạ dày cũng cho nôn ra, nếu ở trong ruột cho đại tiện ra).

Bị cấp hoàn:

Đại hoàng	*Can khương*
Ba đậu	

lượng bằng nhau, cùng mật viên mỗi lần uống 0,5 đồng cân (ước 1,6g).

h) Nếu muốn cho mửa ra thì dùng bài:

Qua đế tán:

Qua đế, Đậu đỏ nhỏ lượng bằng nhau rồi nghiền nhỏ, trước lấy Hương sị 5 đồng cân thêm nước sôi 200ml đun thành dạng cháo lỏng, rồi bỏ bã, cho bột trên vào 2 đồng cân uống.

B - VIÊM DẠ DÀY MẠN TÍNH

1) Nguyên nhân

Tính nguyên phát do ăn quá vội, thường ăn thực vật khó tiêu hóa, lạm dụng rượu, hút thuốc quá độ, hoặc từ viêm dạ dày cấp chuyển sang, thường kiêm có chứng ăn vào là nôn, nôn nước chua; dạ dày có u cục, hoặc do mọi bệnh của tâm, phế, can, thận dẫn đến dạ dày lúc có máu uất phát sinh ra.

2) Chứng trạng

Bệnh nhân tự cảm thấy vùng dạ dày đầy chướng, đình trệ, có cảm giác như đè nặng lên, ăn uống không biết ngon, ợ hơi, nôn nước chua, tào tạp v. v... Đại tiện phần nhiều bí kết. Chứng trạng người ngoài biết là lưỡi có rêu, thường hôi miệng, vùng bụng đầy chướng, ấn đau. Chứng trạng nói chung là dễ mệt nhọc, đầu nặng xây xẩm, dễ lo sầu, không có khí lực, hoặc tim run rẩy đập nhanh, có dáng như suyễn thở lên cơn.

Đến kỳ cuối thì doanh dưỡng suy quá mà sinh ra gầy gò thiếu máu.

3) Cách chữa

- Dùng các phương trên tuy là thuốc chữa viêm dạ dày cấp đem chữa mạn tính cũng tốt.

- Trong viêm dạ dày mạn tính có rêu lưỡi, miệng hôi, đau tim, nôn mửa, ăn uống kém v.v... cùng với thân thể suy yếu, mạch đập trầm nhược, vùng bụng không có sức, có thể dùng phương sau đây, hoặc viêm dạ dày tính huyết uất do tâm can phế thận có bệnh dẫn đến cũng dùng phương này.

Thang Đinh hương phục linh

Đinh hương	*1 đồng cân*
Trần bì	*2 đồng cân*
Bán hạ	*6 đồng cân*
Can khương	*1,5 đồng cân*
Phục linh	*6 đồng cân*
Phụ tử	*1 đồng cân*
Quế chi	*3 đồng cân*
Súc sa nhân	*1,5 đồng cân.*

5 - THEO NỘI KHOA HỌC TRUNG QUỐC XUẤT BẢN NĂM 1975

Giới thiệu về bệnh viêm dạ dày mạn tính.

Chia ra 3 thể loại:

1. Can vị khí trệ
2. Vy nhiệt âm hư
3. Tỳ vị hư yếu

Và mô tả từng chứng trạng của từng thể bệnh như sau:

1) Loại can vy khí trệ

a) Chứng trạng

Mỗi khi ăn là đau tăng lên (vì khí đã trệ đọng ở vy mà lại ăn thêm vào càng khó chịu hơn vì trệ đọng thêm nên đau tăng lên), no thì ấm ách vy quản đau ghê gớm, đau không định một chỗ nào, đau căng lên cả hai bên sườn, nếu được ợ hơi hay trung tiện thì dễ chịu. Thừa chua trong vy nên ợ chua, rêu lưỡi mỏng, hay nôn mửa, mạch tượng trầm huyền.

b) Cách chữa

Cần phải điều hòa khí của vy, điều hòa trung tiêu, sơ

an, thường dùng "Tiêu dao tán" với "Kim linh tử tán" mà ia giảm cho phù hợp chứng hiện ra.

Tiêu dao tán gia giảm:

Sài hồ
Tô ngạnh
Kim linh tử
Phục linh
Cam thảo
Hương phụ
Bạch thược
Chỉ sác
Diên hồ sách

Kim linh tử tán

Kim linh tử (nấu với rượu, bỏ vỏ hột)
Huyền hồ sách (sao dấm)

Đều 1 lạng nghiền nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân rượu ấm điều uống.

Ghi chú: Bài này *Y học đại từ điển Trung Quốc* chú dẫn chữa nhiệt quyết tâm thống, khi đau giảm uống "Chỉ truật hoàn"

Gia giảm: Nếu chữa chua gia thêm Ô tặc cốt, Ngõa lãng. (Hoặc dùng Tá kim hoàn thay Tiêu dao tán ở trên). Ở tâm ẩu thổ (buồn nôn, nôn mửa) thêm Bán hạ, Trúc nhự.

Tá kim hoàn (Chu Đan Khê phương):

Trị can hỏa táo thịnh, sườn trái đau, nuốt chua, nôn mửa, tất cả các chứng can hỏa còn trị hoắc loạn chuyển gân (miệng nôn trôn tháo), hỏa tà cháy ở trong cùng với ly cấm khẩu, ăn uống vào miệng là nôn ngay.

Xuyên hoàng liên	*6 lạng*
Ngô thù du (ngâm nước muối)	*1 lạng*

cùng nghiền nhỏ, hòa nước làm viên, mỗi lần uống 3 đồng cân với nước sôi.

2) Loại vỵ nhiệt âm hư

a) Chứng trạng:

Đau rất ngoan cố, dạ dày cảm thấy nóng rát, lúc đói thì đau tăng thêm, ăn vào đỡ đau, ban đêm đau tăng lên, tâm phiền dễ sợ, má hồng đỏ ran ỉa phân màu đen, rêu lưỡi vàng. Mạch huyền tế sác.

b) Phép chữa

Sơ can tiết cái nóng đi nuôi âm làm mát dạ dày

c) Dùng phương

Thông ứ tiễn hợp cùng Thang Dưỡng vỵ

Thanh trần bì	*Mạch đông*
Chi tử	*Đan bì*
Thạch giải	*Sa sâm*
Tá kim hoàn	*Bạch thược*
Ngọc trúc	

3) Loại tỳ vỵ hư yếu

a) Chứng trạng

Ăn vào là chướng đau, thích xoa bóp sờ nắn, thích chườm ấm, mạch trầm tế không có sức. Lưỡi rêu nhạt, nôn mửa, buồn bực đầy tức, có đờm đặc hoặc loãng.

b) Cách chữa: Nên dùng

Thanh hương sa lục quân

Trị trung tiêu hư, ăn khó vận chuyển hóa sinh, nôn dữ dội.

Nhân sâm	*Cam thảo*
Mộc hương	*Bạch truật*
Bán hạ	*Sa nhân*

Phục linh *Trần bì*

Sắc uống.

(Ý nghĩa phương đã mô tả ở phương chọn lọc số 1. Viêm dạ dày mãn Tạp bệnh Hồ Quang Từ ở trên).

6- CÁCH CHỮA ĐAU DẠ DÀY CỦA TẦN BÁ VỴ TRONG "THIÊM TRAI Y HỌC GIẢNG CẢO"

(Nhà xuất bản Thượng hải 4-1964. "Vỵ oản thống" - đau dạ dày)

1) Nguyên nhân

Dạ dày chủ việc thu nạp và tiêu hóa thức ăn uống, lấy hòa giáng làm quí (điều hòa và giáng xuống). Nguyên nhân chủ yếu của việc dạ dày đau đó là không được hòa giáng. Nhân tố dẫn đến không hòa giáng được bởi:

- Do bị lạnh
- Do thấp đình trệ
- Do thấp nhiệt
- Do ứ huyết
- Do ăn uống mất điều độ
- Do tình chí bị uất kết
- Do bản thân người ấy hư yếu gây ra trong đó thường thấy có: Vỵ lạnh, vỵ khí, vỵ hư.

2) Cách chữa

Chữa đau dạ dày không thể để vỵ đứng một mình, bởi vì công năng tiêu hóa tỳ vị có quan hệ mật thiết. Vỵ chủ nạp nhận thức ăn, tỳ chủ vận chuyển biến hóa thức ăn, vỵ chủ đưa xuống, tỳ chủ đưa lên, vỵ nên thông, tỳ nên giữ. Hai cơ quan ấy tính chất không giống nhau nhưng tác

dụng thì thống nhất. Do đó tỳ và vỵ có quan hệ trong ngoài (biểu lý). Chẩn trị đau dạ dày cần phải từ hai phương diện tỳ vỵ mà suy xét. Lại nhân quy luật ngũ hành sinh khắc mộc hay khắc thổ, khí gan ngang ngược luôn luôn xâm phạm vỵ khắc tỳ, cho nên đối với chứng đau khí (khí thống) của đau dạ dày được đặc biệt chú ý tới gan, cho nên có tên gọi "Can vỵ khí thống" (Can là gan, vỵ là dạ dày, khí thống là đau khí). Đó là cái đặc điểm lý luận của đông y cần phải lý giải đông y đối với dạ dày và gan, tỳ (lách) mới có thể vận dụng chính xác phép tắc đông y để chữa bệnh đau dạ dày. Hiện nay thường thấy mấy chứng hậu dạ dày đau cũng như chứng hậu tương tự như dạ dày đau bày tỏ như sau:

a) Dạ dày lạnh đau:

Bởi ăn uống đồ sống lạnh và trực tiếp bị hơi lạnh dẫn đến sinh dạ dày đau. Tự nhiên vùng vỵ oản đau, thích nắn xoa cùng với ăn uống đồ nóng, thế bệnh không ngừng, kiêm thấy nôn mửa ra nước trong, sờ lạnh chân tay không ấm, mạch trầm trì, rêu lưỡi trơn trắng.

Loại dạ dày đau này bởi vì trung tiêu bị lạnh dẫn đến, thuộc vào chứng thực, nên dùng phép ấm trung tiêu tan giá lạnh.

Thang Hậu phác ôn trung:

Hậu phác	*1,5 đồng cân*
Đậu khấu	*7 phân*
Phục linh	*7 phân*
Mộc hương	*5 phân*
Can khương	*2 đồng cân*
Cam thảo	*5 phân*
Trần bì	*1,5 đồng cân*

Thông thường bị lạnh mát thì phát bệnh, có thể dùng bột Nhục quế, một vị cùng nước sôi điều uống. Nếu kiêm vì ăn uống sống lạnh không cẩn thận, bị thức ăn lạnh ngăn trở, đau đến kịch liệt thì cho thêm Thần khúc, Sơn tra để giúp cho tiêu hóa.

b) Do khí của dạ dày đau (vỵ khí thống)

Do khí của dạ dày gấy đau là nói khí cơ bị uất trệ dẫn đến dạ dày đau, vùng vỵ oản chướng đau công kích xung lên, ngực buồn bực bí tắc, được ợ hơi thì khoan khoái, hoặc kiêm có vùng bụng chướng, đại tiện khó khăn, mạch tượng huyền hoạt.

Loại dạ dày này hoàn toàn thuộc vỵ không hòa giáng, phép chữa nên thông hành khí tan trệ đọng.

Dùng phương:

Hương sa chỉ truật hoàn

Mộc hương	*Bạch truật*
Sa nhân	*Chỉ thực*

Nếu tương đối nặng hơn thì kết hợp với thang

Trầm hương giáng khí tán:

Trầm hương	*Hương phụ*
Sa nhân	*Cam thảo*

Khí của vỵ gây đau rất nhiều bởi khí của gan dẫn đến, phần nhiều có chứng trạng về khí can như:

Sườn đầy, chướng đau, luôn luôn có thở dài, thường hay phát cơn đau sau khi giận dữ, hoặc có bệnh sử tình chí không đạt nguyện vọng, có thể ở phép chữa trên tham hợp dùng phương sau:

Sài hồ sơ can tán:

Sài hồ	*1-3 đồng cân*
Bạch thược	*3 đồng cân*
Xuyên khung	*2 đồng cân*
Hương phụ	*3 đồng cân*
Trần bì	*3 đồng cân*
Chỉ sác	*2 đồng cân*
Cam thảo	*1,5 đồng cân*

Hoặc dùng phương

Thang Điều khí:

Hương phụ	*Mộc hương*
Cam thảo	*Thanh Trần bì*
Ô dược	*Hoắc hương*
Sa nhân	

- Phàm do khí can dẫn đến dạ dày đau dài lâu không khỏi, rất dễ hóa hỏa nên dùng phép chữa tân tiết khổ giáng tức là cay để tiết đi, đắng để giáng xuống. Dùng phương:

Hóa can tiễn:

Bạch thược	*Thanh bì*
Đan bì	*Sơn chi tử*
Trạch tả	*Bối mẫu*

Rồi kết hợp với "Tá kim hoàn" (Hoàng liên - Ngô thù du).

c) Dạ dày hư yếu đau (vỵ hư đau)

Chứng này đau chủ yếu ở tỳ, phần nhiều thiên về lạnh, lúc đau thường là lúc bụng rỗng (đói) được ăn hoặc ấn thì khoan khoái, kiêm thấy tràn chất chua, sợ lạnh thích ấm, chất lưỡi nhạt rêu lưỡi trắng mỏng, mạch tượng trầm tế không có sức (vô lực) hoặc là hư huyền.

- Phép chữa nên làm ấm và nuôi dưỡng (ôn dưỡng) khí trung tiêu, người xưa có đề ra rất nhiều phương tễ, tôi chủ trương dùng:

Thang Hoàng kỳ kiến trung:

Hoàng kỳ	*Quế chi*
Bạch thược	*Gừng*
Chích thảo	*Táo*
Di đường	

Chứng này hình thành chủ yếu do tỳ dương suy vi, trung khí (khí trung tiêu) bạc nhược, cũng có thể do đau lạnh đau khí truyền biến tới mà thành đau, do nhiều năm không khỏi, vì vậy cứ hễ lạnh là đau, hoặc bực tức thì lại dấy cơn lặp đi lặp lại.

Dưới tình hình bản thân tỳ vỵ hư hàn, cũng có thể biểu hiện mọi chứng trạng tiêu hóa không tốt, cần phải nhận thức được chứng này cơ bản là chứng hư hàn, không thể cùng đau dạ dày do chứng khác sinh ra mà lẫn lộn được.

Nhận xét của Trần Bá Vỵ:

Vỵ lạnh phần nhiều do hóng mát và ăn uống lạnh sinh ra, lúc đau thường kiêm sợ lạnh hoặc nôn mửa bọt trắng, nói chung trong phương thuốc có thể gia thêm Tía tô hoặc Ngô thù, một là để tan lạnh, một là để giáng khí nghịch xuống, đều có tác dụng ấm trung tiêu, nhưng ở đau dạ dày hư hàn có xuất hiện sợ lạnh hoặc nôn mửa dãi bọt trắng, nên dùng Quế chi chứ không nên dùng Tía tô, dùng Ngô thù cũng nên cùng Đẳng sâm kết hợp.

Điều đó nói rõ chứng vỵ lạnh và vỵ hư giống nhau về

chứng trạng, thích ấm thích xoa nắn, nên phân hư thực mà chữa. Ví như nói: Trị đau do lạnh dùng: "Thang đại kiến trung".

Xuyên tiêu *Can khương*
Nhân sâm

Trị hư yếu đau dùng:

Thang Hương sa lục quân

Mộc hương	*Sa nhân*
Đẳng sâm	*Bạch truật*
Cam thảo	*Phục linh*
Bán hạ	*Trần bì*

Đương nhiên cũng có thể được. Nhưng nghiêm khắc mà nói, bài trên chứng thực lại dùng Nhân sâm, bài dưới chứng hư lại dùng Hương sa... đều nên suy nghĩ.

Thực vậy, trên lâm sàng, chứng dạ dày đau thường thường hư thực lẫn lộn, dùng thuốc cũng kiêm đoái đến cái này cái khác nhiều, không thể phân chia máy móc được. Nhưng cái gì chủ yếu, cái gì thứ yếu cần phải thật rõ ràng. Khí của dạ dày đau thì từ can vỵ mà trị, lấy lý khí làm chủ, đó là phép thường, nhưng thuốc lý khí hay cay ráo (tân táo) làm hao hụt thương tổn khí âm, nhất là người máu của gan (can huyết) không đủ, bệnh nhân chỉ vượng thịnh lệch về can hỏa cần phải thận trọng. Xem như bài: "Nhất quán tiễn" của Nguỵ Ngọc Hoành thì trong tư dưỡng có sơ gan, đó là vì tổn thương âm gây đau mà lập ra.

Nhất quán tiễn

Sinh địa	*Đương qui*
Câu kỷ	*Sa sâm*
Mạch đông	*Kim linh tử*

Một bệnh án ví dụ của Tần Bá Vỵ

Tôi đã chữa một bệnh nhân nữ 57 tuổi, có hơn 10 năm bệnh sử đau dạ dày, thường dấy cơn luôn, không thể ăn được nhiều, miệng khô, uống nước nhiều tương đối, cũng chướng đau, luôn mửa ra đờm dính, ợ hơi khó khăn, đại tiện bí kết, chân lưỡi khô, đỏ giáng, mạch tượng tế huyền có sức. Chẩn đoán là máu của gan và vỵ âm tổn thương lớn, có xu hướng chuyển thành quan cách. Tuy nhiên trung tiêu khí trệ kiêm có đờm đục, không thể lại dùng các vị thuốc thơm ráo lý khí giảm đau. Bèn sử phương như sau:

Sinh địa	*Thạch giải*
Ngọc trúc	*Bạch thược*
Qua lâu	*Ma nhân*
Lục mai hoa	*Ô mai*
Bánh Kim quất	

Điều trị 1/2 tháng dần dần bệnh giảm

Trên sách vở có chứng dạ dày thũng sưng là một trong các loại thũng, bắt đầu trung oản hơi sưng gây đau, thũng lên rồi phá vỡ ra, sau đó nôn mửa ra máu mủ, kiêm có rêu lưỡi cáu trơn đen màu tro, dài lâu không lui bệnh, miệng ngọt khí uế trọc, dạ dày đau lâm râm, mạch nhân nghinh bên kết hầu đại (to), đó là chứng hậu vỵ oản phát thũng sưng, thũng đã phát thì nóng lạnh như sốt rét, mạch tượng hồng sác, hoặc thấy da dẻ tróc vảy.

Tôi xin nêu ra đây để độc giả cùng tham khảo.

7 - CÁCH CHỮA ĐAU DẠ DÀY (VỊ OẢN THỐNG) CỦA HỒ QUANG TỪ - TRUNG Y NỘI KHOA TẠP BỆNH CHỨNG TRỊ TÂN NGHĨA

(Nhà xuất bản nhân dân Tứ Xuyên, Trung Quốc năm 1958)

1) Nguyên nhân

Hồ Quang Từ có dẫn chứng một số nhà y nói, đều do đờm dãi thức ăn tích đọng uất trệ ở trong và thất tình chín khí tác động, cho nên cái dương trong trẻo không lên được, cái âm đục không xuống được mà cái tà của can mộc lấn tới gây bệnh, hoặc do bừa bãi ăn uống, mất điều độ, nóng lạnh quá mức... lâu ngày từ uất thành tích, từ tích thành đờm, đờm hỏa đốt cháy, máu đi bừa bãi không đúng đường, đờm và huyết cùng lẫn lộn làm trở ngại cho khí huyết lên xuống gây đau dạ dày. Tóm lại: Đau dạ dày đa phần do khí trệ, mà khí trệ có do lạnh, do thấp đờm, do ăn tích đọng, do máu ứ gây viêm gây vỡ lở, sùi mụn, can vy khí thống v.v...

2) Chứng hậu

Vương Khẳng Đường nói: "Người đau dạ dày, hoặc đầy hoặc chướng, ăn không xuống, nôn mửa, hoặc nuốt chua, hoặc đại tiện khó, hoặc tả lỵ".

Tần Cảnh Minh nói: "Không vì ngoại cảm lục dâm, ngẫu nhiên bị tổn thương vì ăn uống chèn lấp tích trệ ở vỵ gây trước ngực buồn bực đau. Đó là chứng do ăn tích vậy, đau cục bộ lan sang lưng, lưng cũng đau...".

"Ngày nhẹ đêm nặng, hoặc có tiếng òng ọc, bị lạnh thì đau, được nóng tạm đỡ, đó là đau do máu chết vậy?"

"Lúc đau lúc ngừng, miệng khát môi ráo, đau thì nhiều mồ hôi, đó là chứng tích chứa nhiệt vậy".

"Hai đường đại tiện tiểu tiện trong thông lợi, chân tay giá lạnh, miệng nôn ra đờm dãi, uống chất lạnh càng đau, đó là chứng tích lạnh vậy".

Thẩm Thị Tôn Sinh nói: "Đau dạ dày tất có chia ra hư thực, tóm lại cứ ấn vào mà đau giảm là thuộc hư... ấn vào đau tăng là thuộc thực... đau dữ dội mạch tất phải phục, cũng cần biết".

Mạch Quyết nói: "Trầm huyền tế động đều là chứng đau, tâm đau ở thốn, bụng đau ở quan, vùng hạ bộ ở bộ xích, mạch tượng đã rõ ràng".

3) Tư liệu tham khảo

Sau đây là tư liệu có quan hệ của y học hiện đại với đau dạ dày:

Bệnh quan năng thần kinh vỵ:

Đau dạ dày là bệnh quan năng thần kinh vỵ tức lâm sàng gọi đau dạ dày kiểu thần kinh, có triệu chứng vùng dạ dày kịch liệt đau đớn là triệu chứng duy nhất, đau đớn hoặc dần dần đau tăng thêm, hoặc đột nhiên dấy đau, như dùi đâm như cắn, đặc biệt phát ở vùng tâm oa, lan tỏa ra vùng lưng, bả vai trái, vùng rốn, cuối sườn, ấn mạnh thì giảm nhẹ, đồng thời có chứng vùng dạ dày no đầy, ợ hơi buồn nôn, hơn nữa thì nôn mửa. Độ chua của dịch dạ dày cao thấp không nhất định, đau lúc cao độ có thể thấy nét mặt xanh trắng, mạch đập nhỏ bé (tế tiểu), tứ chi quyết lạnh, dẫn đến mất cả thần chí. Trừ một số bệnh nhân nghiêm trọng thì sinh ra tổn hại doanh dưỡng, còn nói chung tiên lượng tốt.

Đau dạ dày kiểu khí chất:

1. Dạ dày viêm vùng bụng trên hơi đau, nhân thể hơi (khí thể) đầy mà hơi nổi cuộn lên, hơi ấn là đau.

2. Đau dạ dày kiểu vỡ lở (hội đãng) phần nhiều phát hiện khoảng thời gian từ 1/2 giờ đến 1 giờ sau khi ăn, đặc biệt là sau khi ăn những thức ăn khó tiêu hóa hay dễ phát sinh, một khi các chất ăn trong dạ dày chuyển vào ruột non (tiểu tràng) hoặc nôn ra ngoài khiến dạ dày trống rỗng, thì đau dạ dày tức thì giảm đau ngay hoặc tiêu tan hết đau. Đó là đặc trưng.

3. Vỵ có u cục lúc đầu rất không rõ ràng, thông thường chỉ thấy tiêu hóa không tốt hoặc hiện tượng như viêm dạ dày mãn, rồi tự nhiên chán ăn không rõ lý do, miệng trơn lưỡi có rêu, sau khi ăn thì chướng đầy ấn đau, có người phát sinh đau dạ dày luôn, không có quan hệ gì với chất ăn cả, sờ vào thì tri giác quá mẫn cảm, ợ hơi, quá nữa thì nôn mửa, vật nôn ra chủ yếu là niêm dịch (chất dịch của niêm mạc dạ dày) cùng với bã của thức ăn luôn luôn lẫn có dịch máu, trông như dạng nước cà phê, dù qua chữa chạy nhiều không dễ thu công hiệu, đó là đặc trưng của bệnh này. Trước mắt dùng phương pháp chẩn đoán sớm như chụp phóng xạ, kiểm tra chất dịch dạ dày... có thể biết đích xác là có u cục, nhưng không dễ chữa khỏi.

4) Cách chữa

Hồ Quang Từ dẫn lời Thẩm Thị Tôn Sinh nói: "Phàm đau dạ dày cần ôn tán (làm ấm cho tan đi) nhất thiết không được bổ khí, vì khí thịnh sẽ không thông thì lại đau tăng" và đề ra cách chữa như sau:

- Đau dạ dày do khí trệ cần dùng phương pháp ôn

trung lý khí là chủ yếu, nên dùng "Thang Diện ô nhị trần" mà chữa.

- Đau dạ dày do nhiệt nên làm mát trung tiêu lý khí, chữa bằng "Thang Thanh trung".

- Đau dạ dày do thức ăn tích lại nên dùng phép tiêu thức ăn lý khí, dùng "Gia vị Chỉ sặc tán" mà chữa.

- Đau dạ dày do đờm tích đọng nên tiêu đờm lý khí, dùng "Bạch loa sác hoàn" mà chữa.

- Đau dạ dày do máu ứ nên thông hành khí phá ứ dùng "Thang Cách hạ trục ứ" mà chữa.

- Đau dạ dày do lạnh nên lý khí tan lạnh dùng "Thang Cao lương khương" mà chữa.

5) Phương thang

a) Thang Diên ô nhị trần (Hồ Quang Từ phương)

Trị khí trệ gây đau vỵ oản

Diên Hồ sách	*16g*	*Sa nhân*	*16g*
Phục linh	*12g*	*Thiên thai ô dược*	*16g*
Bán hạ chế	*16g*	*Cam thảo*	*6g*
Hương phụ	*16g*	*Trần bì*	*12g*

Sắc uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc ôn trung lý khí. Dùng Diên hồ, Hương phụ, Ô dược để xử lý khí bị trệ. Sa nhân hợp bài Nhị trần để ấm trung tiêu hòa vy, cho nên có thể dùng chữa vị oản đau do khí trệ.

Nếu dùng chữa đau dạ dày kiểu thần kinh thì có tác dụng mạnh dạ dày chấn trị đau.

b) Thang Cao lương khương (Thiên kim phương)

Trị vùng tâm bụng đau như cắn không thể chịu nổi

Lương khương	*Quế tâm*
Hậu phác	*Đương qui*

Sắc uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc ấm trung tiêu tan hàn lạnh lý khí. Dùng Lương khương, Quế tâm để ấm trung tiêu tan lạnh ngừng đau, Hậu phác dễ khoan khoái trung tiêu, lý khí. Đương qui để hòa huyết giảm đau, cho nên là phương thuốc tốt chữa vy oản đau do hàn trệ. Nếu dùng dạ dày co thắt có tác dụng trị co thắt giảm đau.

c) Thang Thanh trung (Thống chỉ phương)

Trị trong dạ dày nóng dữ gây đau

Hoàng liên	*Bán hạ*
Thảo đậu khấu	*Sơn chi tử*
Phục linh	*Trần bì*
Cam thảo	

Sắc uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc mát trung tiêu lý khí. Dùng Chi, Liên để làm mát dạ dày nóng, Nhị trần hợp Thảo đậu khấu để ấm dạ dày, tan khí, cho nên dùng làm phương thuốc tốt chữa dạ dày đau do nóng. Nếu phương này thêm Hương phụ, Mộc hương dùng chữa dạ dày do viêm cấp tính có tác dụng mạnh dạ dày tiêu viêm giảm đau.

d) Gia vị chỉ sác tán (Hồ Quang Từ phương)

Chữa dạ dày đau do thức ăn tích lại. Phần nhiều ợ ra mùi trứng thối.

Chỉ sác *Tân lang*
Kê nội kim *Bạch truật*
Bán hạ *Hương phụ*
Thần khúc

Lượng bằng nhau sắc uống

Ý nghĩa phương:

Phương này vốn là Chỉ sác tán thêm Bán hạ, Thần khúc, Kê nội kim làm nên phương thuốc tiêu cơm lý khí. Dùng Chỉ sác, Hương phụ thơm tho sướng trung tiêu lý khí. Bán hạ để mô bĩ, Bạch truật mạnh tỳ vy, Thần khúc, Kê nội kim tiêu cơm thức ăn. Tân lang để dẫn trệ đọng, cho nên dùng làm phương thuốc tốt chữa dạ dày đau vì thức ăn đình trệ. Nếu dùng chữa đau dạ dày cấp do tiêu hóa không tốt có tác dụng mạnh dạ dày giúp tiêu hóa chấn trị đau.

e) Bạch loa sác hoàn (Đan Khê phương)

Trị đờm tích gây đau dạ dày.

Vỏ ốc, hến nung *Hoạt thạch*
Xương truật *Đào nhân*
Sơn chi *Thần khúc*
Hương phụ *Đởm nam tinh*
Chỉ sác *Thanh bì*
Mộc hương *Sa nhân*

Chế viên uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc tiêu đờm lý khí, dùng vỏ ốc hến, Nam tinh, Bán hạ để hóa đờm là chủ yếu, phụ giúp có Sa nhân, Xương truật mạnh tỳ trừ thấp, Chỉ sác, Thanh bì, Hương phụ, Mộc hương, lý khí sướng trung tiêu giảm đau,

lại dùng Hoạt thạch để lợi thấp, Sơn chi để làm mát uất nhiệt, Thần khúc để hóa thức ăn trệ đọng, Đào nhân để hoạt huyết nhuận tràng làm tá sử, thế là trong trừ đờm tiêu tích, mạnh tỳ lý khí, mát nóng, tiêu hóa thức ăn, hòa huyết nhuận tràng, có thể nói chu đáo các mặt cho nên gọi là thang thuốc quí chữa dạ dày đau do đờm tích đọng. Nếu dùng chữa đau dạ dày kiểu vỡ lở (hội đăng) có tác dụng mạnh dạ dày chế bớt chua, tiêu viêm giảm đau.

g) Thang Cách hạ trục ứ (Vương Thanh Nhậm phương)

Trị trung tiêu có máu ứ, trệ đọng ở vy oản gây đau.

Đương qui	*Xuyên khung*
Đào nhân	*Xích thuộc*
Hồng hoa	*Diên hồ sách*
Hương phụ	*Ô dược*
Chỉ sác	*Mẫu đơn bì*
Cam thảo	*Ngũ linh chi*

Sắc uống.

Ý nghĩa phương:

Phương này là thuốc hành khí hoạt huyết thông ứ. Dùng thang Tứ vật bỏ Địa hoàng hợp Đan bì để hoạt huyết. Hương phụ, Ô dược, Chỉ sác để hành khí. Đào hồng, Linh chi, Diên hồ để phá ứ tan huyết khí gây đau. Cam thảo điều hòa mọi thuốc, cho nên có thể dùng làm thuốc chữa máu ứ trệ đọng ở vị oản gây đau. Nếu dùng chữa đàn bà kỳ kinh huyết trệ không thông sướng, đau dạ dày kiểu phản xạ có tác dụng điều kinh trấn đau.

8 - CHỮA ĐAU DẠ DÀY (VỴ THỐNG) THEO SÁCH "TÂN BIÊN THANG ĐẦU CA QUYẾT" CỦA MÃ DƯ TAM

(Nhà xuất bản nhân dân Thanh Hải, Trung Quốc, xuất bản 12/1958)

Mã Dư Tam chữa vị thống (đau dạ dày) chỉ tổng hợp dùng bài "Gia vị Bình vỵ tán". *(Hòa tễ cục phương).*

Với mục đích: Điều khí, ấm dạ dày, tiêu hóa thức ăn, tránh khí bất chính 4 mùa. Ông cho rằng dù thực hay hư, hay do thủy, do khí, do lạnh, do nóng, do đàm đều dùng phương Bình vỵ tán mà thêm bớt cho phù hợp.

Dược:

Xương truật	*8 đồng cân*
Hậu phác	*5 đồng cân*
Cam thảo	*3 đồng cân*
Trần bì	*2 đồng cân*
Mộc thông	*2 đồng cân*
Hương phụ	*3 đồng cân*
Sa nhân	*2 đồng cân*
Bán hạ	*3 đồng cân*
Hoắc hương	*3 đồng cân*
Chỉ sác	*3 đồng cân*

Cùng nghiền nhỏ chia ra uống.

Gia giảm:

- Muốn giải phiền khát thêm Sơn chi, Trúc nhự, Hoàng liên, Thiên hoa phấn - trừ dãi lạnh thêm Ngô thù, Bào khương, Nhục quế.

- Đờm bọt nhiều thêm Phục linh, Bạch truật, Nam tinh.

- Muốn đình tụ dạ dày thêm Phục linh, Trạch tả, Trư linh.

- Nhiều chất chua thêm Thần khúc, Mạch nha, Linh lang, La bặc tử.

- Tiêu thức ăn thịt thêm Thảo quả, Sơn tra.

- Người yếu thêm Sâm, Linh, Truật, Hoàng kỳ.

- Tổn thương vì rượu thêm Can cát, Trạch tả.

- Muốn cho thăng tán dùng Thăng ma, Phòng phong.

- Nếu lo giận uất nộ thêm Linh lang, La bặc tử, Đại phúc bì, giảm Hậu phác, Chỉ sác, Cát cánh.

9 - DẠ DÀY VỠ LỞ (VỴ HỘI ĐĂNG)

A. THEO SÁCH "TRUNG Y CHẨN LIỆU YẾU LÃM"

(Nhà xuất bản nhân dân Vệ sinh Bắc Kinh Trung Quốc ấn hành 1955)

1) Định nghĩa

Dạ dày vỡ lở, Trung Quốc gọi là vị hội đăng, là tổ chức dạ dày yếu sức đề kháng, do tác dụng của vị dịch (dịch dạ dày) tiêu hóa biểu hiện bệnh hoạn thiếu thốn thực chất kiểu cục bộ.

2) Nguyên nhân

Luôn luôn có quan hệ với di truyền, thường ăn thịt luôn phần nhiều mắc bệnh này, loại thịt có thể xúc tiến dịch dạ dày phân bí. Ngoài ra còn do ngoại thương tổn hại niêm mạc dạ dày, nuốt xuống dạ dày loại thuốc ăn mòn gây thối, ăn thức ăn quá nóng cũng là nguyên nhân gây bệnh này.

3) Chứng trạng

Bệnh này tuy có thời kỳ lắng xuống tương đối dài,

nhưng phần nhiều đột nhiên ra máu, hoặc phát sinh viêm màng bụng kiểu lỗ rò, chứng trạng xuất hiện chủ yếu là đau dạ dày, nôn mửa, dạ dày ra máu. Đau dạ dày thì đau nhức kiểu co thắt, như dùi châm vào, như hun nóng vào dạ dày, phần nhiều hạn chế ở vùng tâm oa, hướng vùng lưng mà lan tỏa ra. Thường là sau bữa ăn từ 30 phút đến 1 giờ là dấy cơn đau. Cơn đau cùng tính chất và lượng chứa vật ăn vào có quan hệ, cho nên khó nhất định. Vật ăn dai có hình, vật ăn quá nóng quá lạnh đều dễ đau đớn. Nếu vỡ lở ở vùng bí môn thì sau khi ăn bèn đau, vỡ lở ở vùng u môn thì đau đớn tương đối chậm hơn. Bệnh này ở vùng lưng thường thấy đau đớn, vị trí ở mé trái cột sống đốt số 8 đến thắt lưng 3 trong khoảng đó đau. Ở vùng tâm oa, vùng lưng, vùng eo lưng có điểm ấn đau. Điểm nắn đau ở vùng tâm oa ở khoảng giữa đường nối liền rốn cùng mũi kiếm (kiếm đột) kéo một đường thẳng, cùng vị trí đốt thần kinh nội tạng cùng nhất trí chỉ đau một khu vực nhỏ, bằng đầu ngón tay. Điểm nắn đau vùng lưng, nếu vỡ lở ở u môn hoặc 12 chỉ tràng thì rõ ràng thấy ở mé bên phải các gồ cao từ đốt sống 11 đến đốt sống thắt lưng 2. Nếu vỡ lở vùng cong nhỏ hoặc vách sau thì đau ở hai bên vùng cao cột sống từ đốt sống thắt lưng 3 đến thắt lưng 7 cường độ đau bên trái bên phải đều nhau hoặc mé trái tương đối nặng hơn.

Chứng này ước 1/3 số ca vỡ lở có nôn mửa, thường ở lúc đau đớn kịch liệt phát sinh, sau lúc ăn trải qua 2 đến 3 giờ phát sinh nôn mửa là u môn bị vỡ lở, sau khi nôn mửa đau đớn thường giảm nhẹ. Lượng máu ra ở dạ dày do phạm vi vỡ lở cùng với huyết quản to nhỏ mà không giống nhau, nếu ra máu lượng nhỏ thì chứng tỏ có ra máu ngầm. Nếu lượng ít tiếp tục ra máu thì đại tiện ra máu hoặc lẫn ở trong phân, xuất hiện sắc phân dạng như dầu mỡ cháy

đen, nếu ra máu lượng nhiều thì từ miệng nôn ra. Ra máu hoặc đột nhiên phát sinh, hoặc ở lúc tâm trí thân thể quá nhọc, hoặc sau lúc ăn nhiều phát sinh, trước khi nôn ra máu thường có nao nao buồn nôn mà nôn không được (ổ tâm), đau dạ dày cảm giác khác thường vùng dạ dày mà mọi chứng trạng báo trước. Theo kết quả lâm sàng báo cáo, bệnh này do ra máu mà chết ước chiếm 2,3%.

Chứng trạng khác: Bệnh nhân thường kiêm có chứng vị toan quá nhiều, tào tạp, nuốt chua, miệng khát... Cảm giác muốn ăn bình thường hoặc tăng tiến, nhưng do sợ ăn lại đau đớn cũng có lúc ăn giảm, đại tiện phần nhiều bí kết. Người mắc chứng này nhẹ thì doanh dưỡng còn không trở ngại, tiếp tục ra máu thì sẽ thiếu máu gày gò dẫn đến khó hồi phục. Trong chứng kiêm phát của bệnh này rất đáng sợ là dạ dày thủng lỗ. Do ngoại thương kích động hoặc ăn quá no là dẫn dụ phát sinh bệnh này, vùng dạ dày đột nhiên đau đớn kịch liệt, vùng tâm oa vách bụng căng thẳng như tấm ván, sờ đến thì đau kịch liệt. Bắt đầu thường phát sinh nôn mửa, thở hít nông, xuất hiện thở hít kiểu ngực, mạch đập nhỏ bé, thể ôn đầu tiên nhiệt độ bình thường sau thì dần lên. Xuyên thủng lỗ thường hướng vùng màng bụng di dịch mà xuyên thủng. Nếu phát sinh viêm màng bụng kiểu xuyên lỗ thì có vùng bụng căng thẳng, đau kịch liệt, tứ chi quyết lạnh, mạch đập nhỏ bé... rồi lâm vào trạng thái hư thoát nghiêm trọng mà tử vong.

4) Cách chữa

Lúc cảm thấy dạ dày đau bởi vì tình huống vách bụng căng thẳng, có thể chọn dùng phương thuốc dưới đây:

a) Thang Sài hồ quế chi

Vách bụng dầy có sức đàn hồi, nói chung cơ bụng sờ

căng thẳng thì dùng, hoặc cơ bụng không căng thẳng mà bụng có sức dùng cũng phù hợp. Nếu đau đớn, nuốt chua, tào tạp thì phương này gia thêm Hồi hương, Mẫu lệ, nếu vẫn xuất hiện tiện bí có thể thêm Đại hoàng.

Dược:

Sài hồ	*20g*	*Bán hạ*	*16g*
Quế chi	*10g*	*Hoàng cầm*	*8g*
Nhân sâm	*8g*	*Thược dược*	*8g*
Sinh khương	*8g*	*Đại táo*	*8g*
Cam thảo	*8g*		

b. Thang Tứ nghịch tán:

Thang Sài hồ quế chi nói chung dùng cho người cơ bụng căng thẳng, Tứ nghịch tán dùng cho người cơ thẳng bụng trai căng thẳng độ mạnh càng tốt. Trong lúc đau đớn, nuốt chua, tào tạp thì chiếu theo phương án Nam dương lại gia thêm Ngộ thù du, Mẫu lệ mà dùng.

Sài hồ	*20g*	*Chỉ thực*	*8g*
Thược dược	*16g*	*Cam thảo*	*6g*

(Chú ý Tứ nghịch thang chỉ có Cam thảo 12g, Can khương 8, Phụ tử 4g).

c) Thang Đương qui

Trạng thái vách bụng cũng thang Sài hồ quế chi tương tự, nhưng thân thể hơi có dạng suy nhược, sức bụng so với thang Sài hồ quế chi cũng tương đối mềm yếu hơn, có chứng đau dạ dày đồng thời lan tỏa sang hướng vùng lưng. Đó là đặc trưng của phương này.

Đương qui	*20g*	*Bán hạ*	*20g*
Thược dược	*12g*	*Hậu phác*	*12g*
Quế chi	*12g*	*Nhân sâm*	*12g*

Can khương	*6g*	*Hoàng kỳ*	*6g*
Cam thảo	*4g*	*Thục tiêu*	*6g*

d) Thang Kiên trung

Phương này cùng tình hình giống như chứng trạng thang Tứ nghịch tán ở trên, hai cơ thẳng bụng sờ căng thẳng nhưng sức bụng yếu và lại trong dạ dày có nước đình tụ thì dùng, cũng gia thêm Ngô thù du, Mẫu lệ.

Dược:

Bán hạ	*20g*	*Phục linh*	*20g*
Đại táo	*12g*	*Thược dược*	*12g*
Can khương	*12g*	*Cam thảo*	*4g*
Quế chi	*16g*		

e) Thang Tuyền phúc hoa đại giả thạch

Lưỡi sinh đỏ hồng và trơn bóng, vùng dạ dày bành to đầy chướng, đau dạ dày nhẹ nhưng nuốt chua và tào tạp thì nhiều, dùng phương này luôn luôn có công hiệu.

Tuyền phúc hoa	*12g*	*Đại táo*	*12g*
Đại giả thạch	*12g*	*Cam thảo*	*8g*
Bán hạ	*20g*	*Nhân sâm*	*8g*
Sinh khương	*16g*		

g) An trung tán

Toàn thân gầy yếu, vách bụng mỏng nhẽo, không có sức, bên rốn sờ có máy động rõ tương đối nhiều, uống có công hiệu.

Hoặc lấy thuốc tán lúc đau dạ dày uống có công hiệu. Kiêm có nôn mửa, doanh dưỡng phần nhiều không tốt, sức bụng cũng suy yếu, đối với đau dạ dày, nôn mửa có thể dùng thang Kiên trung ở trên gia thêm Ngô thù du, hoặc dùng phương thuốc kê dưới đây cũng có công hiệu.

Dược:

Quế chi	*16g*	*Diên hồ sách*	*12g*
Hồi hương	*6g*	*Mẫu lệ*	*12g*
Súc sa nhân	*4g*	*Cam thảo*	*4g*
Cao lương khương	*2g*		

h) Thang Bán hạ hậu phác

Vách bụng tuy mỏng nhẽo không có sức, nhưng bụng hơi bành to đầy, bụng đau, nôn mửa thì dùng. Hơi có thiếu máu, mạch đập mềm yếu (nhuyễn nhược).

Dược:

Bán hạ	*24g*	*Phục linh*	*20g*
Sinh khương	*16g*	*Hậu phác*	*12g*
Lá tía tô	*8g*		

i) Thang Giải cấp thục tiêu

Vách bụng mỏng nhẽo không có sức, ống ruột cứng rắn, hoặc sờ thì nhu động tăng tiến, hoặc bụng đau, nôn mửa kịch liệt, mặt tái xanh, mạch đập trầm nhược (chìm và yếu), đầu chót tứ chi dễ lạnh, có các chứng trên dùng phương này công hiệu.

k) Thang Đinh hương phục linh

Dạ dày đau, nôn mửa tiếp tục lâu ngày, doanh dưỡng suy thoái, vùng bụng lõm không có sức, vẫn khổ vì đau dạ dày nôn mửa thì dùng phương này.

Dược:

Đinh hương	*4g*	*Phụ tử*	*4g*
Phục linh	*24g*	*Bán hạ*	*24g*
Trần bì	*8g*	*Quế chi*	*12g*
Can khương	*6g*	*Súc sa nhân*	*6g*

Gia giảm:

- Nếu dạ dày ra máu lượng ít thì chỉ xuất hiện mức độ ra máu ngầm, có thể căn cứ bệnh tình chọn dùng phương thuốc trước trên đây đồng thời kiêm dùng: "Hoàng liên giải độc tán".

- Nếu ra máu nhiều bài tiết ra phân dạng mỡ xém cháy, có thể dùng "Ôn thạnh ẩm", hoặc thang "Khung qui giao ngải".

- Trong lúc nôn ra máu có thể uống "Hoàng giải tán" hoặc uống lạnh "Tam hoàng tả tâm thang". Phương này thì dùng thang Mạch môn đông thêm Địa hoàng, A giao, Hoàng liên.

- Nếu nôn máu luôn, xung ngược lên, tiện bí có thể dùng thang "Đào nhân thừa khí".

l) Hoàng giải tán

Hoàng liên	*12g*	*Hoàng cầm*	*8g*
Chi tử	*4g*	*Hoàng bá*	*8g*

Nghiền nhỏ, mỗi lần uống 4g, ngày 3 lần nước lạnh đưa thuốc xuống cổ họng.

m) Thang Khung qui giao ngải

Xuyên khung	*12g*	*Cam thảo*	*12g*
Lá ngải	*12g*	*Đương qui*	*18g*
Thược dược	*18g*	*Can địa hoàng*	*24g*

Sắc được bỏ bã cho 12g A giao vào lại đun cho dung hòa uống.

n) Thang Tam hoàng tả tâm

Đại hoàng	*4g*	*Hoàng cầm*	*4g*
Hoàng liên	*4g*		

Sắc uống .

B. THEO HỒ QUANG TỪ, SÁCH "TẠP BỆNH CHỨNG TRỊ TÂN NGHĨA"

(Nhà xuất bản nhân dân Tứ Xuyên Trung Quốc 1958)

1) Nguyên nhân bệnh

Ông dẫn chứng một học giả Liên Xô nói: Bệnh dạ dày vỡ lở phát sinh do chất vỏ đại não gây nên. Do trung khu thần kinh cao cấp hưng phấn quá mức dẫn đến thần kinh thực vật cũng hưng phấn quá mức, khiến cho ống máu của dạ dày cơ trơn bằng (bình hoạt cơ) phát sinh co thắt, sinh ra từng vùng vách dạ dày thiếu máu, sự doanh dưỡng tế bào và tổ chức phát sinh ra trở ngại, tác dụng đề kháng dịch dạ dày tiêu hóa giảm yếu mà chất chua ở trong dạ dày xâm lấn niêm mạc dạ dày, hình thành vỡ lở vùng thường phát sinh là vùng u môn và bờ cong nhỏ, vỡ lở hiện ra hình viên chùy, đáy hướng xoang vỵ, lấn đến tầng cơ, thậm chí đến vách dạ dày bị xuyên lỗ thủng, những bệnh án dạ dày vỡ lở tốt thì chữa khỏi sẽ hình thành ban ngấn, nếu ban ngấn vị trí ở vùng u môn thì hình thành miệng u môn bị hẹp lại.

2) Chứng hậu bệnh

Chứng trạng đầu tiên của dạ dày vỡ lở là vùng tâm oa đau đớn, có ấn đau, thường phóng tan lan tỏa ra vùng vai lưng, mỗi khi phát sinh thường sau khi ăn từ 30 phút đến 1 giờ, vật ăn khó tiêu hóa hoặc vật ăn quá nóng quá lạnh dễ dấy cơn đau, vật chất ăn trong dạ dày chuyển vào ruột non hoặc được nôn ra ngoài tức thì giảm nhẹ đau ngay. Vật nôn ra nhiều chua, có lúc chỉ nôn ra dịch thể chua, đồng thời thấy chứng trạng viêm dạ dày nói chung, như

tức nặng, ợ hơi, thường do vỡ lở phá hoại ống máu mà sinh ra nôn mửa ra máu, dạ dày ra máu nhẹ thì dịch máu vào trong ruột lẫn với phân rồi bài tiết ra ngoài, nếu lượng máu ra tương đối nhiều thì phân hiện sắc đen, trải qua thời gian mạn tính có khi tới trên 10 năm.

3) Cách chữa

Đối với chứng dạ dày vỡ lở, ông nói: Chứng hậu của bệnh dạ dày vỡ lở không riêng gì một chứng nôn ra nước chua, càng nên tham khảo cả chứng phản vỵ (dạ dày dãn nở), đau vỵ oản (vỵ thống), nôn máu tùy chứng hiện ra mà tìm cách chữa mới là thỏa đáng.

C - THEO CÁCH CHỮA CỦA MÃ DƯ TAM

(Chép trong "Tân biên thang đầu ca quyết"
Nhà xuất bản nhân dân Thanh Hải
Trung Quốc tháng 12/1958)

Dược:

Đảng sâm	*30g*	*Ô tặc cốt*	*120g*
Chích thảo	*12g*	*Bán hạ*	*12g*
Qui thân	*12g*	*Nhân sâm*	*12g*
Bạch linh	*15g*	*Viễn chí*	*15g*
Táo nhân	*15g*	*Trần bì*	*9g*
Hậu phác	*9g*	*Sinh khương*	*9g*
Bối mẫu	*9g*	*Hoàng cầm*	*6g*
Bạch truật	*6g*	*Can khương*	*6g*
Xuyên liên	*3g*	*Quế tâm*	*1,5g*
A ngùy	*1,5g*	*Sạ hương*	*1,5g*

Cùng nghiền viên với mật uống.

(*Ghi chú*: Số lượng gam trên tính với 1 lạng = 30g, 1 đồng cân = 3g).

10. DẠ DÀY DÃN NỞ (VỊ QUẢNG TRƯƠNG)

(Theo sách "Trung y chẩn liệu yếu lãm" Đường Chính Hữu dịch. Nxb Nhân dân vệ sinh Bắc Kinh, Trung Quốc in 1955)

1) Định nghĩa

Tức cơ năng bài tiết ra của dạ dày không toàn vẹn, nội dung đình trệ, dạ dày tiếp tục trạng thái dãn nở, hoặc cấp tính xuất hiện hoặc trải qua mạn tính.

Đời xưa gọi: Vỵ phản, Phiên vỵ, Tỵ nang.

2) Nguyên nhân

- U môn hoặc vùng phụ cận u môn hẹp là nguyên nhân chủ yếu. Nguyên nhân hẹp có thể tưởng tượng do dạ dày vỡ lở, sau khi vỡ lở co bóp kiểu ban ngấn, u môn sùi mụn, u môn co thắt, túi mật, tuỵ, gan bị sưng mụn sinh ra.

- Bạo ăn bạo uống, có thói quen ăn nhiều, có thể khiến bệnh này phát sinh. Viêm dạ dày mạn tính, chứng dạ dày vô lực cũng có lúc dẫn đến dạ dày giãn nở độ nhẹ.

3) Chứng trạng

Chứng hậu bệnh nhân tự cảm thấy: sau khi ăn tự cảm thấy đè nặng, bành to đầy ra, không khoan khoái, mỗi lần sau khi ăn có nuốt chua, tào tạp, ợ hơi đồng thời thường nôn, mửa. Do lúc nôn mửa đem vật ăn bị uất kết trệ đọng lại bài tiết ra, nên đau đớn có thể lập tức giảm nhẹ, cho nên bệnh nhân thường lấy tay móc miệng móc cổ họng cho nôn ra. Vật chất nôn ra do dạ dày giãn nở, chứa chất dịch của dạ dày, cùng vật thức ăn uất trệ trong dạ dày nên có mùi hôi cùng vị chua rất nhiều, vả lại còn lẫn có những tấm, những miếng nát của vật thức ăn từ mấy hôm trước,

như vậy vật thức ăn nôn ra lượng nhiều trong đó có thức ăn cũ là đặc trưng của bệnh này. Nói chung trạng thái doanh dưỡng kém, lớp mỡ dưới da giảm ít, da dẻ mỏng nhẽo khô khan, cơ nhục (gân thịt) gầy dóc, dễ mệt mỏi, chân tay quyết lạnh, xây xẩm, tự cảm thấy trầm lặng buồn bực.

Lúc nằm ngửa kiểm tra vùng bụng, nếu vách bụng trì hoãn gầy gò, từ vùng ngoài có thể nhìn thấy luôn quách của dạ dày, vị trí vòng cong to ở dưới rốn, lại có lúc có thể nhìn thấy dạ dày nhu động không yên hoặc nhu động ngược.

Lúc u môn hẹp đến độ cao thì dạ dày hiện ra co bóp dạng cứng thẳng, có lúc kiêm có đau kịch liệt kiểu co thắt.

Lúc khám nắn sờ vùng dạ dày thấy có một loại đề kháng, như có cảm giác sờ một cái gối chun cao su ở trong đầy không khí, thường chứng tỏ có tiếng nước di động, ăn uống tương đối tốt, nhưng có lúc do sợ ăn sẽ đau đớn mà sinh ra sợ ăn. Lại nữa bệnh nhân tự thấy khô khát, dạ dày giãn nở càng cao hoặc nôn mửa càng nhiều thì khô khát càng lắm, lúc này tuy có thể uống nước, do thủy phần ở trong dạ dày không thể hấp thụ, cho nên vẫn không thể giải khát được, lượng nước tiểu nhân đó giảm sút, có người đã đo lượng nước tiểu trong 24 giờ bài tiết bao nhiêu đem chia ra làm 3 mức độ:

- Lượng nước tiểu từ 1500 đến 1.000ml.
- Lượng nước tiểu từ 1.000 đến 500ml.
- Lượng nước tiểu nhỏ hơn 500ml.

Đại tiện phần nhiều bị kết, nhưng có lúc nếu nội dung của dạ dày phân giải dẫn đến trong ruột thì có thể dẫn đến chứng đi lỵ mạn tính.

Tiên lượng: Do nguyên nhân bệnh mà khác nhau,

người tiếp tục phát do chứng vỵ không có sức, theo cách chữa thích đáng của nội khoa có thể giảm nhẹ. Người có u môn hẹp, dùng phép chữa nội khoa hoặc dùng thủ thuật ngoại khoa cũng có hy vọng giảm nhẹ bệnh trạng. Nhưng nếu dạ dày sưng mụn mà không thể làm thủ thuật thì dự hậu đều không tốt.

4) Cách chữa

a) Thang Phục linh trạch tả

Lấy nôn mửa miệng khát, lượng tiểu giảm ít, vùng dạ dày có tiếng nước chấn động làm chứng chủ yếu.

Dược:

Phục linh	*16g*	*Trạch tả*	*16g*
Bạch truật	*12g*	*Sinh khương*	*12g*
Quế chi	*8g*	*Cam thảo*	*6g*

b) Thang Sinh khương tả tâm gia phục linh

Ở chứng dạ dày dãn nở nhẹ, vùng dạ dày bành mãn, có cảm giác đè nặng, nôn mửa, nuốt chua, tào tạp, ợ hơi, có mùi chua hôi thì dùng có công hiệu. Ngoài ra có thể dùng "Ngũ linh tán" hoặc "thang Tiểu bán hạ gia phục linh".

Dược:

Bán hạ	*20g*	*Can khương*	*10g*
Cam thảo	*10g*	*Hoàng liên*	*4 g*
Hoàng cầm	*10 g*	*Nhân sâm*	*10 g*
Đại táo	*10g*		

(Trên đây là thang Bán hạ tả tâm, bỏ bớt Can khương 4g thêm Sinh khương 8g là thành thang Sinh khương tả tâm), Phục linh gia thêm: 12g.

c) Bình vị tán

Lấy vùng dạ dày có cảm giác bành mãn, ợ hơi, chán ăn là chứng chủ yếu, nhưng lấy phương này thêm Hương phụ, Hoắc hương, Súc sa nhân thành Hương sa bình vỵ tán hoặc phương này gia thêm Thần khúc, Mạch nha, Sơn tra thành Gia vị bình vỵ tán là thích đáng.

Dược:

Xương truật	*16g*	*Sinh khương*	*8g*
Đại táo	*8g*	*Hậu phác*	*12g*
Trần bì	*12g*	*Cam thảo*	*4g.*

d) Thang Lục quân tử

Toàn thân doanh dưỡng suy thoái, thiếu máu da dẻ mỏng nhẽo trì hoãn, tứ chi dễ lạnh mạch đập nhuyễn nhược, vùng dạ dày đình trệ chán ăn thì dùng. Dùng phương này gia thêm Hương phụ, Hoắc hương, Súc sa nhân thành thang Hương sa lục quân tử, hoặc gia thêm Sa nhân, Thần khúc, Mạch nha, Sơn tra là thang Hóa thực dưỡng tỳ rất thích đáng.

Dược:

Nhân sâm	*16g*	*Bạch truật*	*16g*
Trần bì	*8g*	*Cam thảo*	*4g*
Phục linh	*16g*	*Bán hạ*	*16g*
Sinh khương	*8g*	*Đại táo*	*8g*

e) Thang Lương tích

Ngày thường vùng dạ dày có đau đớn kiểu co thắt, nôn mửa thì dùng. Vách bụng mềm mỏng trì hoãn dùng là thích hợp.

Dược:

Bạch truật	*24g*	*Bán hạ*	*24g*
Cam thảo	*8g*	*Chỉ thực*	*12g*

Quế chi	*16g*	*Đại táo*	*16g*
Lương khương	*4g.*		

g) Thang Đinh hương phục linh

So với thang Lục quân tử tình hình doanh dưỡng càng suy thoái, tứ chi quyết lạnh, mạch trầm nhược nôn mửa, đau bụng thì dùng.

Dược:

Đinh hương	*4g*	*Phụ tử*	*4g*
Trần bì	*8g*	*Can khương*	*6g*
Phục linh	*24g*	*Quế chi*	*12g*
Bán hạ	*24g*	*Súc sa nhân*	*6g.*

h) Thang Bán hạ hậu phác

Cùng thang Lục quân tử hoặc Bình vị tán cùng giống nhau, vùng dạ dày có cảm giác bành mãn, nôn mửa thì dùng, nhất là u môn cọ thắt dùng là phù hợp.

Dược:

Bán hạ	*24g*	*Sinh khương*	*16g*
Lá tía tô	*8g*	*Phục linh*	*20g*
Hậu phác	*12g*		

i) Thang Tuyền phúc hoa đại giả thạch

Phương này trị nôn mửa có công hiệu, tương tự như chứng thang Sinh khương tả tâm, đồng thời dễ tiện bí thì dùng:

Dược:

Tuyền phúc hoa	*12g*	*Cam thảo*	*8g*
Nhân sâm	*8g*	*Sinh khương*	*16g*
Đại giả thạch	*12g*	*Đại táo*	*2g*
Bán hạ	*20g*		

k) Chữa bằng cách giảm ăn

Trong sách cổ đều khiến giảm ăn trong lúc đòi ăn, nếu cho mặc ý ăn uống thì quyết chứng bệnh khó giảm nhẹ, nếu giữ gìn giảm ăn, doanh dưỡng không những rất nhanh hồi phục vả lại có thể béo tốt. Nói chung thức ăn dạng cháo, hoặc thức ăn giàu dinh dưỡng dễ tiêu hóa, ăn nhiều lần trong ngày, mỗi lần một lượng ít là thích hợp, thủy phần cần hạn chế hết mức, loại rượu, hương liệu cùng nước chua, tro cần hạn chế. Vì giải khát mà uống nước thì đối với dạ dày phải thêm gánh nặng không ích lợi chút gì.

Vì thế lượng nước sắc thuốc so với thông thường nên giảm bớt 1/3 hoặc 1/2 lượng.

11 - DẠ DÀY CO THẮT (VỊ KINH LOAN)

(Theo trung y chẩn liệu yếu lãm.
Bắc Kinh - Trung Quốc)

1) Định nghĩa

Vùng dạ dày đột nhiên đau đớn kiểu co thắt, sau một thời kỳ nhất định lại chuyển vào trạng thái cách nhật không đau đớn.

2) Nguyên nhân

Đơn thuần dấy cơn kiểu thần kinh thì rất ít, phần nhiều do bản thân dạ dày hoặc tạng khí xung quanh, hoặc do trúng độc, hoặc do phản xạ. Ví dụ như dạ dày sùi mụn, dạ dày vỡ lở, gan tuy túi mật, các khí quan tiếp cận dạ dày sưng lở, thủy ngân, chì, độc tố ú thảo[1], sưng túi noãn sào,

---

[1] *Ú thảo tức yên thảo, là cây thuốc lá có tên khoa học là* nicotiana tabacum *trong lá có chất* nicotin.

vị trí tử cung khác thường.

3) Chứng trạng

Có lúc có chứng trạng nhất định báo trước phát bệnh, cũng có lúc đột nhiên phát cơn đau kịch liệt.

Chứng trạng báo trước là: Vùng dạ dày có cảm giác ấn nặng, nao nao muốn nôn mà không nôn được, váng đầu... Dấy cơn đau kịch liệt cùng ăn uống không quan hệ, từ vùng bụng trên đến vùng lưng đều cảm thấy đau đớn kiểu co rút, bệnh nhân phần nhiều giữ vị trí nằm cong người về phía trước, nét mặt sắc xanh trắng, tứ chi quyết lạnh, ra mồ hôi lạnh, xuất hiện trạng thái không yên, thường có nôn mửa. Vùng đau đớn nếu dùng sức ấn vào phần nhiều có thể đỡ. Lúc tiếp tục dấy cơn cách nhau từ vài phút đến vài giờ, luôn luôn dấy cơn lặp đi lặp lại luôn.

4) Cách chữa

Lúc dấy cơn đau đớn, lấy nóng chườm ở vùng đau, phần nhiều có thể giảm nhẹ.

5) Phương thuốc

Có thể dùng các phương sau:

a) Thang Sâm liên hoặc thang Hùng sâm

Phương này dùng thuốc bọc ngoài vì vị thuốc rất đắng, nhưng nhờ vị đắng nên có thể hoãn giải đau đớn, dùng phương này có thể thu công.

Thang Sâm liên:

Nhân sâm *20g* *Hoàng liên* *12g*

b) Thang Cam thảo - Thang Cam mạch đại tảo

Phương trên vị đắng, phương này vị ngọt, nếu phương

trước không hiệu nghiệm thì dùng thuốc vị ngọt có thể hoãn giải đau đớn.

Thang Cam thảo:

Cam thảo	*32g*

Thang Cam mạch đại tảo:

Cam thảo	*20g*	*Đại táo*	*24g*
Tiểu mạch	*80g*		

c) Thang cam thảo phấn mật:

Cũng giống mục đích như thang trên thì dùng kiêm có nôn mửa là phù hợp.

Cam thảo	*8g*	*Mật ong*	*16g*
Bột gạo trắng	*4g*		

(Tức cam thảo nấu kỹ được rồi, bỏ bã lại thêm bột gạo trắng và mật ong).

d) Thang Tiểu kiến trung:

Phương này cũng là thuốc vị ngọt, có công hiệu giảm trừ bớt đau đớn, toàn thể hư yếu sức bụng yếu dùng là phù hợp.

Quế chi	*16g*	*Đại táo*	*16g*
Cam thảo	*8g*	*Sinh khương*	*16g*
Thược dược	*24g*		

Cùng sắc đặc, bỏ bã đi cho di đường (mạch nha mềm) 80g dung hóa rồi uống ấm.

e) Thang Sài hồ quế chi:

Nếu vách bụng dầy và căng thẳng, sờ cơ bụng co thắt dùng phương này hoặc thang Đại sài hồ có thể trị dấy cơn lặp đi lặp lại nhiều lần.

Sài hồ	*20g*	*Quế chi*	*10g*

Nhân sâm	*8g*	*Đại táo*	*8g*
Bán hạ	*16g*	*Hoàng cầm*	*8g*
Sinh khương	*8g*	*Cam thảo*	*4g.*

g) Ngũ tích tán:

Do nguyên nhân giá lạnh mắc bệnh này, dùng phương này có lúc giảm nhẹ. Sau khi dấy cơn đau đã đỡ, nên nghiên cứu nguyên nhân tật bệnh, tìm phương pháp trị liệu tận gốc bệnh.

Xương truật	*8g*	*Trần bì*	*8g*
Phục linh	*8g*	*Bạch truật*	*8g*
Bán hạ	*8g*	*Đương qui*	*8g*
Hậu phác	*4g*	*Thược dược*	*4g*
Chỉ sác	*4g*	*Cát cánh*	*4g*
Xuyên khung	*4g*	*Bạch chỉ*	*4g*
Can khương	*4g*	*Quế chi*	*4g*
Ma hoàng	*4g*	*Đại táo*	*4g*
Sinh khương	*4g*	*Cam thảo*	*4g*

12 - DẠ DÀY SÙI MỤN
(THEO TRUNG Y CHẨN LIỆU YẾU LÃM)

1) Nguyên nhân

Chứng này hay phát ở lứa tuổi 40 đến 60. Trai mắc nhiều hơn gái, quan hệ di truyền cũng cần phải suy nghĩ. Dạ dày sùi mụn phần nhiều do dạ dày vỡ lở truyền biến tới. Điều này đã được nhiều học giả công nhận. Nói chung lúc bị kích thích bởi chất hóa học hoặc dao kéo dễ dẫn dụ phát sinh bệnh này. Trên giải phẫu bệnh lý hầu như toàn bộ là tính nguyên phát, phát sinh ở vùng u môn rất nhiều,

thứ đến là vùng bí môn và vòng cong nhỏ, chủng loại thì sùi mụn kiểu cứng là rất nhiều.

2) Chứng trạng

Thời kỳ đầu thường như viêm dạ dày mạn tính, tự cảm thấy chán ăn, vùng dạ dày bành mãn, có cảm giác đình trệ, phát ợ hơi, thường cảm thấy dạ dày có đau trì độn, cho nên Lư Bối chủ trương rằng: Lứa tuổi 50 - 60 bình thường dạ dày vẫn khỏe mạnh, đột nhiên phát sinh tiêu hóa chướng ngại phần nhiều là dạ dày sùi mụn vậy. Trải qua thời gian tương đối, mới xuất hiện chứng trạng nói chung cùng với chứng trạng cục bộ.

Chứng trạng nói chung tức thể trọng cùng thể lực giảm thấp, thứ nữa đến thiếu máu, chất dịch xấu, da dẻ khô ráo, xuất hiện sắc xanh trắng vàng, cơ nhục gầy róc mềm nhẽo, nét mặt tiều tuỵ, ngoài ra có lúc phát sốt phù thũng. Chứng trạng dạ dày phần nhiều ở thời kỳ tương đối sớm, vùng tâm oa có cảm giác đau đớn, cùng với chứng không thiết ăn dai dẳng, nhất là đối với loại thịt, thực vật mỡ thường rất ghét. Bệnh này nhân vì trong dạ dày sinh men khác thường, thường có ợ hơi, nôn mửa cũng thường thấy. Bí môn sùi mụn thì ăn xong bèn nôn, u môn sùi mụn thì 2 - 3 giờ sau mới nôn mửa.

Chứng này do tiếp tục có dạ dày ra máu lượng ít, cho nên trong lúc nôn mửa có sắc đen xanh và vật lắng đọng dạng như màu cà phê, hoặc ở trong phân ỉa ra có máu ngầm. Mụn sưng đạt đến thời điểm nhất định sẽ hiện ra mụn to nhỏ khác nhau, từ trên vách bụng có thể sờ biết có hình tròn, dạng như dây thừng xoắn hoặc mụn sưng cứng rắn lồi lõm không bằng nhau, nắn đau không rõ ràng, ít

nhiều có di động do thở hít, phân ỉa ra phần nhiều bí kết, ít khi có đau bụng đi tả, hoặc bí kết cùng đau bụng đi tả cùng nhau thay phiên ở mỗi lần đại tiện ra, trong đó đều có thể chứng minh là có huyết dịch, kiểm tra X quang phần nhiều có thể chẩn đoán xác định, nếu chẩn đoán càng kỹ càng tốt và rất cần thiết, để có thể quyết định nên dùng phẫu thuật hay không? Rất cần phải tham xét đến kết quả kiểm tra này.

Tiên lượng tuy không tốt, nhưng nếu sớm phát hiện làm phẫu thuật thích đáng, có thể kéo dài tuổi thọ vài năm đến vài mươi năm. Nếu không thì từ lúc phát hiện ra chứng trạng đến lúc tử vong ước khoảng từ 3 đến 6 tháng, nhiều nhất trên dưới 10 năm, bình quân không ngoài 1 năm.

3) Cách chữa

Chứng trạng mới phát như vùng dạ dày có cảm giác ấn nặng đau đớn, không thiết ăn uống v.v... ứng dụng các phương thuốc mục viêm dạ dày như thang Đại sài hồ, thang Bán hạ tả tâm, thang Tuyền phúc hoa đại giả thạch vẫn đều thường dùng.

4) Phương thang

a) Thang Đại sài hồ

Có các chứng trạng kể trên, dễ bí kết, vùng bụng thì góc bụng trên mở rộng, cơ bụng sức mạnh khẩn trương, mạch đập trầm khẩn, có thể dùng phương này. Tức là ở thời kỳ đầu dạ dày sùi mụn, người thể lực còn chưa suy yếu, dùng phương này có lúc có hiệu quả. Nếu thể lực đã suy, thiếu máu, vùng bụng không có sức, chỉ riêng vùng dạ

dày đè nặng đau đớn, đồng thời tiện bí mà dùng kết quả ngược lại sẽ xấu thêm.

Dược:

Sài hồ	*24g*	*Bán hạ*	*16g*
Sinh khương	*16g*	*Hoàng cầm*	*12g*
Thược dược	*12g*	*Đại táo*	*12g*
Chỉ thực	*8g*	*Đại hoàng*	*4-8g*

b) Thang Bán hạ tả tâm

Phương này dùng cho vùng dạ dày có cảm giác bĩ tắc, nôn mửa, nao nao buồn nôn mà không nôn được. Nhưng vùng bụng không có mức độ căng thẳng như thang Đại sài hồ, riêng vùng dưới tâm thêm đề kháng, sờ cứng rắn. Nếu nao nao buồn nôn mà không nôn được (ổ tâm), nôn mửa, ợ hơi, tào tạp thì dùng thang Sinh khương tả tâm càng phù hợp.

Dược:

Bán hạ	*20g*	*Hoàng cầm*	*10g*
Can khương	*10g*	*Nhân sâm*	*10g*
Cam thảo	*10g*	*Đại táo*	*10g*
Hoàng liên	*4g.*		

c) Thang Sinh khương tả tâm

(Xem đã dẫn bài số 4. Mục 13 chứng quá chua lưu ẩm) ở dưới.

d) Thang Tuyền phúc hoa đại giả thạnh

Tình hình giống như thang Sinh khương tả tâm mà dễ tiện bí thì dùng, luôn luôn nhu động ruột không yên, có đau bụng, sấm reo, nôn mửa, lúc mụn sưng thì thang này so với thang bán hạ tả tâm, thang Sinh khương tả tâm thích đáng hơn. (Đã dẫn ở phần A.e). Mục 9 dạ dày vỡ lở)

e) Thang Lợi cách

Thực vật ăn vào không lâu bèn nôn, đờm dính và nhiều, dùng phương này có thể giảm nhẹ nhất thời.

Dược:

Bán hạ	*32g*	*Phụ tử*	*4g*
Chi tử	*12g.*		

g) Thang Đương qui dưỡng huyết

Thức ăn uống thông qua chướng ngại, lúc nuốt xuống thấy có ngực đau, dần dần gầy gò thì dùng.

Dược:

Thược dược	*12g*	*Thục địa*	*12g*
Phục linh	*12g*	*Đương qui*	*12g*
Bối mẫu	*6g*	*Qua lâu thực*	*6g*
Chỉ thực	*6g*	*Trần bì*	*6g*
Hậu phác	*6g*	*Hương phụ*	*6g*
Xuyên khung	*6g*	*Tô tử*	*6g*
Trầm hương	*4g*	*Hoàng liên*	*4g*

Chú ý:

- Lúc dạ dày sùi mụn thường tiện bí, dùng thuốc tả điều chỉnh cho thông tiện, chứng trạng có thể có lúc giảm nhẹ. Lúc thời kỳ đầu thể lực chưa suy có thể dùng thang Đào nhân thừa khí, thang Gia vị thừa khí... Nếu người bệnh đã gầy gò dùng "Tư huyết nhuận tràng" là thích đáng, người suy nhược nhiều không thể dùng thuốc tả.

- Do dạ dày sùi mụn mà đau đớn, nôn mửa, nôn máu, các thuốc uống không vào được dạ dày, có thể dùng Bán hạ, Địa du hai bị sắc uống (một lần lượng đều nhau 20g) có thể thu công hiệu nhất thời.

- Bệnh tình tiến hành, thiếu máu, gày gò, mạch đập

trầm trì và yếu, nếu dùng thang Sài hồ, thang Tả tâm, thang Tứ vật mọi thuốc loại nặng và hậu vỵ, mà vùng dạ dày ngược lại không thấy sảng khoái thì có thể dùng thang Tiểu bán hạ gia phục linh, thang Lục quân tử, những phương thuốc đạm bạc (nhạt nhẹ không hậu vỵ).

h) Tư huyết nhuận tràng hoàn (Thống chỉ phương)

Trị khô máu cùng máu chết ở cách mô, ăn uống không xuống được, đại tiện táo kết.

Dược:

Đương qui	*12g*	*Bạch thược*	*6g*
Hồng hoa	*4g*	*Sinh địa*	*6g*
Đào nhân	*4g*	*Đại hoàng*	*4g*
Chỉ sác	*4g*		

Nước trong sắc được, cho nước lá hẹ, nửa chén rượu hòa đều uống trước khi ăn.

13 - CHỨNG LƯU ẨM VÀ QUÁ CHUA

(Theo trung y chẩn liệu yếu lãm. Bắc Kinh - Trung Quốc).

1) Định nghĩa

Trong dạ dày độ chua quá lớn, người ta đã thí nghiệm sau bữa cơm sớm, độ chua đạt 60 độ trở lên gọi là chứng quá chua.

Trên lâm sàng có nuốt chua, tào tạp, ợ chua, thì gọi chung là chứng lưu ẩm. Song trong chứng lưu ẩm ước độ 50% có thể chứng minh là chứng quá chua.

2) Nguyên nhân

Tinh thần quá nhọc mệt, ưu uất là nguyên nhân dẫn dụ phát bệnh, do dạ dày vỡ lở, viêm ruột mạn tính, nước mật phân bí chướng ngại, thận, bàng quang, sinh thực khí có bệnh cũng có thể phát sinh bệnh này. Hoặc uống rượu hút thuốc quá độ, ăn nhiều thức ăn thơm cũng có thể phát sinh bệnh này.

Lứa tuổi mắc bệnh này đa số từ 20 đến 40 tuổi. Chứng lưu ẩm phần nhiều do chứng quá chua phát sinh ra, nhưng có khi độ chua cao, độ chua thấp, hoặc không chua cũng xuất hiện. Đó gọi là chứng thần kinh trị giác niêm mạc vỵ hoặc chứng trị giác quá mẫn cảm, cảm động tinh thần cũng ảnh hưởng phát sinh bệnh này.

3) Chứng trạng

Tuy có chứng quá chua nhưng có chứng trạng không tự giác, trên lâm sàng không có ý nghĩa gì. Nếu tự cảm thấy đau khổ thì trên lâm sàng cần trước hết chẩn đoán là chứng lưu ẩm. Sau khi kiểm tra dịch vị mới có thể phán đoán quyết định là có phải chứng quá chua hay không?

Chứng trạng chứng lưu ẩm:

Vùng tâm oa đau đớn, vùng dạ dày có cảm giác bành mãn (đầy tức) như đè nặng, nuốt chua, tào tạp[1] ợ hơi chua

---

(1) Tào tạp là trong ngực tựa như đói mà không phải đói, tựa như cay mà không phải cay, tựa như đau mà không phải đau, ngực cách mô ảo nùng, hoặc dấy bệnh hoặc không ngừng, hoặc được ăn thì ngừng, ăn xong lại tào tạp, hoặc kiêm muốn nôn không nôn được (ố tâm) hoặc không thấy vùng bụng đau... khi thấy chứng này nên phân rõ.

- Hoặc ăn không thấy no, nên để ý do hỏa vậy.

- Tựa như đói không phải đói, không thích ăn là do đờm vậy.

- Nước chua ngấm vào tâm, ăn ít không biết mùi vị đó là khí của tỳ hư lạnh nên cơm nước không tiêu hóa vậy.

là chứng trạng chủ yếu. Vùng tâm oa đau đớn phần nhiều sau bữa ăn 2 đến 3 giờ hoặc lúc đói bụng. Ngoài ra cũng có khi không định, ăn xong là đau, hoặc ăn xong trong 1 giờ mới đau. Đau đớn có lúc dấy cơn kịch liệt như kiểu đau sán khí, có lúc dễ lầm chẩn đoán là đau sán sỏi mật. Lúc đau nếu ăn một chút thức ăn hoặc uống thuốc OH, hoặc cho vật ăn trong dạ dày nôn ra thì đau đớn cơ thể nhất thời giảm nhẹ. Ý muốn ăn nói chung tăng lên, phần nhiều có khuynh hướng bí đại tiện.

4) Cách chữa và phương thang

a) Thang Sài hồ quế chi

Vùng tâm oa đau đớn lấy phương này làm chính tức sờ thấy cơ bụng căng thẳng, vách bụng dầy, vả lại có sức dùng phương này thích nghi.

- Nuốt chua, tào tạp thêm Hồi hương, Mẫu lệ hay Ngô thù du, Mẫu lệ.

- Vùng bụng căng thẳng mạnh hơn thì dùng thang Đại sài hồ.

- Bí đại tiện thêm Đại hoàng.

- Nếu cơ thẳng bụng bên trái co rút quá lắm có thể dùng Tứ nghịch tán.

Dược:

Sài hồ	*20g*	*Bán hạ*	*16g*
Quế chi	*10g*	*Cam thảo*	*6g*
Hoàng cầm	*8g*	*Nhân sâm*	*8g*
Thược dược	*8g*	*Sinh khương*	*8g*
Đại táo	*8g*		

b) Thang Tiểu kiến trung

Phương này lấy bụng đau là chứng chủ yếu, hình dạng

bụng cũng giống như dạng bụng ở bài "Tứ nghịch tán", có thể sờ biết cơ thẳng bụng co rút nhưng thiếu sức bụng, nước tụ trong dạ dày rõ ràng thì gia thêm Phục linh, nuốt chua, tào tạp thì gia thêm Ngô thù du, Mẫu lệ.

Dược:

Quế chi	*16g*	*Thược dược*	*24g*
Sinh khương	*16g*	*Cam thảo*	*8g*
Đại táo	*16g.*		

Nấu được rồi cô đặc lại, sau khi đã bỏ bã rồi thêm đường Gluco mạch nha 80g lại đun sôi cho dung hòa khoảng 5 phút rồi chia ra uống ấm.

c) Thang Tuyền Phúc hoa đại giả thạch

Vùng dạ dày bành mãn, luôn bị đau ở dạ dày, nuốt chua, tào tạp dùng phương này có lúc thích nghi, nói chung vách bụng chùng và mềm.

Dược:

Tuyền phúc hoa	*12g*	*Cam thảo*	*8g*
Đại táo	*12g*	*Đảng sâm*	*8g*
Đại giả thạch	*12g*	*Bán hạ*	*20g*
Sinh khương	*16g*		

d) Thang Sinh khương Tả tâm

Vùng dưới tâm có cảm giác bí tắc, sau khi ăn thì bành chướng đầy, nuốt chua, tào tạp dùng có công hiệu. Lúc khám bụng dưới tâm có đề kháng, còn chỗ khác tương đối mềm mại. Phương này tức thang Bán hạ tả tâm bỏ Can khương 4g thêm Sinh khương 8g.

Dược:

Bán hạ	*20g*	*Hoàng cầm*	*10g*
Can khương	*6g*	*Sinh khương*	*8g*

Nhân sâm	*10g*	*Cam thảo*	*10g*
Đại táo	*10g*	*Hoàng liên*	*4g*

e) Thang Ô đầu quế chi

Người đau dạ dày ngoan cố dùng phương này có lúc thu công. Bệnh nhân chân tay dễ lạnh, ở mùa hè chân tay cũng lạnh, mặt thiếu sắc máu. Ô đầu một ngày lượng dùng có thể tới 19 - 20g.

Dược:

Ô đầu	*14g*	*Quế chi*	*16g*
Sinh khương	*16g*	*Đại táo*	*16g*
Cam thảo	*8g*	*Thược dược*	*16g*

Trên đây là lượng thuốc 1 ngày, thêm 40g mật ong khiến dung hóa rồi chia 3 lần uống.

g) Phục linh ẩm

Vách bụng mềm mại, trong vỵ tràng có nước đình tụ, nuốt chua, tào tạp dùng phương này thêm Ngô thù du, Mẫu lệ có công hiệu.

Dược:

Phục linh	*20g*	*Bạch truật*	*16g*
Nhân sâm	*12g*	*Sinh khương*	*12g*
Trần bì	*12g*	*Chỉ thực*	*6g*

h) An trung tán

Phương này cũng lấy sau bữa ăn thấy đau đớn làm chủ, đau phần nhiều ở bên rốn, vách bụng mềm, doanh dưỡng không tốt, luôn luôn ở bên rốn sờ có máy động tăng tiến, nuốt chua, tào tạp, rất thích ăn, dùng có hiệu quả. Thuốc sắc hay thuốc tán đều được.

Dược:

Quế chi	*16g*	*Diên hồ sách*	*12g*

Hồi hương	*6g*	*Mẫu lệ*	*12g*
Súc sa nhân	*4g*	*Cam thảo*	*4g*
Lương khương	*2g.*		

i) Thang Gia vị tiểu hãm hung

Tào tạp quá lắm, dùng mọi phương không có hiệu quả, dùng phương này có thể giảm nhẹ. Ngoài ra còn cần xem thêm phương thuốc chữa dạ dày vỡ lở (Vỵ hội đãng).

Dược:

Bán hạ	*24g*	*Qua lâu nhân*	*12g*
Chỉ thực	*8g*	*Chi tử*	*8g*
Hoàng liên	*6g.*		

14 - CHỨNG SA DẠ DÀY (VỴ HẠ THÙY)

(Theo "Trung y chẩn liệu yếu lãm"
Bắc Kinh - Trung Quốc)

1) Định nghĩa

Tức là phía dưới của dạ dày thấp hơn vị trí bình thường, do đó có thể dẫn đến nhiều chướng ngại.

2) Nguyên nhân

- Người thể chất yếu sức, cùng những nội tạng khác đồng thời xuất hiện sa xuống.

- Lúc vách bụng bị chùng lại một cách nhanh chóng, như sau khi có mang đẻ hoặc bụng nước.

- Do dạ dày sùi mụn hoặc dãn nở, do trọng lượng dạ dày tăng lên thêm cũng giúp cho vỵ rũ xuống.

- Thắt đai bụng, bó ngực, bó chặt vùng bụng trên hoặc vùng ngực nên sa xuống.

3) Chứng trạng

Dạ dày sa xuống thường hợp kiêm với dạ dày không có sức, chứng trạng tự giác là vùng bụng có cảm giác đè nặng bành mãn, có cảm giác dắt dẫn đau trong bụng, ợ hơi, nao nao buồn nôn mà nôn không được (ố tâm), váng đầu, xây xẩm, tâm rung động nhanh mạnh, eo lưng đau, cảm giác mỏi mệt, đùi to, hàng loạt chứng trạng không định trước được. Hoặc có lúc tuy cơ dạ dày sa xuống nhưng không chứng trạng tự cảm thấy. Thể chất người sa dạ dày phần nhiều gày, mình mẩy dài, ngực quách nhỏ dài lệch một bên, góc bụng trên hẹp nhỏ, da dẻ mềm yếu, sắc mặt trắng xanh, đứng thẳng thì tâm oa lõm xuống, bụng dưới bành ra, vách bụng phì bạc mềm mại, cho nên có thể sờ biết mé dưới dạ dày, đi ngang kết tràng, mang tràng vùng kiểu chữ Z (chữ ất Trung Quốc).

4) Cách chữa và phương thang

a) Thang Bán hạ hậu phác

Đàn bà đã qua chửa đẻ thường thấy vách bụng chùng nhẽo, khoang bụng rộng lớn khác thường, vùng dạ dày có cảm giác đè nặng chướng to ra, trong bụng đau nhức kiểu dắt dẫn, dùng phương này có công hiệu.

Dược:

Hậu phác	*12g*	*Bán hạ*	*24g*
Sinh khương	*16g*	*Lá tía tô*	*8g*
Phục linh	*20g*		

b) Thang Lục quân tử

Người thể chất yếu ớt không có sức, góc bụng trên hẹp nhỏ, vách bụng trì hoãn (chùng và nhăn nheo), da dẻ mềm mại trắng xanh, vùng dạ dày có cảm giác đè nặng, chán

không thiết ăn, đầu váng, xây xẩm, tứ chi mỏi mệt thì dùng, hoặc dùng thang Hương sa lục quân, thang Hóa thực dưỡng tỳ là phù hợp.

Dược:

Bán hạ	*16g*	*Phục linh*	*16g*
Trần bì	*8g*	*Đại táo*	*8g*
Bạch truật	*16g*	*Sinh khương*	*8g*
Cam thảo	*4g*	*Đảng sâm (nhân sâm)*	*16g*

c) Thang Bổ trung ích khí

Phương này có thể khiến vị tràng suy nhược được khôi phục, làm chậm mức sa xuống, cho nên ứng dụng cho chứng này. Những người vị tràng quá hư yếu lại có cái hại là chán ăn. (Liều lượng dưới đây là liều người xưa dùng, nên tăng gấp 4 lần).

Dược:

Hoàng kỳ	*4g*	*Bạch truật*	*2g*
Đương qui	*1g*	*Thăng ma*	*2g*
Đảng sâm	*2g*	*Chích thảo*	*2,5g*
Trần bì	*2g*	*Sài hồ*	*2g*

d) Phục linh ẩm

Vị tràng trì hoãn, vùng bụng có tiếng nước vỗ vùng dưới tâm tự cảm thấy bĩ cứng, đem so với ứng dụng thang Lục quân tử thì mạch bụng đều có sức, dùng phương này có lúc phù hợp.

Dược:

Phục linh	*20g*	*Nhân sâm*	*12g*
Trần bì	*12g*	*Bạch truật*	*16g*
Sinh khương	*12g*	*Chỉ thực*	*6g*

Chứng dạ dày không có sức (vô lực) cùng sa dạ dày trên lâm sàng phần nhiều hay xuất hiện cùng một lúc, cho nên phương thuốc chữa hai chứng đó nên cùng hỗ trợ dùng.

15 - CHỨNG DẠ DÀY YẾU

(Theo sách trung y chẩn liệu yếu lãm, Bắc Kinh - Trung Quốc)

1) Định nghĩa

Chứng dạ dày yếu là nói tính co dãn gân cơ của dạ dày giảm sút, sự co bóp của thành vách dạ dày giảm yếu, là dạ dày không có sức.

2) Nguyên nhân

- Là một chứng trạng của thể chất không có sức, cho nên thường kiêm phát sinh với sa dạ dày.

- Do thói quen ăn uống không có qui luật, do quá ăn quá uống khiến dạ dày quá mệt mỏi.

- Tiếp tục phát do thiếu máu, lao phổi thương hàn. Đây là do cơ của dạ dày doanh dưỡng chướng ngại, hoặc do độc tố xâm phạm thần kinh gây ra.

- Ngoài ra áp suất bụng giảm ít, tinh thần đau khổ buồn bực cũng là nguyên nhân. Bệnh này phụ nữ mắc nhiều hơn nam giới.

3) Chứng trạng

- Chứng trạng tự bệnh nhân thấy được là: Lúc đói bụng còn đỡ đau khổ, sau khi ăn vào thì thấy vùng dạ dày bành mãn, có cảm giác đè nặng, lượng ăn giảm ít, thường ăn uống chưa đạt đến mức bình thường thì cảm thấy no

đầy mà giữa chừng phải tạm ngừng ăn uống, luôn luôn có ợ hơi, nao nao buồn nôn mà không nôn được, hoặc nuốt chua tào tạp, nôn ra nội dung vật chất chua, ngoài ra dễ mệt, đầu nặng mơ hồ, xây xẩm v.v...

- Chứng trạng người ngoài biết được như: Mặt thiếu sắc máu, mạch đập mềm yếu, vách bụng (bì bạc trì hoãn) nhẽo, nhăn nheo. Lúc đói bụng nếu uống 100 - 300cm^3 nước ấm, hoặc sau lúc ăn, nhẹ nhàng sờ tay có thể thấy tiếng nước vỗ. Thời gian bài tiết ra các chất trong dạ dày tương đối kéo dài nhưng về sáng sớm dạ dày thường trống rỗng, nước tiểu tuy không biến hóa gì, đại tiện thường bí kết.

4) Cách chữa và phương thang

a) Bình vỵ tán

Vùng dạ dày có cảm giác đầy bè ra (bành mãn) đình trệ thì dùng, nhưng phần nhiều dùng Hương sa bình vỵ tán hoặc Gia vị bình vỵ tán.

Dược:

Xương truật	*16g*	*Sinh khương*	*8g*
Đại táo	*8g*	*Hậu phác*	*12g*
Trần bì	*12g*	*Cam thảo*	*4g*

Hương sa bình vị tán.

Tức Bình vỵ tán gia thêm:

Hương phụ	*16g*	*Hoắc hương*	*4g*
Sa nhân	*6g.*		

Gia vị bình vỵ tán.

Tức Bình vỵ tán gia thêm

Mạch nha	*8g*	*Thần khúc 8g.*

b) Thang Lục quân tử

So với lúc dùng Bình vỵ tán bệnh thế càng tiến hành, nét mặt thiếu sắc máu, mạch đập mềm yếu, vách bụng mỏng nhẽo, ăn xong mệt mỏi thích ngủ, đầu nặng xây xẩm dùng phương này phù hợp. Hoặc dùng Hương sa lục quân tử, thang Hóa thực dưỡng tỳ. Nếu vùng bụng có tiếng nước reo rõ rệt, miệng khát xây xẩm có thể dùng thang Linh quế truật cam, thang Phục linh trạch tả, Ngũ linh tán v.v...

Dược:

Nhân sâm	*16g*	*Bạch truật*	*16g*
Trần bì	*8g*	*Đại táo*	*8g*
Phục linh	*16g*	*Bán hạ*	*16g*
Sinh khương	*8g*	*Cam thảo*	*4g*

c) Thang Hương sa lục quân tử

Nhân sâm	*12g*	*Bạch truật*	*12g*
Trần bì	*8g*	*Đại táo*	*6g*
Phục linh	*12g*	*Bán hạ*	*12g*
Sinh khương	*6g*	*Cam thảo*	*4g*
Sa nhân	*4g*	*Hoắc hương*	*4g*
Hương phụ	*8g.*		

d) Thang Hóa thực dưỡng tỳ

Tức thang Lục quân tử thêm Sa nhân 6g Thần khúc, Mạch nha, Sơn tra đều 8g.

e) Thang Linh quế truật cam

Phục linh	*24g*	*Quế chi*	*16g*
Bạch truật	*12g*	*Cam thảo*	*8g*

g) Thang Phục linh trạch tả

Phục linh	*16g*	*Bạch truật*	*12g*

Quế chi	*8g*	*Trạch tả*	*16g*
Sinh khương	*12g*	*Cam thảo*	*6g*

h) Ngũ linh tán

Trạch tả	*20g*	*Quế chi*	*8g*
Trư linh	*12g*	*Bạch linh*	*12g*
Bạch truật	*12g*		

Nghiền nhỏ mỗi lần uống 4g, ngày 3 lần nước sôi điều uống.

i) Thang Tiểu kiến trung

Góc bụng trên nhỏ hẹp, da dẻ doanh dưỡng không tốt mà mỏng nhẽo, có thể sờ biết cơ thẳng bụng khẩn trương thì dùng thích hợp, nếu có tiếng nước reo rõ rệt thì thêm Bán hạ, Phục linh.

Dược:

Quế chi	*16g*	*Sinh khương*	*16g*
Cam thảo	*8g*	*Đại táo*	*16g*
Thược dược	*24g*		

Nấu được rồi bỏ bã, cho thêm Giao di 80g lại đun thêm 5 phút rồi uống ấm.

k) Phục linh ẩm

Xem phương thang d) mục 14 chứng sa dạ dày.

PHẦN III

LUẬN BÀN VỀ CHỮA BỆNH DẠ DÀY

1. BÀN CHỮA TỲ VỴ CỦA CẢNH NHẠC

(Trích dịch trong Cảnh Nhạc toàn thư, *trang 317 tập I)*

Tỳ vỵ có bệnh tự nên chữa tỳ là vì tỳ là tạng thổ, rót đi khắp nơi trong toàn thân, thế cho nên trong 5 tạng đều có khí của tỳ, mà trong tỳ vỵ cũng đều có khí của 5 tạng, tỳ vỵ cùng 5 tạng có quan hệ gắn bó tương hỗ gắn bó với nhau, cùng giúp đỡ nhau, có thứ có thể chia mà có thứ có thể không chia tách ra được. Cho nên người khéo trị tỳ có thể điều được 5 tạng tức là chữa tỳ vỵ vậy. Người chữa tỳ vỵ mà khiến cho ăn tăng tiến, dạ dày mạnh tức là làm yên 5 tạng vậy. Người đời nay chỉ biết Sâm, Linh, Chỉ, Truật, Sơn tra, Mạch nha, Thần khúc, Hậu phác đều là thuốc của tỳ vỵ, mà không biết phong, hàn, thấp, nhiệt đều có thể chạm đến tỳ, ăn uống nhọc mệt đều có thể hại tỳ.

Ví dụ như:

1. *Tà phong* mà thắng thì nên làm cho tan đi, các loại như Ma hoàng, Quế chi, Sài hồ, Can cát đều là thuốc chữa dạ dày vậy.

2. *Tà nhiệt* mà thắng thì nên dùng thuốc lạnh, thế khì các loại Cầm, Liên, Tri, Bá, Chi tử, Thạch cao cũng đều là thuốc chữa dạ dày cả vậy.

3. *Tà thấp* mà thắng thì nên làm cho khô ráo đi, vậy thì các loại Xương truật, Bạch truật, Bán hạ, Trư linh cũng đều là thuốc chữa nó cả.

4. *Thức ăn uống bị đình tích lại* nên cho thông hành đi, vậy thì các loại Tam lăng, Nga truật, Đại hoàng, Mang tiêu há chẳng phải là thuốc chữa dạ dày sao?

5. *Nhọc mệt nội thương sinh đau dạ dày* thì nên bổ, thế thì loại Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Đỗ trọng chính là thuốc chữa dạ dày vậy. Song tạng phủ tuy chia ra 11 tạng phủ, nhưng cùng có âm dương cùng có khí huyết. Vả lại kinh thái âm thường nhiều huyết ít khí, kinh dương minh thường nhiều huyết nhiều khí. Giả thử 2 kinh này bị máu ứ thì thang Thừa khí để đương lại thuộc thuốc chữa tỳ vy. Lại như cái tà của 5 tạng đều thông với tỳ vy.

6. *Nếu như tà gan mà phạm tỳ thì can* (gan) tỳ đều thực chỉ riêng bình cái khí của can cũng đã được rồi. Can mạnh mà tỳ yếu thì bỏ can, mà cứu tỳ là được vậy.

7. *Nếu như tà tâm mà xâm phạm tỳ*, tâm hỏa (cái hỏa của tâm) bốc thịnh thì làm mát hỏa ấy đi là được rồi, nhưng tâm hỏa không đủ thì bổ hỏa để sinh ra tỳ cũng được vậy.

8. *Nếu như tà phế mà phạm tỳ*, nếu khí của phế bị ủng tắc, thì nên tiết phế để trừ bỏ cái trệ của tỳ, nếu khí phế không đủ thì nên bổ phế, để đề phòng làm hư yếu tỳ.

9. *Nếu tà thận xâm phạm tỳ*, tỳ hư thì thủy có thể khắc trở lại thì nên cứu tỳ là chủ yếu, thận hư thì không có quyền đóng mở phải làm mạnh thận trước đã.

10. Đến như vỵ chủ thu nhận, tỳ chủ yếu làm tác dụng vận chuyển hóa sinh, nếu chỉ nhận mà không hóa thì cái điềm báo tỳ hư đã rõ. Nếu đã không có thể thu nhận lại không thể vận chuyển hóa sinh thì cái khí của tỳ và vỵ đều thiếu to, cần phải tức tốc dùng các phương Thập toàn đại bổ, Lục vị hồi dương, còn sợ không kịp, mà lại đem dùng Tra, Cầm, Chỉ, Truật thì tỳ vỵ có nhờ gì được các vị này.

Vì thế tỳ vỵ bị thương, chỉ cần bỏ các vị làm tổn thương tỳ tức đều là thuốc của tỳ vỵ. Điều đó tùy cơ ứng biến không thể nói hết được. Vả lại mọi thuốc vào miệng tất nhiên trước tiên vào dạ dày mà sau đó mới đi tới các kinh, nếu dùng các loại trở ngại có hại cho tỳ vỵ chẳng lẽ nó chỉ đến các phủ tạng khác mà không qua tỳ vỵ ư? Tất nhiên trước phải phạm vào tỳ vỵ rồi mới đến tạng khác được. Nếu không rõ lẽ đó mà chấp nhặt dùng một hai phương có sẵn, nói rằng phương này có thể đánh trừ tà, phương này có thể mạnh dạ dày (vỵ) thì còn khiếm khuyết nhiều lắm.

2. TRUNG QUỐC Y HỌC ĐẠI TỪ ĐIỂN CHỮA DẠ DÀY ĐAU

(Trích dịch vị oản thống, trang 1914)

Sách linh khu nói: "Huyệt trung oản thuộc vỵ. Đau lâm râm đó là Vỵ oản đau vậy. Nay xét thấy: Dạ dày (vỵ) bẩm chịu cái khí xung hòa, nhiều khí nhiều huyết, khí vỵ khỏe thì tà không thể xâm lấn, hư thì bị tà lấn gây nên bệnh. Thiên lệch về hàn hay về nhiệt, thì nước đình tụ thức ăn tích lại, cùng khí cùng chống nhau mà gây nên đau, hình trạng đau giống như tâm đau song tất nhiên

hoặc buồn bực, hoặc chướng đầy, hoặc nôn mửa, nuốt chua, hoặc không ăn được, hoặc đại tiện khó, hoặc mắt phù vàng, tứ chi mỏi mệt cũng với bệnh vốn có của kinh vy lẫn lộn hiện ra".

Cách chữa như sau:

1. Kiêm có hỏa nóng mà đau nên dùng thang Thanh hỏa.

2. Uống nóng mà bị đau nên dùng thang Cam toại, Hoàng liên làm viên mà uống.

3. Do bên ngoài hút phải gió mát, bên trong ăn phải vật lạnh, khí lạnh trú ở ruột và dạ dày, thốt nhiên gây đau nên uống thang Nhị trần thêm Thảo khấu nhân, Can khương, Ngô thù du. Hoặc thang Phù dương trợ vy, Thảo đậu khấu hoàn.

4. Do cảm lạnh dẫn đến đau nên dùng Thảo quả, Hậu phác, Lương khương, Xương bồ. Hàn nặng quá dùng 1 hạt tất trừng già, đặt trong quả táo đã bỏ hột, bọc giấy thấm nước ướt rồi nướng tồn tính, hoặc rượu hoặc nước cơm điều uống ngày 1 hạt, 7 ngày khỏi.

5. Do hàn thấp trú ở dạ dày, mình mẩy nặng nề sắc mặt ủy vàng nên dùng thang Truật quế.

6. Do khí công kích gây đau, theo phép nên giáng khí xuống như thang Trầm hương giáng khí, thang Gia vị thất khí chính khí thiên hương tán đều có thể châm chước chọn dùng.

7. Do tỳ vy không hòa gây nên đau nên uống Đại an hoàn, nếu tâm vị bụng sườn lan tỏa đều đau dùng thang Nhị trần thêm Xương truật cùng mọi loại thuốc thơm tho mà chữa. Hoặc bài Trầm hương giáng khí tán, không ứng nghiệm thì dùng phép hòa huyết.

8. Do ứ máu gây đau, mạch tất phải sáp sít, uống nước nuốt xuống hoặc gây ợ, trong miệng có mùi tanh của máu, người thể lực khỏe dùng thang Đào nhân thừa khí, thang để đương, cho thêm Tro sơn khô để cho đi đại tiện ra.

Người yếu dùng Qui vĩ, Xuyên khung, Mẫu đơn bì, Tô mộc, Huyền hồ sách, Quế tâm, Đào nhân dã như bùn, Phiên giáng hương, Thông thảo, Mạch nha, Xuyên sơn giáp, sắc được rồi cho thêm rượu, tiểu trẻ, nước lá hẹ uống mạnh vào. Hoặc thang Tứ vật thêm Đào nhân, Xuyên sơn giáp, Quế tâm, Nga truật, Giáng hương, hoặc Thất tiếu tán.

9. Do đờm tích đọng lại gây đau thì dùng: Tinh bán an trung thang, nặng hơn thì thêm vỏ ốc trắng (nung qua) 4g hoặc Hải cáp hoàn, kiêm ho ngược khí sốc lên dùng Hải cáp phấn (nung) Qua lâu nhân lượng bằng nhau, nghiền nhỏ, hòa đều trộn bột hoàn viên, người có đờm hỏa thì dùng Phèn chua, Chu xa, Dấm hoàn viên, nước cơm điều uống.

10. Trong dạ dày vốn có nhiều thứ tích do rượu do thức ăn do đờm, mỗi khi bị xúc phạm là đau nên xét xem bị do nguyên nhân gì mà chữa. Phạm gió lạnh nên dùng Sâm tô ẩm thêm Gừng, Hành, kiêm có khí tức giận nên dùng thang Nhị trần thêm Thanh bì, Hương phụ, nước Gừng sao Hoàng liên. Kiêm có do ăn uống nên dùng thang Nhị trần thêm Sơn chi sao, Mạch nghiệt, Thảo quả, Sơn tra, kiêm hỏa nhiệt nên dùng thang Nhị trần thêm Chỉ thực, Hậu phác, nước Gừng sao Hoàng liên, Sơn chi. Hoặc dùng gia giảm Việt cúc hoàn cùng Xuyên khung, Xương truật, Hương phụ, Thần khúc, Bối mẫu, Sao chi tử, Sa nhân, Thảo quả đều có thể châm chước sử dụng.

11. Mặt mọc ban trắng, môi đỏ có thể ăn được hoặc ăn thì đau ngay, hoặc sau khi đau bèn có thể ăn uống được,

hoặc trong miệng dãi bọt ra, bệnh có lúc giảm khi ngừng, uống nước thuốc vào bèn nôn đó là đau giun vậy, nửa tháng đầu, đầu giun hướng lên dễ chữa, nửa tháng về sau đầu giun hướng xuống khó chữa.

a) Nên trước dùng nước thịt gà cùng đường mật mà uống, dẫn đầu trùng hướng lên lại dùng Tập hiệu hoàn, Vạn ứng hoàn, Tiễn hồng hoàn để cho đi đồng.

b) Xuyên tiêu vài mươi hạt sắc nước uống với Ô mai hoàn, hoặc Hoàng liên, Tân lang, nếu thuốc độc chẳng có thể ngừng nên dùng thang Cam thảo phấn mật làm chủ.

12. Do thân thể gầy yếu, tỳ vị hư lạnh, hoặc uống lâu thuốc lạnh gây nên đau nên dùng thang Ôn vỵ hoặc thang Lý trung. Nếu khí huyết tổn thương ở trong gây nên mà phát sốt không ăn được gọi là đau do hư nên dùng thang Bổ trung ích khí thêm Thảo đậu khấu, đau do nhiệt thì thêm Chi tử.

13. Dạ dày đau mà đại tiện táo kết đó là máu gan bị hư nên dùng Gia vị tiêu dao tán thêm Sinh địa. Người máu ít mà táo nên dùng thang Sơ can ích thận, hoặc bài Tả qui ẩm thêm Sài hồ, Thược dược.

14. Dạ dày đau mà khi ấn vào đau giảm, đó là thuộc hư nên dùng Sâm truật tán, ấn tay vào mà đau càng dữ hơn đó là thuộc thực, nên dùng Chi hoàng hoàn hoặc thang Đại sài hồ. Nếu tự mình biết thân mình lạnh lại uống lạnh mà mắc đau, lúc đầu nên dùng Sương tốt tán, Dũ thông tán. Lâu dần thì uất mà sinh nhiệt, nhiệt lâu hóa thành hỏa, lúc này thuốc ôn ấm không thể dùng, tất phải dùng Sơn chi tử làm hướng đạo cho thuốc nhiệt.

Phàm bệnh đau dạ dày mà uống thuốc thơm tho táo

nhiệt, càng uống bệnh càng sâu nên dùng Sơn chi sao đen 2 lạng, Xuyên khung, Hương phụ (nước muối tẩm sao) đều 1 lạng, Hoàng liên (sao rượu), Hoàng cầm (sao rượu), Mộc hương, Tân lang đều 2,5 đồng cân, Xích khúc, Phiên giáng hương đều 5 đồng cân, Mang tiêu 2 đồng cân cùng nghiền nhỏ, nước Gừng tươi, nước tiểu trẻ đều 0,5 chén, lúc đau điều uống 2 đồng cân.

15. Đau dạ dày hơ cứu vào huyệt thiếu thương rất tốt.

16. Hạ khô thảo 1 lạng, người thể chất hư yếu thêm thịt lợn gầy 4 lạng cùng nấu, nên uống như uống trà, ba bốn lạng thì khỏi.

17. Mẫu lệ nung nghiền nhỏ, lúc đau uống vài thìa.

18. Đan sâm 1 lạng, Đàn hương, Sa nhân đều 1 đồng cân, sắc nước uống là khỏi, nếu đàn bà phụ nữ càng tốt.

18. Muối ăn 1 nắm đặt lên chảo rang dưới đốt lửa rực đỏ, đột ngột cho muối rang đó vào nước, nhân lúc nóng uống đi.

20. Bột Huyền hồ sách 3 đồng cân lấy rượu đưa thuốc uống rất công hiệu.

21. Sinh địa hoàng giã nhừ uống lạnh.

22. Một dược, rượu điều uống 3 đồng cân.

3. VỴ LẠNH, RUỘT (TRÀNG) NÓNG

(Theo Trung Quốc y học đại từ điển)

Thiên linh khu thầy truyền rằng: Trong dạ dày lạnh trong ruột nóng thì chướng đầy mà lại tiết tả. Vì sao? Vì vỵ lạnh thì cơm nước thức ăn không hóa mà gây nên chướng đầy, đồng thời thấy tràn ra dãi lạnh v.v... Ruột nóng thì đại tiện hoặc khô ráo, hoặc tràng tích.

Cách chữa:

Nên dùng Can khương, Lương khương, Bán hạ để ấm dạ dày; Hoàng cầm, Bạch thược, Hoạt thạch để làm mát ruột (Thanh tràng)

4. VỴ (DẠ DÀY) LẠNH NÔN MỬA

Trong dạ dày ghé có lạnh mà nôn mửa vậy. Chứng này phần nhiều do dạ dày hư mà bị cảm lạnh, hoặc ăn lạnh gây nên, hoặc do cảm sốt cho ra mồ hôi quá nhiều trong dạ dày hư lạnh gây ra. Chứng hiện ra là thích nóng ghét lạnh, tứ chi lạnh, hoặc thấy nuốt chua, mạch yếu nhỏ mà trơn (nhược tiểu nhi hoạt) nên dùng thuốc cường tráng làm cho ấm, dùng thang Nhị trần thêm Đinh hương 10 nụ, hoặc thang Lý trung thêm Chỉ thực 5 phân. Ngoài ra như thang Đinh hương, Ngộ thù du, Hoắc hương an vỵ tán, Thiết loát thang, Ôn trủng thang, thang Phụ tử lý trung, thang Trị trung thêm Đinh hương đều có thể châm chước sử dụng. Nên uống lạnh, nếu uống mọi thuốc mà không công hiệu hãy dùng Hồng đậu hoàn.

Phương thang:

1. Thang Đinh hương ngô thù du (Lý Đông Viên)

Công dụng: Trị dạ dày lạnh nôn mửa

Dược:

Đinh hương	*5 phân*
Thăng ma	*7 phân*
Đương qui	*1,5 đồng cân*
Sài hồ	*5 phân*
Ngô thù du	*1 đồng cân*

Thảo đậu khấu	*1 đồng cân*
Nhân sâm	*1 đồng cân*
Xương truật	*1 đồng cân*
Hoàng cầm	*1 đồng cân*
Bán hạ	*5 phân*
Bạch linh	*5 phân*
Can khương	*5 phân*
Cam thảo	*5 phân*

Nghiền nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng cân, nước trong 2 chén sắc còn 1 chén, bỏ bã uống nóng, trước bữa ăn. Kiêng ăn vật lạnh lẽo.

2. Hoắc hương an vỵ tán (Lý Đông Viên phương)

Trị tỳ vị hư yếu, ăn vào bèn nôn.

Dược:

Hoắc hương	*1,5 đồng cân*
Quất hồng	*5 đồng cân*
Đinh hương	*2 đồng cân*
Nhân sâm	*2 đồng cân*

Nghiền nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, nước trong 2 bát thêm Gừng tươi 3 lát sắc còn 1 bát, bỏ bã, trước bữa ăn uống lạnh.

3. Thang Trị trung (Chứng trị chuẩn thằng phương)

Trị hoắc loạn thổ tả, thức ăn đình trệ, tiết tả.

Dược:

Tức thang Lý trung thêm Quất hồng, Thanh bì đều 1 lạng 5 đồng cân

Cách dùng: Giống như thang Lý trung, nếu nôn mửa thêm vỏ Đinh hương, Bán hạ đều 1 lạng Gừng tươi 10 lát.

4. Thang Lý trung (Thương hàn luận phương)

Giống như Lý trung hoàn, kiêm trị tổn thương vỵ, nôn ra máu.

Dược:

Nhân sâm, Cam thảo nướng (có nơi dùng 1 lạng) Bạch truật sao cháy đều 3 lạng. Can khương 2 lạng (có nơi 3 lạng).

Cách dùng: Nước trong 8 thăng đun còn 3 thăng, chia ra uống ấm mỗi lần 1 thăng, ngày 3 lần. Sau khi uống khoảng 1/2 giờ ăn một bát cháo nóng, thấy ấm người, chớ để mồ hôi ra áo, chăn.

Thêm bớt.

- Can hoắc loạn (miệng nôn trôn tháo khan), tâm bụng đau, trước lấy nước muối làm thang uống chút ít, đợi nôn ra lại uống.

- Thương hàn kết ở ngực thêm Cát cánh, Chỉ sác lượng bằng nhau

- Sau hoắc loạn chuyển gân sinh co rút thêm Thạch cao 1 lạng (nung qua lửa)

- Trên rốn nổi lên, máy động đó là khí thận động, bỏ Bạch truật thêm Quan quế. (Thận ghét Táo bỏ Truật vì sợ gây nên chứng bôn đồn, cho nên thêm Quan quế) một lạng 5 đồng cân.

- Run rẩy (quí) nhiều thêm Phục linh 1 lạng.

- Khát muốn uống nước thêm Bạch truật 5 đồng cân.

- Lạnh nhiều thêm Can khương 5 đồng cân.

- Bụng đầy bỏ Bạch truật thêm 1 lạng Phụ tử.

- Uống nhiều và ăn xào rán nóng nhiều dẫn đến chảy máu cam ở mũi thêm Xuyên khung 1 lạng.

5. Thiết loát thang (Chứng trị chuẩn thằng phương)

- *Công dụng*: Trị tích lạnh đàm ẩm, nôn mửa không ngừng, ngực cách mô không khoan khoái ăn uống nuốt không trôi.

- Dược phẩm:

Bán hạ	*4 đồng cân*
Thảo đậu khấu	*3 đồng cân*
Đinh hương	*3 đồng cân*
Can khương (nướng)	*3 đồng cân*
Kha tử bì	*3 đồng cân*
Sinh khương	*1 lạng*

Giã dập, nước trong sắc uống.

- Gia giảm: Nôn mạnh không ngừng thêm Phụ tử 3 đồng cân Sinh khương 5 đồng cân.

5. VỊ NÓNG RUỘT LẠNH

(Linh khu sư truyền thiên)

Trong dạ dày nóng, trong ruột lạnh thì bệnh đói, bụng dưới (tiểu phúc) đau chướng, dạ dày nóng thì tiêu cơm nên chóng đói. Ruột lạnh thì máu ngừng trệ mạch nặng (trọng) cho nên bụng dưới đau chướng, cách chữa nên dùng: Hoàng liên, Thiên hoa phấn, Trúc nhự để làm mát dạ dày. Hồi hương, Hương phụ, Ích trí nhân để ôn ấm ruột.

6. DẠ DÀY NÓNG NÔN MỬA

Trong dạ dày ghé nóng mà nôn thì chứng này ăn ít thì nôn ra, thích lạnh ghét nóng, mạch sác mà hồng, cách chữa nên dùng: Thang Nhị trần thêm Hoàng liên, Chi tử

sao, Lý tỳ bà, Trúc nhự, Can cát, Sinh khương cho vào nước sắc rễ lau đun rồi uống. Nếu người vốn kinh vị hỏa thịnh thì dùng Đại hoàng, Cát căn, Chỉ thực, Thạch cao, Mạch đông, Trúc nhự, Mộc qua, Lô căn, Trần bì, Thông thảo, Tỳ bà diệp để tả đi.

7. DẠ DÀY HƯ YẾU SINH BÍ ĐẠI TIỆN

Chứng này không thể ăn uống được, tiểu tiện tự lợi (tự chạy ra) nên dùng thang Hậu phác.

Thang Hậu phác (Trương khiết cổ phương)

- Trị tỳ vy hư lạnh gây chướng, trong bụng lúc đau lúc ngừng.

- *Dược phẩm*: Hậu phác. Trần bì, Cam thảo đều 3 lạng, Bạch truật 5 lạng, Bán hạ. Chỉ thực (sao lửa) đều 2 lạng.

- *Cách dùng*: Nghiền thô mỗi lần uống từ 2-5 đồng cân, nước trong 1-2 bát thêm Gừng tươi 3 lát sắc uống.

8 - DẠ DÀY THỰC SINH BÍ ĐẠI TIỆN

Chứng này thích ăn uống, đái đỏ sít sáp, nên dùng thuốc lạnh, mà cho đi đồng. Dùng Ma nhân hoàn, Thất tuyên hoàn.

Ma nhân hoàn (Thương hàn kim quỹ phương)

- Trị chứng tỳ ước. Chứng này mạch phù và sáp, phù là dương thịnh, sáp là âm tổn thương, dương thịnh âm tổn thương thì chất dịch trong ruột tổn thương vì khô mà vận chuyển thu vào tống ra khó, dẫn đến tiểu tiện nhiều và đi luôn, đại tiện bí kết. Nên gọi tỳ ước. Dùng Vừng đen nhiều

dầu làm quân (vị chính), Hạnh nhân ngọt nhuận làm thần, Chỉ thực, Hậu phác thuận khí thông hành trệ làm tá Đại hoàng tiết bớt nóng thông đại tiện làm sứ, lại luyện mật làm viên để cho đi chậm, khiến sức thuốc ở trong ruột ít tồn đọng, mới mong nhiệt đi, tân dịch phục hồi mà đại tiện thông sướng. Phương này chỉ dùng cho trứng thực.

- *Dược phẩm*: Vừng đen 2 thăng (bỏ vỏ nghiền) Thược dược, Chỉ thực đều 8 lạng, Đại hoàng 1 cân, Hậu phác 2 lạng, Hạnh nhân 1 thăng, nghiền nhỏ trộn mật viên như hạt ngô đồng mỗi lần uống 10 viên (có nơi 20 - 50 viên) ngày 3 lần dần tăng lên, đại tiện được thì thôi.

Thất tuyên hoàn (Thẩm thị tôn sinh thư phương)

- Trị vị thực.
- Dược phẩm:

Đại hoàng 1 lạng
Mộc hương 1 đồng cân
Hạt cau 3 đồng cân
Kha tử bì 1 đồng cân 5 phân.
Đào nhân 12 hạt nghiền nhỏ luyện mật viên

9. DẠ DÀY CHƯỚNG ĐẦY

(Linh khu chướng luận)

- Dạ dày chướng đầy, bụng đầy, vùng dạ dày đau, mũi khô xém hôi, sợ ăn, đại tiện khó. Chứng này nên dùng:

Hoắc hương chính khí tán, Mộc hương điều khí tán, Tô tử thang rồi gia thêm: Bạch chỉ, Thăng ma, Cát căn, Thạch cao.

Hoắc hương chính khí tán

- Thơm tho hóa thấp đi, sơ tan tà ở phần biểu, điều hòa trung tiêu.

- Dược phẩm:

Hoắc hương	*3 đồng cân*
Tử tô	*2 - 3 đồng cân*
Bạch chỉ	*1-2 đồng cân*
Cát cánh	*1-2 đồng cân*
Bạch truật	*2-3 đồng cân*
Hậu phác	*1-2 đồng cân*
Bán hạ khúc	*3 đồng cân*
Đại phúc bì	*2-3 đồng cân*
Phục linh	*3-4 đồng cân*
Trần bì	*1,5-3 đồng cân*
Cam thảo	*1 đồng cân*

Mộc hương điều khí tán (Thái bình huệ dân hòa tễ cục phương)

- Trị khí trệ ngực cách mô hư bĩ, buồn nôn, nôn ngược, bụng đau.

- *Dược phẩm*: Mộc hương, Bạch đậu khấu nhân (bỏ vỏ), Đinh hương, Đàn hương đều 2 lạng, lá Hoắc hương, Cam thảo (nướng) đều 8 lạng, Sa nhân 4 lạng (sao) một phương không Đinh hương, Đàn hương.

- *Cách dùng*: nghiền nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân, thêm chút ít muối, nước sôi hòa lẫn sột sệt, sớm tối đều 1 lần uống, hoặc làm viên uống 2 đồng cân cũng được.

Tô tử thang (Nghiệm phương)

- Trị tỏa hầu, Triền hầu, Nhũ nga, phong hỏa vít lấp hầu họng (các loại viêm sưng ở hầu họng).

- *Dược phẩm*: Tô tử, Tiền hồ, Xích thược đều 2 đồng cân, Huyền sâm, Liên kiều, Bối mẫu đều 1,5 đồng cân. Nước trong sắc uống.

10. DẠ DÀY CÓ UNG NHỌT

(Tố vấn bệnh năng luận)

Muốn chữa nên xem mạch dạ dày, mạch nên trầm tế, trầm tế là khí ngược vậy. Ngược thì mạch nhân nghinh rất thịnh, rất thịnh thì nóng, vì huyệt nhân nghinh mạch động là mạch dạ dày vậy. Ngược mà thịnh là nhiệt tụ ở miệng dạ dày mà không đi, cho nên vỵ oản mọc ung nhọt vậy.

Xét ra chứng này phần nhiều do ăn uống tích tụ, hoặc thích uống rượu ngon, hoặc thích ăn chất xào rán, hoặc bảy thứ tình chí bị uất lâu, khí nhiệt độc tích lũy ở trong, trong dạ dày cái khí trong trẻo hãm xuống, dẫn đến nóng lạnh như sốt rét, da,mình mẩy như tróc vẩy, hoặc ho, hoặc nôn ra máu mủ, mạch trầm tế (chìm mà nhỏ), hoặc nhân nghinh thì khẩn thịnh.

Cách chữa như sau:

1. Mới bị thấy lúc nóng lúc lạnh như sốt rét, ho, nhổ ra máu mủ nên dùng *Thang Xạ can.*

2. Phong nhiệt cố kết, môi miệng máy động nên dùng *Thang Ý dĩ nhân.*

3. Người có nhiệt chứa chất lại nên dùng Thanh vỵ tán, hay *Thang Thược dược.*

4. Khoảng ngực vú đau, nôn ra máu mủ tanh hôi nên dùng *Mẫu đơn tán*, ngoài ra như *Thiên kim nội tiêu tán, Nội tiêu nhiêu Tuyết thang*. Đều có thể châm chước chọn dùng.

5. Dạ dày mọc mụn, đái đỏ sít, bụng đầy không ăn được nên dùng *Thang Tam nhân.*

6. Dạ dày mọc mụn mà khí đờm ủng tắc lên trên nên dùng *Thang Can cát.*

Phương thang:

1. Thang xạ can. (Trị vỵ oản ung nhọt)

Dược phẩm: Xạ can, Chi tử (nước gừng sao đen) Xích phục linh (bỏ vỏ), Thăng ma đều 1 lạng (xích linh có nơi 2 lạng), Xích thược 1,5 lạng (có nơi 2 lạng), Bạch truật 5 đồng cân (để sống, có nơi 1,5 đồng cân chế nước Gừng cho sao).

Cách dùng: Nghiền thô mỗi lần uống 5 đồng cân, nước trong sắc uống cùng nước Sinh địa và mật trắng lại đun, uống ấm không kể lúc nào.

Sốt về chiều mỗi lần uống thêm Sừng tê, Mẫu đơn bì đều 1 đồng cân, 2 phân Cam thảo.

2. Thang Ý dĩ nhân (Chứng trị chuẩn thằng phương)

- Trị ung nhọt ở ruột, rốn lồi, bụng đau, phiền táo, hoặc chướng đầy không ăn, tiểu tiện sáp trệ, hoặc nhỏ giọt đau đớn.

- *Dược phẩm*: Ý dĩ nhân, Qua lâu nhân (có nơi 4 đồng cân) đều 3 đồng cân, Mẫu đơn bì, Đào nhân đều 2 đồng cân (1 phương 3 đồng cân), 1 phương có Bạch thược 1 đồng cân. Nước trong sắc uống không kể lúc nào.

3. Thang Thược dược (Chứng trị chuẩn thằng phương)

- Trị vùng vị oản bị tích chứa nóng lại, gây nên ung nhọt.

- *Dược phẩm*: Xích thược, Thạch cao, Tê giác, Mạch môn đông, Mộc thông đều 2 lạng, Phác tiêu, Thăng ma,

Huyền sâm, Sinh cam thảo đều 1 lạng. Giã dập mỗi lần uống 5 đồng cân, đem sắc uống không kể lúc nào.

4. Mẫu đơn tán (Loại chứng phổ tế bản sự phương)

- *Công dụng*: Trị phế ung

- *Dược phẩm*: Mẫu đơn bì, Xích thược (có nơi 1 đồng cân) Hoàng cầm, Sinh cam thảo (có nơi 1 đồng cân) đều 1,5 đồng cân (1 phương có bại tương 1 đồng cân).

- *Cách dùng*: nước trong 2 bát sắc còn 1 bát, uống xa bữa ăn.

Mẫu đơn tán (Chứng trị chuẩn thằng phương)

- *Công dụng*: Trị chứng ruột có ung nhọt lạnh, bụng mềm mà đau, luôn luôn ỉa ra mủ hoặc máu.

- *Dược phẩm*: Mẫu đơn bì, Nhân sâm, Thiên ma, Bạch linh, Hoàng kỳ (sao), Mộc hương, Đương qui, Xuyên khung, Quan quế, Đào nhân (bỏ vỏ, sao) đều 7,5 đồng cân, Bạch chỉ (sao) Ý dĩ nhân, Cam thảo (nướng) đều 5 đồng cân. (1 phương không Quan quế, Mộc hương).

- *Cách dùng*: nghiền nhỏ mỗi lần uống 3-5 đồng cân, nước trong 1 bát sắc còn 7 phân, uống ấm trước bữa ăn.

5. Thiên kim nội tiêu tán (Thiên kim phương)

Tức là phương thứ nhất của nội tiêu tán

- *Công dụng*: Trị các loại nung thư tiện độc.

- *Dược phẩm*: Đại hoàng 3 đồng cân, Kim ngân hoa 1 đồng cân, Đương qui vĩ (chế rượu) 1,5 đồng cân, Mộc miết tử (bỏ vỏ), Xích thược, Bạch chỉ, Nhũ hương, Một dược, gai Bồ kếp, Cương tàm, Qua lâu nhân, Thiên hoa phấn đều 1 đồng cân, đốt Cam thảo 5 phân, Xuyên sơn giáp 3 cái (sao bột vỏ sò).

- *Cách dùng*: Rượu và nước sắc uống. Mới mọc thì tiêu, đã sưng thì vỡ, máu theo đại tiện ra. Phương này cùng bài Tiên phương hoạt mạnh ẩm tương đối giống nhau.

6. Nội tiêu nhiêu tuyết thang (Ngoại khoa chính tông phương)

- *Công dụng*: Trị nung thư chưa thành.

- *Dược phẩm*: Qui thân, Bạch thược, Cam thảo tiết, Hoàng kỳ, Xạ can, Liên kiều, Bạch chỉ, Bối mẫu, Trần bì, Tạo giác thích, Thiên hoa phấn, Xuyên sơn giáp, Kim ngân hoa, Thanh bì, Nhũ hương (bỏ dầu) Một dược (bỏ dầu) đều 8 phân, Mộc hương 4 phân.

Nước rượu đều 1 bát sắc còn 8 phân nặng thì thêm Đại hoàng 2 đồng cân, tùy nặng nhẹ uống trước bữa ăn.

7. Thang Tam nhân (Ôn bệnh điều biện)

- Dược phẩm:

Hạnh nhân	*3 đồng cân*
Dĩ nhân	*3-5 đồng cân*
Hậu phác	*1-2 đồng cân*
Chế bán hạ	*1,5-3 đồng cân*
Thông thảo	*1 đồng cân*
Trúc diệp	*1-3 đồng cân*
Bạch khấu nhân	*1,5 đồng cân*

Ngày 1 thang sắc chia 2 lần uống.

- *Công dụng*: Tuyên thông khí cơ, thanh hỏa thấp nhiệt, chữa thấp nhiệt lưu luyến ở phần khí, thấp nặng hơn nhiệt, nhiệt thấp hoặc sốt cơn ở buổi chiều dài lâu không lui, hoặc hơi sợ lạnh, đầu chướng mà nặng, ngực bụng lo đầy buồn bực, ít nghĩ đến ăn uống, hoặc hay buồn nôn, hoặc khát không muốn uống, rêu lưỡi trắng nhầy, dầy nhầy, mạch nhu hoạt mà mềm.

- Thêm bớt:

+ Phương này thêm Liên kiều, Khổ sâm, Rau sam, Kim tiền thảo, Hoàng cầm, Ngân hoa dùng chữa viêm bể thận mãn có tác dụng tốt.

+ Nếu thấy có chứng phần biểu, thấy đầy chướng, đau đầu, sợ lạnh thêm Tô diệp, Bội lan, Đậu sị đầu.

+ Nếu nhiệt cao thêm thấy đái đỏ, lưỡi đỏ thêm Nhân trần, Sơn tri, Hoàng cầm, Ngân hoa, Liên kiều, Bồ công anh làm mát nóng giải độc.

8. Thang Cam cát (Đăng y đại toàn phương)

- *Công dụng*: Trị vỵ ung nhọt, đờm ủng tắc.

- *Dược phẩm*: Cam thảo, Cát cánh, Mạch môn đông đều 1 lạng, nước trong sắc uống.

11. CHỮA DẠ DÀY HƯ YẾU GÂY SUYỄN

Suyễn bởi vỵ hư, chứng này thường nghển cao đầu thót bụng để thở, khí suyễn không ngừng nên uống thang Ngũ vị tử.

Thang Ngũ vị tử:

- *Công dụng*: Trị kinh phế bị bệnh, nhiều mồ hôi, sợ gió, luôn ho, ngắn hơi, khó nằm ngửa, ngực đầy ngày nhẹ đêm nặng.

- *Dược phẩm*: Ngũ vị tử, Hạnh nhân (sao bỏ vỏ, đầu nhọn), Quế tâm đều 5 đồng cân, Phòng phong, Cam thảo (nướng), Xích thược, Xuyên khung đều 1 lạng, Xuyên tiêu 2,5 đồng cân.

- *Cách dùng*: Giã dập mỗi lần uống 5 đồng cân, sắc uống không kể lúc nào.

PHẦN IV

CÁC BÀI THUỐC CHỮA TRỊ BỆNH DẠ DÀY HIỆN ĐANG ÁP DỤNG

Vùng bụng trên đau đớn, nói chung là vùng vỵ oản đau. Tức đau dạ dày.

Nguyên nhân gây ra đau rất nhiều, có đau do lạnh, đau do nóng, đau do hư yếu, đau do ứ, đau do ăn uống không điều độ, quá nóng quá lạnh, quá ăn chất xào rán kích thích, bia rượu lại còn đau do khí của bản thân vỵ bị trở trệ, đau do khí của can khắc vỵ làm dạ dày đau. Đau do giun, đa số là giun đũa, lại còn đau lâu biến thành hỏa, biến thành loét, thành biến dạng. Trong đó vì khí vỵ vốn lạnh lại do ăn uống thức ăn sống lạnh trực tiếp gây ra đau là thấy nhiều hơn. Hơn nữa do ăn uống phóng túng không điều độ biến thành viêm, thành loét, hoặc biến dạng đang có nhiều. Nay tôi biên soạn từng dạng bệnh chứng do nguyên nhân khác nhau nên cách chữa khác nhau.

1. CHỨNG ĐAU DẠ DÀY DO VỴ LẠNH

Phần nhiều đột nhiên phát sinh đau, thích xoa bóp vào bụng, thích chườm nóng, uống nước nóng, kiêm có nôn mửa ra nước trong hoặc đờm dãi, sợ lạnh, tay chân không

ấm, mạch tượng trầm trì hoặc trầm huyền, rêu lưỡi thường trắng trơn nhầy.

Dạ dày lạnh thì khí phải trở trệ, lạnh thì hợp với thấp, thấp sẽ hoành hành trở trệ tức không thông, không thông thì đau (thông tắc bất thống). Vì vậy cách chữa cần ôn ấm trung tiêu làm tan giá lạnh, trong đó giúp thêm cần lý khí hóa thấp.

Người xưa thường dùng "Thang Hậu phác ôn trung" hay "Lương phụ hoàn". Tùy bệnh chứng xuất hiện ra mà thêm bớt cho phù hợp bệnh tình hoặc "Thang Phòng cát nhị trần" cũng tốt, tôi hay dùng thang Phòng cát nhị trần gia vị.

Thang Hậu phác ôn trung (Thẩm thị tôn sinh thư phương)

Dược phẩm: Hậu phác, Trần bì đều 1,5 đồng cân, Can khương (nướng) 2 đồng cân, Thảo đậu khấu (nướng), Xích phục linh đều 7 phân, Mộc hương, Cam thảo (nướng) đều 5 phân. Thêm Gừng tươi 3 lát, Táo 2 quả sắc uống.

Lương phụ hoàn (Nghiệm phương)

a) Trị khí trệ, vùng cách mô ngực, dạ dày ấn có điểm đau, hoặc nhiều năm không khỏi.

- *Dược phẩm*: Cao lương khương 4 đồng cân. Hương phụ chế 4 lạng, Can khương 2 lạng, Trầm hương 1 hạng, Thanh bì, Đương qui, Mộc hương đều 3 lạng.

Cùng nghiền nhỏ, dùng nước hoàn viên như hạt ngô đồng, mỗi lần uống 3 đồng cân với nước đun sôi.

b) Có bài Cao lương khương (sao rượu), Hương phụ (sao rượu) nếu do lạnh mà đau thì Cao lương khương dùng dội lên, nếu do khí mà đau thì Hương phụ dùng gấp lên.

Thang Phòng cát nhị trần (Chứng nhân mạch trị phương)

Phòng phong	*12g*	*Trần bì*	*10g*
Cát căn	*16g*	*Phục linh*	*12g*
Bán hạ	*12g*	*Cam thảo*	*4g*

Sắc uống.

Thang Phòng cát nhị trần gia vị (Hy Lãn phương)

Phòng phong	*12g*	*Trần bì*	*10g*
Cát căn	*16g*	*Phục linh*	*12g*
Hoắc hương	*8g*	*Tử tô*	*8g*
Đậu khấu	*8-10g*	*Bán hạ*	*12g*
Cam thảo	*4g*	*Chỉ sác*	*8g*
Hậu phác	*12g*	*Can khương*	*8g*
Xương truật	*12g*	*Ô tặc cốt*	*16g*
Hoài sơn	*16g*	*Đương qui*	*16g.*

Ý nghĩa phương:

Phòng phong, Cát căn để giải tà ở phần ngoài cơ thể (khí tà còn ở phần biểu), Thang Nhị trần (Bán hạ, Trần bì, Phục linh, Cam thảo) để ráo thấp hòa vỵ trị nôn mửa. Hoắc hương, Chỉ sác làm khoan khoái trung tiêu, Tử tô để hòa vỵ giải biểu. Hậu phác trừ chướng đầy. Can khương, Đậu khấu làm ôn ấm trung tiêu. Xương truật trừ nước tụ ở vỵ, có tác dụng như Bình vỵ tán, vì trong phương này có đủ Xương truật, Hậu phác, Cam thảo, Trần bì.

Bài Bình vỵ tán này Trung Quốc cũng dùng để chữa viêm dạ dày cấp mạn, dạ dày dãn nở có kết quả tốt. Nay thêm Hoắc hương, Bán hạ thì nó có tác dụng của bài "Hoắc hương chính khí tán" kiêm trị ngoại cảm phong tà, hàn tà. Người đau dạ dày đa phần có nôn, buồn nôn, nên trong phương sẵn có tác dụng của thang Nhị trần (Trần bì, Bán

hạ, Phục linh, Cam thảo), Ô tặc cốt hút bớt chua, Hoài sơn tạo thêm chất nhầy bảo vệ niêm mạc, Đương qui bổ máu, giúp thêm cho niêm mạc dạ dày khỏi bị tổn thương.

Gia giảm:

- Nếu người hư yếu nên thêm Đẳng sâm, Hoàng kỳ, Đương qui, Bạch truật.

- Nếu kiêm có tà thấp thì thêm Xương truật, Bạch truật, Trư linh.

- Nếu kiêm có thức ăn đình tích lại thì thêm Tam lăng, Nga truật, Đại hoàng, Mang tiêu, hoặc chọn dùng các vị trong bài "Bảo hòa hoàn". Hoặc dùng thang Hậu phác, Ôn trung hợp với phương "Bảo hòa hoàn" đều cần phải tùy theo bệnh chứng xuất hiện mà thêm bớt cho đúng.

2. CHỮA CHỨNG ĐAU DẠ DÀY DO KHÍ CỦA VỴ VÀ CAN

Dạ dày đau do khí cũng là chứng bệnh thấy xuất hiện nhiều, phần nhiều do tiêu hóa không tốt, khí của vỵ bị ngăn trở đọng trệ mà sinh ra, hoặc do khí của gan uất muộn không điều đạt mà ảnh hưởng tỳ vỵ sinh ra, nay tôi thứ tự nêu ra như sau:

1. Đau dạ dày do chính cái khí của dạ dày (vỵ) bị ngăn trở trệ đọng mà sinh ra đau

Chứng này vùng dạ dày chướng đau, đưa lên rạo rực, ngực buồn bực bí tắc, được ợ hơi hoặc trung tiện là giảm đau, kiêm thấy bụng chướng, đại tiện khó khăn, mạch tượng huyền hoạt.

Dạ dày có nhiệm vụ nhận và tiêu thức ăn, nó lấy hòa giáng làm quí, nay dạ dày không hòa giáng, khí cơ bị trở

ngại. Vì vậy cần phải thông hành khí, làm tan cái bị trệ đọng mới yên được. Người xưa hay dùng bài "Hương sa chỉ truật hoàn". Nếu nặng thì kết hợp bài "Trầm hương giáng khí tán" mà chữa. Hoặc "Thang Diên ô nhị trần" để làm tan cái khí trệ của dạ dày. Loại đau này tôi thường dùng "Hương sa chỉ truật gia vị".

Hương sa chỉ truật hoàn:

Mộc hương	*8g*	*Chỉ thực*	*12g*
Sa nhân	*12g*	*Bạch truật*	*24g*

Phương này tán nhỏ làm viên, mỗi lần uống từ 6g đến 12g, ngày 2 lần nước sôi điều thuốc, có công năng phá khí trệ, tiêu thức ăn cách đêm, mở vy ăn tăng. Chữa tỳ vy hư yếu vận hóa không tốt, ăn uống đình trệ, bụng chướng đầy, đại tiện hoặc sột sệt hoặc không khoan khoái. Qua thực nghiệm thấy: Chỉ thực có tác dụng tăng cường nhu động ruột, Trung quốc dùng chữa sa dạ dày, lồi tử cung ra, (đờm kết thạch) sỏi mật.

Trầm Hương giáng khí tán:

Trầm hương	*8g*	*Hương phụ*	*20g*
Sa nhân	*12g*	*Cam thảo*	*6g*

Thang Diên ô nhị trần.

Trị khí trệ gây đau dạ dày:

Diên hồ sách	*16g*	*Thiên thai ô dược*	*16g*
Hương phụ	*16g*	*Sa nhân*	*16g*
Bán hạ chế	*12g*	*Trần bì*	*12g*
Phục linh	*12g*	*Cam thảo*	*6g*

Ý nghĩa phương:

Xin xem ở mục 5 e) trang 60.

Thang Hương sa chỉ truật gia vị (Hy Lân phương)

Mộc hương	*8g*	*Sa nhân*	*12g*
Chỉ thực	*12g*	*Bạch truật*	*12g*
Đương qui	*16g*	*Hương phụ*	*12g*
Ô dược	*16g*	*Trần bì*	*10g*
Bán hạ	*16g*	*Phục linh*	*12g*
Hậu phác	*12g*	*Cam thảo*	*6g*
Ô tặc cốt	*16g*	*Hoài sơn*	*6g*
Diên hồ sách	*12g*		

Ý nghĩa phương:

Bài Hương sa chỉ truật dùng Chỉ thực tiêu bí cứng, Bạch truật mạnh tỳ, lượng dùng nhiều hơn, bổ nặng hơn tiêu, qua thực nghiệm thấy Chỉ thực có tác dụng tăng cường nhu động dạ dày và ruột. Diên hồ, Hương phụ, Ô dược, Mộc hương, Trần bì chủ yếu xử lý cái khí bị trệ của chính bản thân dạ dày. Người đau dạ dày thường hay buồn nôn và nôn, do đó cần thang Nhị trần (Bán hạ, Trần bì, Phục linh, Cam thảo). Sa nhân, Mộc hương hợp thang Nhị trần có tác dụng ấm trung tiêu hòa dạ dày. Cam thảo hòa trung tiêu, điều hòa mọi vị thuốc.

Dạ dày bị tổn thương lớp niêm mạc như viêm, loét dù nhiều hay ít cũng nên dùng Ô tặc cốt hút bớt chất chua đi, Hoài sơn tạo độ nhầy thêm cho dạ dày, Đương qui bổ máu cho dạ dày. Tôi thường dùng bài này khi xác định chính cái khí của dạ dày bị trệ đọng mà gây nên đau.

2) Dạ dày đau do chính khí của gan sinh ra

- *Chứng trạng*: Sườn đầy tức chướng đau, uất muộn hay thở dài, lúc thư thái vui vẻ thì không đau khi bực tức

giận dữ tình chí không đạt thì đau, đó đều là chứng trạng khí của gan.

Mạch phần nhiều huyền đói sác.

Người xưa nói: "Can mộc phạm vỵ" tức là khí can thịnh sâm phạm dạ dày, còn gọi Can vỵ khí thống, tức là đau khí của can và vỵ. Cách chữa nên dùng bài "Sài hồ sơ can tán" hay "Thang điều khí".

Sài hồ sơ can tán (Thương hàn luận)

Sài hồ	*1-3 đồng cân*
Bạch thược	*3 đồng cân*
Chỉ thực	*1,5-3 đồng cân*
Cam thảo	*1,5 đồng cân*
Xuyên khung	*2 đồng cân*
Hương phụ	*3 đồng cân*
Trần bì	*3 đồng cân*

Thang Điều khí:

Hương phụ	*1,5-3 đồng cân*
Thanh trần bì	*3 đồng cân*
Hoắc hương	*3 đồng cân*
Mộc hương	*2 đồng cân*
Cam thảo	*1,5 đồng cân*
Ô dược	*4 đồng cân*
Sa nhân	*3 đồng cân*

Dạ dày đau do khí của gan khắc vỵ sinh ra, tôi thường dùng một phương:

Sài hồ sơ can gia vị (Hy Lãn phương):

Sài hồ	*12-16g*	*Bạch thược*	*12g*
Chỉ thực	*12g*	*Cam thảo*	*6g*
Xuyên khung	*10g*	*Hương phụ*	*12g*

Trần bì	*10g*	*Thanh bì*	*10g*
Hoắc hương	*8g*	*Ô dược*	*12g*
Xương truật	*12g*	*Sa nhân*	*10g*
Hậu phác	*10g*	*Bạch truật*	*16g*
Đảng sâm	*16g*		

Ý nghĩa phương:

Phương này là Sài hồ sơ can gia vị, tác dụng của Sài hồ không những khéo đẩy tà ra ngoài mà còn là thuốc chủ yếu để sơ gan, phối hợp với Bạch thược, Cam thảo để hòa doanh giảm đau, Chỉ thực tiêu dẫn tích trệ thì càng tăng cường công năng hành khí giải uất, bốn vị này chính là bài "Tứ nghịch tán" là phương tễ chủ yếu để sơ can giải uất. Tứ nghịch tán thêm Xuyên khung, Hương phụ, Trần bì đã tăng cường lực lượng lý khí sơ gan, lại thêm có tác dụng hoạt huyết giảm đau nữa. Đó chính là bài "Sài hồ sơ can tán" thích ứng dùng chữa khí can uất kết kiêm có chứng huyết đi không thông sướng. Thêm Sâm, Linh, Truật để bổ tỳ, Xương truật, Hậu phác để ráo thấp trừ chướng đầy mạnh tỳ, thêm Thanh bì, Hoắc hương, Ô dược, Sa nhân để xử lý cái khí bị trệ nếu có ở gan đồng thời xử lý cái khí bị trệ ở vỵ nữa.

3) Nếu vừa có chứng trạng khí của tỳ vỵ bị trở trệ, vừa có chứng trạng do khí can uất kết thì tôi thường dùng bài này mà thu được kết quả. Thực ra can và vỵ đều trở trệ thì thường hễ ăn là đau tăng lên, no thì thấy ấm ách khó chịu ở vùng vỵ quản, thường hay thừa chất chua, ợ chua rêu lưỡi mỏng, muốn nôn và nôn mửa, mạch thì trầm huyền, người xưa dùng phép điều khí của vỵ hòa trung tiêu và sơ gan cùng kết hợp như bài "Tiêu dao tán" và "Kim linh tử tán" mà thêm bớt sử dụng. Nếu thừa chua thì gia thêm Ô

tặc cốt, Ngõa năng, nếu buồn nôn hoặc nôn thì thêm Bán hạ, Trúc nhự và vài lát Gừng tươi nữa.

Tiêu dao tán:

Đương qui	*12g*	*Bạch truật*	*12g*
Cam thảo	*6g*	*Thược dược*	*12g*
Bạch huyết	*12g*	*Bạc hà*	*4g*
Sài hồ	*12g*	*Sinh khương*	*12g*

Kim linh tử tán (Thánh huệ phương):

Kim linh tử	*3 đồng cân*
Diên hồ sách	*3 đồng cân*

Ý nghĩa phương:

Bài Tiêu dao tán chính là bài Tứ nghịch tán bỏ Chỉ thực thêm Bạch truật, Phục linh, Đương qui, Gừng nướng. Sài hồ sơ can giải uất, Qui, Thược hòa doanh nuôi máu, Gừng nướng, Bạch truật, Phục linh, Cam thảo mạnh tỳ hòa vỵ, Bạc hà cay mát để mở uất. Đây là phương cùng điều khí huyết, cùng trị cả can lẫn tỳ. Trung Quốc hay dùng chữa can uất khí trệ, hai sườn đau, đầu đau mắt xây xẩm, viêm gan mạn đau ngầm dưới sườn phải, mệt mỏi thiếu sức. Kết hợp Kim linh Tử tán (Kim linh tử, Diên hồ sách), Kim linh tử sơ can tiết nhiệt đủ có công năng giải trừ kinh can uất nhiệt, phối Diên hồ sách trị mọi cái đau ở trên dưới trong ngoài, máu trệ ở trong khí, cái khí trệ ở trong máu thì tác dụng lý khí ngừng đau càng mạnh. Trung Quốc hay dùng chữa dạ dày, ngực sườn đau đớn đủ có tác dụng, sơ can, tiết cái nóng, lý khí giảm đau.

4) Nếu do khí can gây ra dạ dày đau mà lâu ngày không khỏi thì thường bị hóa thành hỏa, lúc này xuất hiện chứng: miệng đắng, miệng khô, nuốt chua, tào tạp, phiền

toái, dễ sợ, mạch tượng huyền sác, trường hợp này có người dùng thuốc cay để tiết đi, đắng để giáng xuống như bài "Hóa can tiễn" hoặc thêm bài "Tả kim hoàn".

Hóa can tiễn:

Bạch thược	*Mẫu đơn bì*
Thanh bì	*Trần bì*
Sơn chi	*Bối mẫu*
Trạch tả	

Tá kim hoàn:

Hoàng liên	*Ngô thù*

5) Trường hợp trên đây là hóa hỏa nhưng chưa tổn thương âm, nếu đã tổn thương âm thì thấy chứng lưỡi đỏ ít chất dịch, hay đau một cách ngoan cố, dạ dày nóng rát, khi đói thì đau tăng thêm, ăn vào đỡ đau, đêm đau nhiều hơn ngày, tâm phiền dễ sợ, má hay ửng hồng, đại tiện phân đen, mạch thì huyền nhưng tế sác. Loại chứng này không thể dùng chất cay tiết đắng giáng được, mà phải có nuôi âm, mát dạ dày tiết bớt nhiệt đi, vừa phải sơ gan mới hy vọng khỏi được.

Người xưa hay dùng bài "Thông ứ tiễn" hợp với bài "Dưỡng vị thang".

Thông ứ tiễn:

Thanh bì	*8g*	*Trần bì*	*10g*
Đan bì	*16g*	*Ngọc trúc*	*16g*
Chi tử	*12g*	*Mạch đông*	*16g*
Thạch giải	*16g*	*Bạch thược*	*16g*
Sa sâm	*16g*	*Hoàng liên*	*12g*
Ngô thù	*10g*		

Thang dưỡng vị (Chứng trị chuẩn thằng):

Trị dạ dày hư lạnh nôn, buồn nôn.

Dược phẩm:

Hậu phác	*12g*	*Bán hạ*	*12g*
Xương truật	*12g*	*Hoắc hương*	*16g*
Thảo quả	*16g*	*Cam thảo*	*10g*
Phục linh	*16g*	*Nhân sâm*	*16g*
Quất hồng	*10g.*		

Giã nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân.

Tôi thường lập phương đủ tính chất; tư âm bổ vỵ mát dạ dày, sơ gan, tiết nhiệt như sau:

Bình vỵ, nhị trần, tứ quân thang gia vị. (Hy Lãn phương)

Thạch cao	*12g*	*Bạch truật*	*16g*
Đảng sâm	*16g*	*Xương truật*	*12g*
Bán hạ	*16g*	*Thiên hoa phấn*	*16g*
Hậu phác	*12g*	*Bạch linh*	*10g*
Mạch đông	*16g*	*Cam thảo*	*6g*
Ngọc trúc	*16g*	*Trần bì*	*10g*
Đại táo	*5 quả*	*Thạch hộc*	*16g*
Bạch thược	*16g*	*Sài hồ*	*12g*
Mộc hương	*8g*	*Cát căn*	*16g*
Thanh đại	*10g*	*Tô ngạnh*	*8g*
Đại hoàng	*10g*	*Hương phụ*	*10g*
Hoài sơn	*16g*	*Ô tặc cốt*	*16g*
Uất kim	*10g*	*Đương qui*	*16g*

Ý nghĩa phương:

Trong phương này gồm có: "Bình vỵ tán" có Xương truật để trừ nước đình tụ ở dạ dày, Hậu phác, Trần bì giúp

đỡ cơ năng vỵ tràng thông thức ăn đình trệ, Cam thảo trung hòa các loại thuốc lại có tác dụng mạnh dạ dày. Thang Tứ quân thường dùng cho người cơ năng vỵ tràng suy yếu. Đảng sâm khiến cơ năng mọi tạng khí thịnh vượng, Truật cùng Phục linh trừ nước tụ trong dạ dày, phối hợp với Hậu phác, Trần bì ở trên thì cơ năng thông thức ăn đình trệ và nước tích tụ trong dạ dày càng mạnh.

- Tân dịch sinh ra nhờ Thiên hoa phấn, Mạch đông, Ngọc trúc, Thạch hộc, Đảng sâm.

- Làm mát tỳ vỵ nhờ Bạch thược, Cát căn, Đại hoàng, Thạch cao.

- Sơ gan nhờ Sài hồ, Thanh đại.

- Lý khí nhờ Hương phụ, Trần bì, Uất kim.

- Điều trung nhờ Mộc hương, Tô ngạnh.

- Thang Nhị trần (Bán hạ, Trần bì, Bạch linh, Cam thảo) trị buồn nôn, nôn mửa.

- Ô tặc cốt hút chua trong dạ dày.

- Hoài sơn tạo nhầy cho niêm mạc.

Đương qui bổ huyết cho dạ dày.

Xét: Ngày xưa Nguỵ Ngọc Hoành dùng bài "Nhất quán tiễn" (Sinh địa, Đương qui, Câu kỷ, Sa sâm, Mạch đông, Kim linh tử) ở trong việc tu dưỡng có giúp thêm sơ gan, đó là vì vấn đề tổn thương âm gây đau mà đặt ra bài đó. Còn như đau dạ dày từ cách chữa cả can lẫn vỵ thì lấy khí làm chủ đó, vốn là phép thường, nhưng thuốc lý khí phần nhiều cay ráo tổn thương khí âm, nhất là người máu của gan không đủ, cái hỏa của gan vượng thịnh quá càng phải thận trọng. Nguỵ Ngọc Hành lập ra "Nhất quán tiễn" chính vì sợ tổn thương âm. Gần đây Tần Bá Mùi chữa một

bệnh nhân hơn 10 năm đau dạ dày, dấy đau luôn, không thể ăn được, miệng khô, uống nước hơi nhiều cũng thấy chướng đau, luôn mửa ra đờm dính nhầy, ợ hơi khó khăn, đại tiện bí kết, chất lưỡi khô dáng, mạch tế huyền có sức. Tần Bá Mùi đoán là máu của gan, chân âm của vỵ tổn thương nặng, có xu hướng chuyển thành quan cách. Tuy nhiên trung tiêu khí trệ kiêm có đờm đục không thể lại dùng thơm ráo lý khí giảm đau. Họ Tần bèn dùng: Sinh địa, Thạch hộc, Ngọc trúc, Bạch thược, Qua lâu, Ma nhân, Lục mai hoa, Ô mai, Bánh kim quất, chữa hơn nửa tháng bệnh dần dần giảm, ở đây họ Tần cũng vì vấn đề tổn thương âm mà đặt ra.

3. CHỮA DẠ DÀY ĐAU DO NGUYÊN NHÂN DẠ DÀY HƯ YẾU

Nói hư yếu chủ yếu là nói khí của trung tiêu hư yếu mà sinh ra đau, đặc trưng là lúc đau phần nhiều khi đói bụng (đói bụng đau còn có nguyên nhân do loét, khi đói axit Clo Hydric trực tiếp thấm vào vết loét) hễ được ăn hoặc chườm nóng là đỡ đau, sợ lạnh thích ấm, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi mỏng, mạch tượng trầm tế vô lực (không có sức đập) hoặc hư huyền. Lúc đau nhẹ lúc đau nặng vài năm không khỏi, nặng hơn thì còn xuất hiện nôn ra máu, đại tiện ra máu.

Chứng này không riêng tại dạ dày đâu còn quan hệ mật thiết với lách (tỳ) nữa. Bởi vì dạ dày chủ giữ việc nhận thức ăn, tỳ chủ việc vận chuyển thức ăn, vỵ nên giáng xuống, tỳ nên thăng lên, vỵ thì thích mát, tỳ lại thích ấm, vỵ nên thông tỳ nên giữ. Tỳ và vỵ tác dụng tuy không giống nhau nhưng lại có quan hệ tương hỗ tác dụng. Vậy:

Vỵ (dạ dày) hư đau về bệnh cơ có khuynh hướng do tạng tỳ hư lạnh, người xưa hay dùng thang "Hoàng kỳ kiến trung" để nuôi dưỡng và làm ấm khí trung tiêu, khi đã ra máu thì Gừng tươi phải đổi thành Gừng nướng và cho thêm Địa du, A giao, Kinh giới (sao) cháy để cầm máu nữa. Tôi nghĩ:

Một thang Hoàng kỳ kiến trung thì lực thuốc còn yếu, nên thêm các vị bổ và làm ấm tỳ vỵ như Đương qui, Ngô thù, Ma nhân, Bạch truật, Đậu khấu, Quan quế, Đinh hương, Bào khương, Hạt sen mà thêm vào. Chứng này do hư nên dễ bị lạnh, vì hư hay đi với hàn mà, nên thời tiết đổi thay hay dấy cơn đau lặp đi lặp lại nhiều lần, đồng thời do sức vận hóa kém, cho nên xuất hiện chứng đầy chướng bụng, thức ăn đình trệ, cần phân biệt cái nào là gốc bệnh, cái nào là ngọn bệnh để xử lý thích đáng, không thể đơn thuần chữa theo một phương nhất định, như đau do lạnh, do nóng, do khí... mà chữa được.

Thang Hoàng kỳ kiến trung (Thương hàn luận)

Quế chi	*2 đồng cân*
Bạch thược	*4-6 đồng cân*
Cam thảo	*1 đồng cân*
Sinh khương	*1 đồng cân*
Đại táo	*5 quả*
Di đường	*1-2 lạng*
Hoàng kỳ	*3-4 đồng cân.*

Trong trường hợp do dạ dày khí trung tiêu hư yếu gây ra đau. Tôi thường dùng:

Thang Hoàng kỳ kiến trung gia vị (Hy Lãn phương)

Như liều lượng thang Hoàng kỳ kiến trung ở trên gia thêm:

Đậu khấu	*3 đồng cân*
Hoài sơn	*4 đồng cân*
Ngô thù	*2 đồng cân*
Hạt sen	*4 đồng cân*
Đảng sâm	*4 đồng cân*
Đương qui	*4 đồng cân*
Bạch truật	*3 đồng cân*
Hậu phác	*2 đồng cân*
Trần bì	*2 đồng cân*
Bạch linh	*3 đồng cân.*

Ý nghĩa phương:

Thang Hoàng kỳ kiến trung tức là thang Quế chi thêm Di đường và Hoàng kỳ. Hoặc là thang Tiểu kiến trung thêm Hoàng kỳ, thang Tiểu kiến trung tức là thang Quế chi tăng bội lên số lượng Thược dược và Hoàng kỳ. Lượng dùng Thược dược gia tăng gấp bội thì tác dụng của nó không những chỉ hợp đồng với Quế chi để điều hòa doanh vệ, mà còn có công sức làm nhu mềm gan, hòa doanh huyết làm ngừng đau bụng. Lại thêm Di đường ngọt ấm cùng Cam thảo, Gừng phối ngũ càng tăng cường tác dụng ôn ấm bồi dưỡng cho dạ dày, cho nên mới gọi tên thang là thang Kiến trung (tức là xây dựng trung tiêu) đó là phương thuốc thường dùng chữa đau bụng, đau dạ dày do tỳ vỵ hư hàn, phương này trên cơ sở thang Quế chi dùng tăng Bạch thược và Di đường, tác dụng không những cho ra mồ hôi, giải phần biểu mà còn tác dụng làm ấm huyết mạch cho dễ vận chuyển, thông cái dương của tâm, ích cái khí của tâm, hòa cái máu ở phần doanh, cho nên có thể chữa được chứng tâm run rẩy hư phiền khí của tâm không đủ.

Khi thêm Hoàng kỳ vào thì thành ra thang Hoàng kỳ

kiến trung, nó có tác dụng bổ khí, lại có thể chữa được bụng đau do tỳ vỵ hư lạnh, nếu muốn bổ cả khí lẫn huyết thì thêm Đảng sâm, Đương qui vào.

Trên lâm sàng, 3 thang Tiểu kiến trung, Hoàng kỳ kiến trung và thang Đương qui kiến trung (Thang Tiểu kiến trung thêm Đương qui) nước Trung Quốc hay dùng chữa bệnh công năng vỵ tràng (dạ dày và ruột) rối loạn mà thấy tỳ vỵ hư lạnh, khí huyết không đủ, còn chữa dạ dày vỡ lở, kết quả tương đối tốt.

Nay thêm Đậu khấu, Ngô thù ôn ấm trung tiêu, thêm Sâm, Truật, Linh thì có tác dụng bổ khí của bài Tứ quân tử, có Truật, Phác, Thảo, Trần bì là có tác dụng của bài bình vỵ tán. Ngoài ra thêm Qui bổ huyết, bổ chân âm của tỳ, có Xương truật, Hậu phác có thể có tác dụng san bằng gò đống, trị được tỳ tích, có Bạch linh là có thể thấm thấp ở thổ (tỳ), phạt tà ở mộc (can). Hạt sen ôn bổ vị, Hoài sơn tăng chất nhầy cho niêm mạc dạ dày, đồng thời còn tác dụng liễm âm nữa.

4. CHỮA DẠ DÀY DO ĐAU Ứ

Chứng trạng: Dạng đau như châm vào, vả lại đau có chỗ nhất định, hoặc có cục có hòn hoặc đại tiện, sắc đen, mạch sáp, bắt mạch nặng tay ấn xuống có sức, cách chữa nên hòa máu yên đau dùng bài "Thủ niêm tán", lúc chưa cần thiết cho nội công trục (đánh mà đuổi đi).

Thủ niêm tán (Kỳ hiệu phương)

- *Công dụng*: Trị đau bụng, đau tâm do huyết khí, đau dạ dày do có máu chết.

- Dược: Diên hồ sách, Ngũ linh chi (nghiền với rượu để

lắng), Thảo quả, Một dược lượng bằng nhau. Nghiền nhỏ mỗi lần uống 2-3 đồng cân. Rượu nóng điều uống không kể lúc nào, hoặc nhào viên với đường mỗi lần uống 70-80 viên, rượu ấm điều uống.

5. CHỮA ĐAU DẠ DÀY DO NHIỆT (DO VIÊM)

Chứng trạng: Lúc đau không thích sờ nắn vào, rêu lưỡi phần nhiều váng nhầy, mạch tất phải sác (nhanh) mà đại (to) kiêm có miệng khát đái đỏ, đại tiện bí kết, mọi chứng trạng thực nhiệt của tràng vỵ. Phép chữa nên: Trong việc làm mát cái nóng giúp thêm vấn đề điều khí, người nay hay dùng bài "Thanh trung thang" thêm Kim linh tử, Chỉ thực. Ngoài ra còn có thể cho thêm những vị mát khí huyết của tỳ vỵ như: Bạch thược, Cát căn làm mát khí của tỳ vỵ, Đại hoàng làm mát huyết của tỳ vỵ nữa. Nếu nhiệt quá cao còn có thể dùng Thạch cao, Hoàng liên, Huyền sâm, Hoạt thạch, Mạch môn, Liên kiều...

Thang Trung ẩm thang (Thống chỉ phương)

Trị trong dạ dày nóng dữ gây đau

Dược phẩm:

Hoàng liên, Chi tử (đều sao gừng) đều 2 đồng cân, Trần quất bì, Bạch linh đều 1,5 đồng cân (có nơi 2 đồng cân), Bán hạ 1 đồng cân (có nơi 2 đồng cân sao nước gừng), Thảo đậu khấu nhân (đập dập), Cam thảo (nướng) đều 7 phân.

Nước trong 2 bát thêm Gừng 3 lát, sắc uống nóng trước bữa ăn.

Trường hợp dạ dày nóng gây đau hoặc viêm dạ dày tôi dùng:

Thang Thanh trung gia vị (Hy Lãn phương)

Kim ngân hoa	*30g*	*Hoàng liên*	*16g*
Trần bì	*8g*	*Chi tử*	*10g*
Bạch linh	*10g*	*Cam thảo (nướng)*	*6g*
Kim linh tử	*8g*	*Bán hạ*	*16g*
Chỉ thực	*8g*	*Bạch thược*	*12g*
Thạch cao	*16g*	*Cát căn*	*16g*
Đại hoàng	*6g*	*Huyền sâm*	*16g*
Mạch môn	*16g*	*Liên kiều*	*16g*

Ý nghĩa phương:

Trong thang Thanh trung có các vị của bài Nhị trần (Bán hạ, Trần bì, Phục linh, Cam thảo) phương Nhị trần là phương của "Thái bình huệ dân hòa tễ cục phương", công dụng chủ yếu để chữa mọi chứng đờm đục hàn thấp ở dạ dày. Trong phương Nhị trần dùng Bán hạ để hòa vỵ (dạ dày), Trần bì để lý khí, Phục linh giúp Bán hạ để ráo thấp, Cam thảo giúp Trần bì để điều hòa, là phương thuốc tốt trị đờm thấp ở tỳ vỵ, đồng thời lại trị nôn. Hoàng liên, Chi tử làm mát tỳ vỵ bằng cách trực tiếp bẻ gãy cái nóng của dạ dày. Trong thang Thanh trung có Thảo đậu khấu, nay vì vỵ nóng, Đậu khấu cay ấm sáp, chất đi lên thuộc dương, nên tôi bỏ không dùng.

Tăng Kim linh tử, Chỉ thực với mục đích: Kim linh tử khéo dẫn thấp nhiệt đi xuống, tích dáng xuống thuộc âm, phối hợp với Bạch linh, Chỉ thực, Đại hoàng thì tác dụng dẫn thấp nhiệt tả hạ càng tốt.

Thạch cao trị thực nhiệt ở dạ dày, làm mát dạ dày tan nóng nhanh.

Kim ngân hoa, Liên kiều, Huyền sâm, Mạch môn, Cát căn, Bạch thược là đội quân vừa mát nóng giải độc, vừa tư

âm, trong đó Bạch thược tả tỳ hỏa, Cát căn phối Thạch cao làm mát cái nóng dạ dày, Mạch môn, Huyền sâm trừ âm giáng hỏa.

Trong bệnh viêm dạ dày tá tràng, chán ăn, ợ hơi, buồn nôn thì bài này có tác dụng:

- Làm mát cái nóng ở dạ dày.
- Điều hòa cái khí ở dạ dày, trị nôn.
- Kéo cái hỏa xuống cho đi theo đường đại tiểu tiện.
- Một đội quân thanh nhiệt giải độc hùng hậu, nên chứng viêm dễ bị loại trừ.

Để giúp dạ dày trở lại ăn uống bình thường có thể thêm Bình vỵ tán, hoặc Hương sa lục quân tử thang, hoặc Mạch nha, Sơn tra, Thần khúc, Nhục đậu, Sa nhân, tùy trường hợp chọn dùng.

6. CHỮA ĐAU DẠ DÀY DO DẠ DÀY BỊ MỌC UNG NHỌT

(Tố vấn bệnh năng luận)

Khám bệnh này nên xem mạch dạ dày, mạch nên trầm tế, trầm tế là khí nghịch vậy. Vì nghịch nên mạch nhân nghinh rất thịnh, rất thịnh thì nóng, vì nhân nghinh là mạch dạ dày vậy. Nghịch mà thịnh thì nhiệt tụ ở miệng dạ dày mà không đi cho nên dạ dày mọc ung nhọt vậy.

Xét ra chứng này phần nhiều do thức ăn đồ uống tích tụ, hoặc thích bia rượu, đồ xào rán, hoặc 7 thứ tình chí bị uất lâu ngày, khí nhiệt độc tích ở trong sinh ra khí trong trẻo của dạ dày bị hãm xuống dẫn đến lúc nóng lúc lạnh như kiểu sốt rét, da mình mẩy tróc vẩy, hoặc ho hắng, hoặc nôn ra máu mủ, mạch trầm tế, hoặc nhân nghinh

khẩn thịnh theo *Trung Quốc y học đại từ điển* thì cách chữa như sau:

- Lúc mới mắc bệnh cơn nóng lạnh như sốt rét, ho nhổ khạc ra máu mủ, nên dùng "thang Xạ can".

- Phong nhiệt cố kết, môi miệng máy động hoặc nháy nháy co giật nên thang Ý dĩ nhân.

- Người có nhiệt tích chứa lại kết tụ nên dùng "Thanh vy tán", "Thang Thược dược".

- Vùng ngực vú đau, nôn ra máu mủ tanh hôi nên dùng "Mẫu đơn tán", ngoài ra như "Thiên kim nội tiêu tán", "Nội tiêu nhiêu tuyết thang", "thang Đông viên thác lý" đều có thể châm chước chọn dùng.

Dạ dày ung nhọt, đái đỏ sít, bụng đầy không ăn được nên dùng *thang Tam nhân.*

Dạ dày mọc ung nhọt mà khí đờm tràn lên trên nên dùng *thang Cam cát*. Trên đây là cách chữa dạ dày bị ung nhọt sách vở cổ điển Trung Quốc đã ghi. Trong sách "Thiêm trai y học giảng cảo", Trần Bá Mùi có nêu chứng dạ dày bị ung nhọt là một chứng nội ung, mới đầu vùng trung oản hơi sưng gây đau, sau khi ung nhọt đã mọc bị vỡ thì nôn ra máu mủ, rêu lưỡi màu tro đen cáu nhầy, lâu ngày không khỏi, miệng ngọt hơi thở thối, dạ dày đau lâm râm, bên cạnh kết hầu mạch nhân nghinh đập to (đại), đó là chứng hậu dạ dày bị ung nhọt mọc. Ung nhọt đã thành thì nóng lạnh như sốt rét, mạch tượng hồng sác, hoặc thấy da dẻ tróc vẩy. Tần Bá Mùi thừa nhận chứng này thiếu kinh nghiệm lâm sàng nhưng nêu ra để cùng tham khảo. Qua đoạn văn trên ta thấy cùng một chứng bệnh, về chứng *y học đại từ điển Trung Quốc* và Tần Bá Mùi mô tả tương đối giống nhau, nhưng về mạch thì khác hẳn?

- *Y học đại Từ điển* nói mạch trầm tế, nhân nghinh thì mạch khẩn thịnh. Tần Bá Mùi nói mạch hồng sác. Theo tôi mạch hồng sác chỉ có thể khi ung nhọt đang hình thành, còn đã vỡ mủ thì phải trầm tế thì đúng hơn, mạch nhân nghinh và mạch của vỵ (dạ dày) khẩn là hàn thịnh là nhiệt, là mạch lúc ung nhọt gây nên khi nóng khi lạnh như kiểu sốt rét.

Phương thang:

1. Thang Xạ can (Chứng trị chuẩn thằng phương)

- Trị dạ dày ung nhọt

- Dược phẩm: Xạ can, Chi tử nhân (nước Gừng sao đen), Xích linh (bỏ vỏ, một nơi 2 lạng), Thăng ma đều 1 lạng. Xích thược 1,5 lạng (một nơi làm 2 lạng). Bạch truật 5 đồng cân (để sống, có nơi 1,5 đồng cân, chế Gừng, chớ sao).

- Giã thô mỗi lần uống 5 đồng cân, nước 2 bát to sắc còn 1 bát, cho đường trắng lại sắc, uống ấm không kể lúc nào, nếu sốt cơn buổi chiều mỗi lần uống thêm Sừng tê giác, Mẫu đơn bì mỗi loại 1 đồng cân, Cam thảo 2 phân.

2. Thang Ý dĩ nhân (Thẩm thị tôn sinh phương)

Ý dĩ nhân - Phòng kỷ - Xích tiểu đậu, Cam thảo (nướng) đều 1,5 đồng cân sắc uống.

3. Thanh Vỵ tán (Lý Đông Viên phương)

- Trị tỳ vỵ thấp nhiệt, vùng dạ dày đau, môi miệng sưng đau, răng lợi nứt rạn, đau dẫn tới đầu não, hoặc sợ lạnh phát nóng, uống lạnh khát luôn, lở miệng lưỡi, hoặc khắp mặt phát nóng gây đau, thích lạnh ghét nóng trẻ con trùng nhiệt, cam tẩu mã, lưỡi chảy dãi.

- *Dược phẩm*: Thăng ma 5 phân, Sinh địa, Đương qui đều 4 phân, Hoàng liên, Mẫu đơn bì đều 3 phân (một

phương có Cam thảo). Mùa hạ dùng tăng Hoàng liên thêm. Sắc uống nguội.

Ý nghĩa phương:

Tà làm hại phần khí, nhiệt tụ ở dạ dày, khô ráo tân dịch thì dùng thang Bạch hổ để chữa. Nếu do ăn uống ngon béo hậu vị dẫn đến thấp nhiệt ủng tắc ở dạ dày thì dùng Thanh vỵ tán, vì đó là tổn thương tới phần huyết. Trong phương lấy Sinh địa ích âm mát máu làm quân. Giúp thêm dùng Đơn bì mát hỏa mà sợ thông trệ đọng, Hoàng liên làm mát nóng ráo thấp làm thân, giúp có Đương qui vào máu mà theo kinh, vẫn dùng Thăng ma cay mát là dẫn tới bản kinh (kinh vỵ) dẫn mọi thuốc thẳng đến phần huyết thì mọi chứng ủng trệ đều thanh trừ vậy.

4. Thang Thược dược (Chứng trị chuẩn thằng phương)

- Trị dạ dày tích nhiệt gây ra ung nhọt.

- *Dược phẩm:* Xích thược, Thạch cao, Tê giác, Mạch môn đông, Mộc thông đều 2 lạng, Phác tiêu, Thăng ma, Huyền sâm, Sinh cam thảo đều 1 lạng.

- Giã dập mỗi lần uống 5 đồng cân sắc uống ấm không kể lúc nào.

5. Mẫu đơn tán

Đã dẫn ở mục 4 Phương thang trang 127.

7. CHỮA ĐAU DO GIUN

Đau do giun chủ yếu là giun đũa, nhưng không hạn chế ở vùng trung oản, thường thấy đau ở vùng rốn bụng. Chứng của nó lúc đau lúc ngừng, lúc đau thì đau kịch liệt

rất khó chịu, đau khỏi thì lại ăn uống như bình thường, gọi là đau trùng tích, phần nhiều thấy ở trẻ con bụng ỏng đít beo, da vàng ệch. Chủ yếu do ăn uống không sạch gây ra. Thường ngày vẫn ăn được nhưng hình thể gầy gò, hay thích ăn gạo sống đất bùn vách, sắc mặt ủy vàng, khoang mắt và đầu mũi phát ra sắc xanh, sắc môi đỏ nhợt, hoặc trong môi mọc mụn lở bằng hạt thóc, hoặc nghiến răng trong lúc ngủ, mũi ngứa thích ngoáy lỗ mũi luôn. Nặng thì vùng bụng chướng to căng cứng, mạch tế huyền, hoặc lúc to lúc nhanh.

Theo kinh nghiệm lâm sàng cứ hễ người kêu đau bụng, sờ mạch thấy trầm thì không đúng là giun, nếu đang kêu đau mà thấy mạch huyền, hồng, đại lại là có giun.

Cách chữa: Cần trực tiếp diệt giun, dùng bài "Hóa trùng hoàn" hoặc "Vu di tán". Ngoài ra còn có phép làm cho giun nằm yên, như "Ô mai hoàn". Nếu người tỳ vỵ yếu nếu nghiêng nặng về tiêu và vận hóa dùng "Phí nhi hoàn". Cách chữa đơn giản, nông dân ở đâu cũng tự làm thuốc giun đũa cho mình uống được, rất công hiệu, song không được uống quá liều lượng qui định, quá liều sẽ gây ra tử vong, cần phải thận trọng.

Vị thuốc: Vỏ xoan, vỏ rễ tốt hơn, vỏ thân cũng được.

Tên khoa học: Melia azedarach.

Thuộc họ: Meliacea.

+ Nếu sắc uống dùng 4g vỏ tươi hoặc khô cho 1 kg thân thể.

Ví dụ: Người nặng 30kg thì cho uống: 30kg x 4g vỏ xoan = 120g vỏ đem sắc đặc, lấy nước đó chia 3 - 4 lần uống trong ngày.

+ Nếu lấy vỏ xoan khô tán bột thì:

Bột vỏ xoan 3g (4g cho người khoẻ).
Bột sử quân 1,5g
Bột hạt cau già 1,5g
Bột mộc hương 1g.

Cộng 1 liều 7g/liều cho người lớn hoặc 8g/lần cho người lớn uống. Ngày 2 lần, mỗi lần cách nhau 3 giờ, uống sau khi ăn 2 giờ.

Nếu là trẻ con tôi đã thí nghiệm nên theo liều lượng Trung Quốc dưới đây, theo liều lượng Đỗ Tất Lợi ghi trong *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, quá ít, kết quả không khả quan.

Theo số liệu Trung Quốc thực nghiệm thì bột vỏ xoan dập viên 0,3g/viên dùng như sau:

Theo lứa tuổi loại viên 0,3g Trung Quốc dùng tức mỗi lần uống:

Lứa tuổi	Viên 0,3g Trung Quốc dùng	Tức mỗi lần uống
1	1,5 viên	0,45 g/lần
2 - 4	3 viên	0,90 g/lần
5 - 8	4 viên	1,20 g/lần
9 - 12	5 viên	1,50 g/lần
13 - 18	6 viên	1,80 g/lần
> 19	9 viên	2,70 g/lần

Ngoài ra còn có giun kim, đặc trưng của bệnh là ngứa vùng hậu môn, hay ngứa về buổi tối, vì lúc đó ở hậu môn có giun kim bò ra. Thường dùng Sử quân tử 30g, Đại hoàng sống 4g nghiền nhỏ mỗi tuổi uống 0,4g, nhiều lắm không quá 4g một lần, uống liền 1 tuần.

Hoặc dùng cách đơn giản là: Lấy rau sam rửa sạch giã nhừ vắt lấy nước phơi ngoài đêm sương cho uống, tùy theo

tuổi. Tối đến lấy vadơlin đặt vào bông rồi buộc băng lại vào vùng hậu môn, giun kim sẽ ra bông đó, sáng dậy vứt đi, làm liền cho tới khi không còn giun kim ra nữa thì thôi.

Phương thang:

1. Hóa trung hoàn (Thái bình huệ dân hòa Tễ cục phương)

Công dụng: Trị mọi loại trùng tích, vùng bụng thường nóng, nôn mửa dãi trong, sắc môi trắng đỏ.

Dược phẩm: Hạc sắt bỏ đất sao.

Tân lang, khổ luyện Căn bì, Hồ phấn (sao) đều 1 lạng, Khô phàn 2,5 đồng cân. (Một phương có Vu di, Sử quân tử 1 lạng) nghiền nhỏ nước hoàn viên như hạt ngô đồng, trẻ 1 tuổi uống 5 viên người lớn uống 70 - 80 viên, dầu vừng vài giọt hòa nước ấm điều uống.

2. Vu di tán

Trị người lớn trẻ con giun cắn bụng đau, không nhịn được, hoặc nôn nước trong, xanh vàng, hoặc nôn ra giun, lúc đau lúc không đó là đau do giun đũa.

Vu di 0,5 lạng, Lôi hoàn 0,5 lạng, Can tất 1 lạng (đập dập vỡ sao hết khói) nghiền nhỏ mỗi lần uống 3 đồng cân, trẻ con mỗi lần uống 5 phân, nặng lắm không quá 3 lần.

3. Ô mai hoàn (Kim qũy yếu lược)

Thịt quả ô mai	*9 lạng (5 chỉ)*
Hoàng liên	*16 lạng (3 đồng cân)*
Hoàng bá	*6 lạng (3 đồng cân)*
Đảng sâm	*6 lạng (3 đồng cân)*
Đương qui	*4 lạng (3 đồng cân)*
Chế phụ tử	*6 lạng (2 đồng cân)*

Quế chi	*6 lạng (2 đồng cân)*
Xuyên tiêu (sao)	*4 lạng (2 đồng cân)*
Can khương	*10 lạng (2 đồng cân)*
Tế tân	*6 lạng (2 đồng cân)*

- *Cách dùng*: Thịt ô mai ngâm 50% dấm 1 đêm hòa cùng thuốc khác đảo đều, phơi khô tán nhỏ luyện mật viên. Mỗi lần uống 3 đồng cân. Ngày 1 đến 3 lần lúc đói bụng uống. Có thể làm thang sắc uống.

(Lượng ghi trên số lạng là lượng các công ty dược sản xuất, số đồng cân là lượng sắc uống).

- *Công dụng*: Yên giun giảm đau. Bụng trên và dưới đau từng cơn, dưới vùng tâm có cảm giác nóng, buồn nôn nôn mửa, nôn giun, tứ chi quá lạnh, ra mồ hôi lạnh. Mạch phục hoặc huyền khẩn, sau cơn đau lại như thường. Phương này căn cứ kinh nghiệm người xưa: giun được chua thì ngừng, được đắng thì yên, được cay thì nằm rạp xuống cho nên dùng Ô mai, Hoàng liên, Xuyên tiêu.

4. Thang trừ giun số 1 (Trung tây y kết hợp cấp phúc chứng thủ san)

Binh lang	*1 lạng*
Sử quân tử	*1 lạng*
Ô mai	*5 quả*
Xuyên tiêu	*1 đồng cân*
Mộc hương	*4 đồng cân*
Chỉ sác	*2 đồng cân*
Tế tân	*1 đồng cân*
Can khương	*1 đồng cân*
Huyền minh phấn	*3đồng cân*
Vỏ rễ khổ luyện	*5 đồng cân.*

Sắc đặc chia 2 lần uống.

8. CHỮA ĐAU DẠ DÀY DO LOÉT

Muốn chữa loét dạ dày cần xem thêm phần Dạ dày ung nhọt, Dạ dày sùi mụn, Dạ dày vỡ lở, Viêm dạ dày.

Loét dạ dày là đã qua quá trình viêm nặng lâu ngày mới dẫn tới loét. Trên lâm sàng chứng này tôi không được chữa nhiều nhưng qua phương sau đây chữa, cứ cho 3 thang một, rồi lại tùy theo chứng trạng hiện ra mà thêm bớt sử dụng. Tôi thấy trường hợp loét chưa thành hang ổ sâu vẫn có kết quả.

Tôi đặt tên phương chữa dạ dày loét là:

Thang Thanh vỵ gia gi (Hy Lãn phương)

Dược phẩm:

Sinh địa:	*30g*	*Thạch cao*	*30g*
Đương qui	*10g*	*Thăng ma*	*12g*
Hoàng liên	*30g*	*Cam thảo*	*10g*
Mẫu đơn bì	*16g*	*Tri mẫu*	*16g*
Địa du	*16g*	*Hoài sơn*	*16g*
Cát căn	*16g*	*Chỉ sác*	*10g*
Liên kiều	*16g*	*Bạch thược*	*12g*
Sơn chi tử	*16g*	*Đại hoàng*	*12g*
Đông qua tử	*20g*	*Trần bì*	*10g*
Bạch chỉ	*16g*	*Bán hạ*	*16g*
Ý dĩ	*16g*	*Ô tặc cốt*	*16g*
Ngưu bàng tử	*20g*	*Kim ngân hoa*	*30g*
Hoàng đơn bì	*20g*		

Ý nghĩa phương:

Thấp nhiệt ủng tắc ở dạ dày do ăn uống hậu vị thì người xưa hay dùng "Thanh vỵ tán". Nguyên nhân do ăn uống này thế gian mắc nhiều, nên trong phương Thanh vỵ

tán chủ yếu là làm mát dạ dày như tên đặt ra nó. Trong phương dùng Sinh địa ích âm mát máu làm quân. Đơn bì làm mát hỏa và sơ thông trệ đọng, Hoàng liên làm mát nóng ráo thấp làm thần, giúp thêm dùng Đương qui để vào máu mà theo kinh, Thăng ma cay mát dẫn tới bản kinh là kinh vị, đó là ý nghĩa phương của người xưa đã lập ra. Song mỗi tạng phủ đều có 2 phần khí và huyết, phần huyết nhiệt đã dùng Thanh vỵ tán. Phần khí nhiệt tụ ở dạ dày làm khô ráo tân dịch thì dùng thang Bạch hổ. Vì vậy có Thạch cao, Cam thảo, Tri mẫu để làm tác dụng mát phần khí dạ dày bị nóng. Tôi dùng một đội quân làm mát nóng giải độc, có tính chất kháng sinh mạnh như Kim ngân hoa, Liên kiều, Sơn chi tử, Hoàng đơn bì, Ngưu bàng tử để trị loét trong đó Ngưu bàng tử có tác dụng cay bình, không độc, tả nhiệt, mát huyết, tan kết đọng, trừ phong, thông 12 kinh, thường dùng chữa ung thư lở loét. Sơn chi tử tả cái hỏa khuất khúc còn dẫn hỏa của vỵ xuống, Hoàng đơn bì vỏ một loại cây ít dùng ở Việt Nam, chưa thấy sách nào nói đến. Qua kinh nghiệm lâm sàng của tôi, vị thuốc này tính kháng sinh rất mạnh tôi đã sử dụng chữa viêm có kết quả cao. Ngân hoa, Liên kiều mát máu giải độc, sách vở cổ kim đã nói đến nhiều ở đây không nói lại nữa.

Ngoài ra còn dùng: Đông qua tử (hạt bí đao) chất trơn tính lạnh, vừa thêm phần làm mát dạ dày vừa thúc mủ tiết đi.

Bạch chỉ cầm máu, nếu có hiện tượng ra máu nặng có thể thêm Địa du, tro Kinh giới thêm. Trong phương có Ý dĩ, Hoài sơn có mục đích bổ trung tiêu và tạo thêm chất nhày cho niêm mạc dạ dày. Vì có Ý dĩ rồi nên ở trên thang Bạch hổ (Thạch cao, Cam thảo, Tri mẫu, Ngạnh mễ) tôi bỏ bớt Ngạnh mễ là gạo tẻ lâu năm đi. Trần bì, Chỉ sác mục

đích để thông hành khí trệ, phối hợp với Đan bì thì thông trệ đọng càng tăng.

Tỳ vỵ bị nóng gây viêm loét, nên dùng Cát căn, Bạch thược chính để trừ khí nhiệt của tỳ vỵ, Bạch thược thường tả hỏa của tỳ. Cát căn làm mát nóng ở vỵ mà.

Đại hoàng chủ yếu dùng trừ máu nóng ở tỳ vỵ, còn có tác dụng thông tích trệ ở đại tiểu tràng, trong đó có quan hệ mẹ con tương hỗ ảnh hưởng. Ô tặc cốt hút bớt chất chua trong dạ dày để việc tạo nhầy hàn vết loét thuận lợi.

9. CÁCH THÊM BỚT CHO PHÙ HỢP BỆNH CHỨNG HIỆN RA

1. Đối với kinh tỳ

- Bổ khí dùng Nhân sâm, Đảng sâm, Hoàng kỳ.
- Thanh đờm dùng Bán hạ.
- Tỉnh tỳ dùng Táo nhân.
- Chỉ tả (ngừng ỉa chảy) dùng Đậu khấu, Biển đậu.
- Ấm trung tiêu dùng: Gừng, Quế, Sa nhân, Đinh hương.
- Thông hành khí trệ: Trần bì, Chỉ sác
- Tiêu thịt và hoa quả tích tụ lại dùng Sơn tra.
- Ấm và hòa trung tiêu dùng Chích thảo.
- Muối thấm cái thấp tỳ vỵ, đánh cái tà ở mộc là can phải dùng Bạch phục linh.
- Tiêu cơm nước tích tụ lại: Mạch nha, Thần khúc.
- Bổ máu và bổ chân âm của tỳ dùng Thục địa và Đương qui.
- Muốn tiêu đầy bụng dùng Mộc hương, Trầm hương
- Điều hỏa tỳ dùng Đại táo, Long nhãn.

- Trừ lạnh ở trung tiêu dùng Can khương, Phụ tử, Hồ tiêu.

- Đẩy bỏ các tích tụ ở tỳ dùng Xương truật và Hậu phác.

- Muốn thu liễm cái âm của tỳ dùng Bạch thược (có nơi nói tả hỏa của tỳ)

- Bổ trung tiêu dùng Ý dĩ, Hoài sơn, Liên nhục, Ích trí.

- Tỳ hư khí yếu thêm Mạch nha, Thần khúc, Đảng sâm, Hoàng kỳ, Biển đậu; Hoài sơn.

2. Đối với kinh vỵ

- Muốn ấm dạ dày dùng Quan quế, Đinh hương, Đậu khấu, Ích trí nhân, Bào khương.

- Tiêu cơm cũng dùng Thần khúc, Mạch nha.

- Chứng thực cần cho đi đại tiện dùng: Ba đậu, Đại hoàng, Phác tiêu (phải phân biệt hàn nhiệt).

- Tả hỏa độc ở vỵ hay dùng Liên kiều.

- Mát và bổ vỵ dùng trước tiên: Hoàng cầm.

- Mát mà giải dừng: Bạch thược, Thạch hộc.

- Hỏa hư vỵ lạnh chớ dùng Hoàng cầm.

- Vỵ có đờm dùng Bán hạ, Trần bì.

- Muốn dẫn hỏa đi xuống dùng Sơn chi tử.

- Muốn đưa khí dương lên dùng Thăng ma.

- Muốn đánh tắt hỏa ở vỵ dùng Thạch cao.

- Muốn hành khí dùng Mộc hương.

- Muốn ngừng khí ngược lên dùng Thanh bì, Hoắc hương.

- Ôn bổ vỵ dùng Bạch truật, Hạt sen.

- Muốn đưa khí trong trẻo lên dùng Thăng ma.

- Phá khí trệ cũng dùng Hậu phác, Chỉ sác.

- Muốn giúp vỵ ăn uống tốt, chóng khôi phục dùng thêm thang "Hương sa lục quân tử" để mạnh tỳ, hòa vỵ.

- Nhiều chất chua thêm Ô tặc cốt, Thần khúc, Mạch nha, Binh lang, La bặc tử.

10. NHỮNG BÀI THUỐC ĐAU DẠ DÀY TRUNG QUỐC ĐANG DÙNG

1. Vị lạc phiến

Hải phiêu tiêu	*Cam thảo*
Chế nhũ hương	*Chế một dược.*

Công dụng: Ngừng đau dạ dày, chế bớt chất chua ở vỵ (dạ dày).

- *Chứng thích ứng*: Đau dạ dày, nước chua trong dạ dày quá nhiều, dạ dày vỡ lở, 12 chỉ tràng vỡ lở.

2. Thư vỵ phiến (Vị thống ninh)

Hải phiêu tiệu[1]	*(hoặc vỏ trứng gà)*
Khô phàn	*Diên hồ sách*
Dầu chanh	*Mật ong.*

Công dụng: Ngăn đau dạ dày, chế bớt chất chua ở dạ dày.

- *Chứng thích ứng*: Đau dạ dày, chất chua ở dạ dày quá nhiều, dạ dày vỡ lở, 12 chỉ tràng vỡ lở.

3. Vị thống tán (Bột đau dạ dày)

Hải phiêu tiêu	*Trần bì*
Thanh mộc hương	*Men rượu,*
Đường cát	*Cam thảo.*
Cà dại ngâm thành cao	

Công dụng: Ngừng đau dạ dày, chế bớt chất chua ở dạ dày giúp tiêu hóa.

---

[1] *Tức mai cá mực.*

11. BÀI THUỐC TÁN KINH NGHIỆM CỦA TÔI

Bài thuốc:

Tán bột chữa đau dạ dày (Hy Lãn phương)

Hoài sơn	*2g*	*Xương truật*	*4g*
Hậu phác	*2g*	*Cam thảo*	*1/2g*
Trần bì	*1g*	*Hải phiêu tiêu*	*3g*
Hoàng đơn bì	*6g*	*Khô phàn*	*1/2g*
Bán hạ	*2g*	*Nghệ*	*1/2g*
Mộc hương	*1/2g*		

Cộng tất cả = 22 g/lần uống. Ngày 3-4 lần mỗi lần 22g bột trên.

Ý nghĩa phương:

Tôi lập phương này giữ nguyên bài "Bình vỵ tán", ý nghĩa bài này đã nói rồi, chủ yếu là ráo thấp mạnh tỳ, tỳ và vỵ luôn luôn có quan hệ tương hỗ.

Còn thêm:

- Hải phiêu tiêu có tác dụng chữa đau dạ dày thừa chua, chống loét và chảy máu, cầm máu.

- Hoàng đơn bì kháng sinh đông y rất mạnh se vết loét, hút mủ độc.

- Khô phàn tức phèn chua phi, ráo thấp giải độc sát trùng, trị ra máu, chữa viêm dạ dày, ruột cấp tính.

- Bán hạ: Ráo thấp, ngừng nôn, buồn nôn.

- Nghệ: Sinh cơ ngừng ra máu, phá máu xấu, máu bị tích đọng, hạ khí.

- Mộc hương: Điều khí ngừng đau, giúp tiêu hóa, bổ dạ dày, mạnh tỳ hòa vỵ trừ đờm.

- Hoài sơn: Tiêu tan độc sưng cứng rắn ở dạ dày, có

mantaza là men tiêu hóa, bổ trung ích khí, thu sáp lớn, cơ nhục. Tạo thêm chất nhầy cho niêm mạc. Tôi đã dùng bài này chữa nhiều người. Nếu mới đau, đau nhẹ tiến triển rất tốt, người đau nặng cũng thấy dễ chịu đỡ đau. Thông thường người đau nặng thì tôi làm thuốc thang thêm bớt vị cho phù hợp bệnh tình, chuyển biến nhanh hơn uống bột.

Nay đem ra đây để trình bày cùng độc giả, ai uống thí nghiệm sẽ thấy.

Tóm lại: Muốn chữa dạ dày tốt, cần phải biết phân biệt chẩn đoán. Xem dạ dày đang có bệnh ở thời kỳ nào? Do phong, do hàn, do ứ, hay do nhiệt, do loét v.v...

Khi dùng thuốc thì bất kỳ vị thuốc gì mà đúng chức năng của nó, đúng với triệu chứng hiện ra thì vị thuốc đó đều là thuốc chữa dạ dày. Chứ không thể có một phương nào chữa chuyên được dạ dày mà không cần biện chứng cụ thể cả. Chỉ có như vậy mới chữa được.

Trên đây một số phương tôi lập ra, cũng không thể hoàn toàn bắt chước như vậy mà chữa được. Người thày thuốc đông y cần phải biện chứng biện mạch cho rõ dạng bệnh, sau đó tùy bệnh chứng hiện ra mà thêm bớt cho phù hợp bệnh tình. Đó là phép chữa cơ bản, phải đi sâu nghiên cứu mới được.

LƯƠNG Y HY LÃN HOÀNG VĂN VINH

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN 5

PHẦN I

KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ GIẢI PHẪU SINH LÝ DẠ DÀY

1- Sơ lược giải phẫu 7

2- Sinh lý 7

3- Sơ lược những triệu chứng chính và cách chữa trị dạ dày của Tây y 8

4- Sơ đồ khám vùng bụng 10

PHẦN II

NHỮNG KIẾN THỨC KINH ĐIỂN VỀ CHỮA TRỊ BỆNH DẠ DÀY

1 - Trử Đông Tê nói 13

2 - Trương Cảnh Nhạc nói 13

3 - Hồ Quang Từ biên soạn trong "Tạp bệnh chứng trị tân nghĩa" 16

4 - Theo sách "Trung y chẩn liệu yếu lãm" 24

5 - Theo sách "Nội khoa họcTrung Quốc " 30

6- Cách chữa đau dạ dày của Tần Bá Vỵ trong sách "Thiêm trai y học giảng cảo" 33

7 - Cách chữa đau dạ dày của Hồ Quang Từ trong sách "Trung y nội khoa tạp bệnh chứng trị tân nghĩa 40

8 - Chữa đau dạ dày theo sách "Tán biên thang đầu ca quyết" của Mã Dư Tam 47

9 - Dạ dày vỡ lở (vỵ hội đăng) 48

10- Dạ dày dãn nở (vỵ quảng trương) 57

11 - Dạ dày co thắt (vỵ kinh loan) 62

12 - Dạ dày sùi mụn (theo Trung y chẩn liệu yếu lãm) 65

13 - Chứng lưu ẩm và quá chua 70

14 - Chứng sa dạ dày (vỵ hạ thùy) 75
15 - Chứng dạ dày yếu 78

PHẦN III
LUẬN BÀN VỀ CHỮA BỆNH DẠ DÀY

1. Bàn chữa tỳ vỵ của Cảnh Nhạc 82
2. Trung Quốc y học đại từ điển chữa dạ dày đau 84
3. Vỵ lạnh, ruột (tràng) nóng 88
4. Vỵ (dạ dày) lạnh nôn mửa 89
5. Vỵ nóng ruột lạnh 92
6. Dạ dày nóng nôn mửa 92
7. Dạ dày hư yếu sinh bí đại tiện 93
8. Dạ dày thực sinh bí đại tiện 93
9. Dạ dày chướng đầy 94
10. Dạ dày có ung nhọt 96
11. Chữa dạ dày hư yếu gây suyễn 100

PHẦN IV
CÁC BÀI THUỐC CHỮA TRỊ BỆNH DẠ DÀY HIỆN ĐANG ÁP DỤNG

1. Chứng đau dạ dày do vỵ lạnh 101
2. Chữa chứng đau dạ dày do khí của vỵ và can 104
3. Chữa dạ dày đau do nguyên nhân dạ dày hư yếu 113
4. Chữa dạ dày do đau ứ 116
5. Chữa đau dạ dày do nhiệt (do viêm) 117
6. Chữa đau dạ dày do dạ dày bị mọc ung nhọt 119
7. Chữa đau do giun 122
8. Chữa đau dạ dày do loét 127
9. Cách thêm bớt cho phù hợp bệnh chứng hiện ra 129
10. Những bài thuốc đau dạ dày Trung Quốc đang dùng 131
11. Bài thuốc tán kinh nghiệm của tôi 132

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

*Số 4 Tống Duy Tân - Hà Nội * ĐT: 8257063 - 8252916 - 8286766*

CHỮA BỆNH DẠ DÀY BẰNG ĐÔNG Y

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: PHẠM QUỐC TUẤN
Trình bày: PHẠM QUỐC TUẤN
Vi tính: NGỌC HUYỀN
Sửa bản in: LÊ ANH LÊ

In 1.240 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Nhà máy in Sách giáo khoa Đông Anh - Hà Nội. Giấy phép xuất bản số: 170a/59 CXB. Cấp ngày 28 -1-2004. In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2004.

Chữa bệnh dạ dày
BẰNG ĐÔNG Y







Giá: 20.000đ